



CHÁNH PHÁP

HOẲNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Võ Văn Tường

*"Bỏ dũ, chọn điều lành
Gọi là người tịch tịnh;
Người được gọi hiền sĩ,
Biết đời này, đời sau."
(Kinh Pháp Cú, Câu 269)*

*"For that reason, he is a sage.
He who understands both worlds
is, therefore, called a sage."
(Dhammapada, Verse 269)*



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Huệ Cảnh**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hảo**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Võ Văn Tường**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **VUI SÔNG** (thơ Diệu Viên), trang 7
- ♦ **TRƯỜNG HẠ FREMONT - NỖI BÌNH AN CỦA MẶT ĐẤT** (Thích Nguyên Siêu), trang 8
- ♦ **DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN LẦN I, NHIỆM KỲ III GHPGVN-TNHHK** (HT. Thích Tín Nghĩa), trang 11
- ♦ **MỘT BỮA ĂN KHÔNG ĐỊNH TRƯỚC** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 12
- ♦ **NHÂN GỬI** (thơ Trần Kim Chi), trang 13
- ♦ **HIỆN TÌNH SINH HOẠT VÀ TU HỌC CỦA CHƯ NI VIỆT NAM...** (TN Tiến Liên), trang 14
- ♦ **PHÁP HỘI CHƯA TAN** (thơ Hạnh Chi), trang 16
- ♦ **TÂM THƯ VẬN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÂM CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí), trang 17
- ♦ **HOA ÁNH SÁNG, VÒNG XOAY Ý THỨC** (thơ Mặc Phương Từ), trang 18
- ♦ **GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TĂNG TÀI NƠI HẢI NGOẠI HIỆN NAY** (Sakya Minh Quang), trang 19
- ♦ **HUYỀN THOẠI DUY-MA-CÁT HÓA GIẢI MỌI BẢN KHOẢN CỦA TÔI** (Huệ Trân), tr. 24
- ♦ **THONG DONG** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 25
- ♦ **F. L. WOODWARD** (HT. Thích Trí Chơn), trang 27
- ♦ **STORY OF FIVE LAY-DISCIPLES** (Daw Mya Tin), trang 29
- ♦ **NĂM GIỌT MẶT** (Thích Minh Chiếu soạn), trang 30
- ♦ **NGƯỜI BÁN THAN VÀ ÔNG QUÝ PHÁI – Câu chuyện dưới cờ** (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 31
- ♦ **LƯƠNG VÕ ĐẾ - Phật Pháp Thứ Năm** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 32
- ♦ **RÒN RỌN ÁNH TRẮNG, CHƯA HỀ PHÔI PHA** (thơ Du Tâm Lăng Từ), trang 34
- ♦ **SỨC SÁNG TẠO CỦA GIỚI PHẬT TỬ ĐẠI CHÚNG, t.t.** (Nguyễn Lang), trang 35
- ♦ **GIÂN, VUI, SÔNG, BIÊN** (thơ Phan Văn Quân), trang 38
- ♦ **QUYẾT NGHỊ CỦA ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN LẦN I, NHIỆM KỲ III** (GHPGVNTNHHK), trang 40
- ♦ **THÔNG BẠCH SỐ 2 - VỀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ** (Thích Nữ Nguyên Thiện), tr. 42
- ♦ **PHIẾU GHI DANH THAM DỰ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ**, tr. 44
- ♦ **PHIẾU BẢO TRỢ QUỸ CHUYÊN PHÁP LUÂN - YẾM TRỢ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ**, tr. 45
- ♦ **TỊCH DIỆT VI LẠC** (Thích Nguyên Tạng), trang 47
- ♦ **CHẾT LÀ MỘT NIỀM VUI** (thơ Tánh Thiện), trang 51
- ♦ **AN CƯ KIẾT HẠ** (Tâm Diệu), trang 52
- ♦ **SÂU RẰNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 54
- ♦ **TRUYỆN NGẮN TRẦM LINH TÁM CHỮ** (Steven N.), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: GÒI RONG BIÊN TỬ QUÝ** (bepgiadinhh.com), trang 57
- ♦ **TẠI HẠI CỦA THAM ÁI** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 58
- ♦ **TỔNG KẾT VỀ VIỆC TÁI CƠ CẤU TỔNG VỤ NI BỘ VÀ CÁC DỰ ÁN** (TKN Thích Nữ Giới Châu), trang 59
- ♦ **RỜI HOLLYWOOD ĐỂ TỚI NAM VANG** (Nguyễn Giác), trang 61
- ♦ **ĐỌC THƠ TRẦN NHÂN TÔNG QUẢ BÀN VIỆT DỊCH CỦA NGUYỄN LƯƠNG VỸ** (Huỳnh Kim Quang), trang 65
- ♦ **CHIẾC CHÌA KHÓA** (Quỳnh Chi dịch), trang 68
- ♦ **HÌNH ẢNH ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN LẦN I, NHIỆM KỲ III CỦA GHPGVN-TNHHK & AN CƯ KIẾT HẠ TẠI NIỆM PHẬT ĐƯỜNG FREMONT, CALIFORNIA** (Võ Văn Tường), trang 72
- ♦ **BỤI ĐƯỜNG – chương 1** (Vĩnh Hảo), trang 74
- ♦ **ĐÔI GUỐC SÚT QUAI** (thơ Ân Kiên), trang 77



Báo Chánh Pháp số 68, tháng 07 năm 2017, do Tổng Hội Cư Sĩ PGVN (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

ĐƯỜNG XƯA

Con đường nhỏ từ nhà bước ra vườn trước. Từ vườn trước lại có con đường nhỏ không tên dẫn ra đường lớn. Từ đường lớn của khu vực dẫn đến con đường lớn hơn. Rồi từ con đường lớn hơn lại dẫn vào con đường chính của thành phố.

Những con đường không tên. Những con đường có tên. Nhiều vô kể.

Một đời loanh quanh, đi tới đi lui những con đường.

Vẫn những con đường ấy, nhưng mỗi ngày, mỗi giờ, xe qua lại khác nhau. Những người lái xe cũng khác nhau. Xe cũ, xe mới. Người cũ, người mới. Và tuổi già, đến nhanh như xe vọt trên xa lộ.

Xe cộ mười năm, người trăm năm.

Đi qua lao xao phố phường, chợt lặng cười.

Dừng lại nơi ngã tư đường. Chờ đợi. Trăm mặc tư duy.

Nhớ nhân vật Sidhartha của Hermann Hesse trong *Câu Chuyện Dòng Sông*, từng nói sở trường của một du sĩ không nhà là "nhìn đối, suy tư, và chờ đợi."

Sidhartha của Hermann Hesse chẳng qua là hóa thân của một gã lang thang vô định, không chọn trước một con đường nào, dù đã được khai thị bởi Sidhartha Gautama qua nhiều thời pháp...

Nơi ngã tư đường phố thị. Đèn đỏ đèn xanh hiệu lệnh cho xe, cho người. Những người ngoan phục đã sống quen dưới sự điều khiển của điện tử. Nề nếp văn minh được biểu hiện bằng sự sáng tạo của một thiểu số thông minh—về kỹ thuật số, mà không biết cách nào để sống hồn nhiên với loài người trong thế kỷ mới. Tìm kiếm phương cách sống tiện nghi, thuận lợi nhất bằng sự lảng phai tất cả thời gian, năng lực và tiền bạc của vô số người. Thiếu số người đang chế tạo những con robots có thể thay thế con người làm tất cả việc, trong khi loài người càng lúc càng sinh sôi tràn lan trên mặt đất. Rồi ra, con người sẽ cảm thấy mình vô dụng so với những robots được sáng chế bởi thiểu số ưu tú (elite). Vô dụng rồi thì ở đâu, làm gì cho hết thời gian cuộc đời! Khi thiểu số người được ưu đãi leo lên đến đỉnh cao của đời sống văn minh (kỹ thuật), vô số người khác bị bỏ lại bên lề cuộc đời. Rồi thất nghiệp, thất chí, bất mãn, biểu tình, đi bầu đại cho ai hứa hẹn những gì hợp ý mình nhất. Lấn quần canh bạc đỏ—đen trong hí trường, và chính trường. Thế giới như được nhào nặn, uốn nắn theo vòng tròn ốc đã được định sẵn mà điểm đến của nó thường là trở lại nơi khởi đầu.

Những người nằm trước và những người nằm sau, xem chừng tỏ tợ như nhau. Lặp đi lặp lại những điệp khúc vui buồn. Cười thật lớn với những niềm vui rất nhỏ. Khóc khá nhiều bởi những chuyện không đâu. Lãng xằng nơi chốn đông người. Những người già người trẻ của hai ba thế hệ, cùng ngồi nơi bàn ăn, không nhìn nhau. Miệng nói, tay bấm, điện thoại chẳng rời tay. Như thế đời này bận rộn những điều quan trọng bậc nhất.

Những mùa lễ lạc, những buổi trình diễn, thi nhau ca tụng tán dương những thành quả hữu hình, và những gì tính đếm được (bằng nhân số, con số), không dính nhập gì đến niềm bình an tự tâm. Thi đua xây dựng những đền đài, dinh thự thật lớn với tấm lòng bé xiu và cái ngã thật to. Ngã càng to, càng làm chật chội đất trời.

Còn nơi nào cho một gã cùng tử lang thang ghé bước, dừng chân?

Nhìn đối, dễ thôi. Suy tư, dễ thôi. Chờ đợi, cũng dễ thôi. Nhưng chờ đợi gì giữa những mùa trăng mây phủ

dầy đặc khung trời. Khi trăng vắng vắng soi chiếu trên sân vườn nhỏ thì mắt xanh năm nào đã mở đục. Gỡ mắt kiếng xuống, chỉ thấy lòa nhòa bóng trắng, như là hoa đốm, giữa hư không.

Con đường xưa ai đã đi qua, có chăng một dấu hài.

Loay hoay, quanh quẩn một đời với những con đường trắng nhựa, những con đường thẳng bằng dẫn đến các dinh thự lầu vàng, những con đường trải sỏi trắng sáng, những con đường lát đá hoa cương phẳng tấp, những lối mòn ngang qua cỏ xanh bị dẫm nát, những con đường gập ghềnh quanh co bên suối rừng...

Chợt một ngày trơ vơ trên đỉnh núi, ngơ ngác nhìn xa tận chân trời.

Muốn đi lại con đường xưa, mà hun hút bóng chim bay.

Ráng hồng phủ xuống nửa vòm tây.

Vạt nắng tan theo mắt ướt chiều tha hương.

Con chim ứng lè loi, bay lơ lửng trên bầu trời sa mạc trong xanh.

Kẻ phong trần lần tìm mình châu nơi chèo áo.

Bao năm ngủ/thức với đêm/ngày và hai vầng nhật/ nguyệt trên cao, chỉ tự hỏi đâu là con đường.

Sidhartha từ một kẻ sở hữu tất cả đã tự nguyện làm kẻ không nhà lang thang, rồi lại sở hữu tất cả, rồi lại một lần bên dòng sông, buông bỏ hết.

Bên dòng sông, trong lòng sông.

Lắng nghe dòng thời gian và giấc mộng trường sinh chảy qua cầu.

"Người đứng mãi giữa lòng sông nhuộm nắng

Kể chuyện gì nơi ngày cũ xa xưa

Con bướm nhỏ đi về trong cánh mỏng

Nhưng về đâu một chiếc lá xa mùa..." (Tuệ Sỹ)

Có chăng dấu tích hay vết mòn từ một con đường mà du sĩ Sidhartha Gautama năm nào đi qua.

Đường xưa và đường nay khác nhau những gì.

Ồ, những du sĩ ngày nay không làm du sĩ nữa. Và cũng không làm ẩn sĩ.

Có mặt khắp nơi, sở hữu tất cả—mà không gì có thể buông bỏ được.

Những gì người nay sở hữu được chất đồng, ngổn ngang, đóng lại tất cả con đường; trong khi người xưa chỉ cần trí tuệ để mở ra tất cả con đường.

Đóng hay mở, giữ hay buông, chỉ từ một tia chớp của trí tuệ.

Ai như Gautama một lần đi ngang trần gian này. Có tất cả, buông tất cả.

Ngay cả trí tuệ siêu việt khó người đạt đến—trí tuệ mà người nay lấy làm sự nghiệp giác ngộ, cũng buông bỏ, vượt qua.

Con đường xưa, vì buông bỏ mà không lưu lại dấu vết nào.

Có thể nào đi lại con đường ấy hay không?

Vẫn có một con đường để đi.

Vẫn có một khung trời để bay.

Sa mạc bình yên.

Mặt hồ tĩnh lặng.

Bầu trời không mây.

Con đường không lối.

Chỉ là buông hay không buông mà thôi.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: Trung tâm Tu học Phật giáo “Đạo pháp Sinh thái” Rocky Mountain mới sẽ mở cửa tại Colorado vào tháng Sáu

Trung tâm Tu học Đạo pháp Sinh thái Rocky Mountain (RMERC) sẽ chính thức được mua vào đầu tháng Sáu tới, và các khóa tu sẽ bắt đầu vào cuối tháng Sáu.

Trung tâm tĩnh tâm này nằm dọc theo Rừng Quốc gia Arapaho ở tây bắc Denver, Colorado. Nó có diện tích 180 mẫu đất (73 hectares) được quy hoạch như một khu bảo tồn thiên nhiên, với 3 tòa nhà có thể chứa hơn 30 người tu tập. Theo trang web của trung tâm, mục đích của nơi này là “đưa Phật giáo và Đạo Pháp trở lại với thiên nhiên, nơi Phật Pháp khởi nguồn, và nuôi dưỡng sự tinh khiết và lòng từ bi cần thiết để giải quyết tốt hơn cuộc khủng hoảng sinh thái và các vấn đề công bằng xã hội có liên quan”.

Điều hành trung tâm là giám đốc kiêm phó chủ tịch David Loy, một nhà văn và là nhà hoạt động nổi tiếng trong Phật giáo dẫn thân. Một số giám đốc khác của trung tâm từng trải qua nhiều thập kỷ thực hành Phật giáo và có chuyên môn về khoa học và học thuật.

(Buddhistdoor Global – May 15, 2017)

*Cảnh quan vùng Rocky Mountain, Colorado (Hoa Kỳ)
Photo: rockymountainecodharma retreatcenter.org*



NHẬT BẢN: KALMYKIA (NGA): Lạt ma Zopa Rinpoche viếng thăm Kalmykia

Vào ngày 19-5-2017, Lạt ma Zopa Rinpoche, một trong những đại sư Phật giáo vĩ đại nhất trong thời đại của chúng ta, đã bắt đầu chuyến đi dài ngày được mong đợi của ngài tại nước cộng hòa Kalmykia – vùng duy nhất mà Phật giáo được thực hành nhiều nhất tại châu Âu.

Trong ngày đầu tiên của chuyến đi, Lạt ma Zopa Rinpoche đã viếng ngôi chùa tại thủ đô Elista. Ngài đã dành lễ các pho tượng thiêng liêng, tôn kính dâng lên Tam Bảo một chiếc khăn lụa (khatak) và có một bài phát biểu ngắn trước các thính giả tại Niệm Phật đường.

Vị lãnh đạo tinh thần của Hội Bảo tồn Truyền thống Đại Thừa (FPMT) sẽ giảng pháp và hướng dẫn thiền định tại Thích Ca Mâu Ni Phật Kim Các Tự, ngôi chùa lớn nhất của châu Âu và là ngôi chùa chính của Kalmykia – tọa lạc tại Elista. Sau chương trình này, Lạt ma Zopa Rinpoche sẽ thăm thủ đô Moscow của Nga để giảng pháp và truyền thụ thiền định Phật Dược Sư tại Trung tâm Ganden Tendar Ling, chi nhánh địa phương của FPMT.

(Buddhistdoor Global – May 23, 2017)



PAKISTAN: Chư tăng Tích Lan ca ngợi lòng hiếu khách của người dân Pakistan

Islamabad, Pakistan - Ngày 23-5-2017, chư tăng thuộc phái đoàn Tích Lan tham gia các lễ kỷ niệm ngày Vesak - do Ban Di sản Lịch sử và Văn hóa Quốc gia Pakistan tổ chức - đã ca ngợi lòng hiếu khách, sự thân thương và tôn trọng mà người dân Pakistan đã dành cho họ.

Họ nói việc bảo tồn các thánh địa Phật giáo mà các quan chức Pakistan thực hiện là minh chứng của mức độ tôn trọng mà Pakistan dành cho tín ngưỡng tôn giáo của họ.

Phái đoàn Tích Lan gồm khoảng 40 tu sĩ Phật giáo và du khách do Giáo sư N Gnaratana dẫn đầu đến Pakistan để tham dự lễ Vesak vào ngày 21-5. Giáo sư N Gnaratana phát biểu rằng Pakistan là một người bạn thật sự của Tích Lan, luôn luôn đứng bên Tích Lan trong những biến cố, thiên tai và trong từng giờ phút cấp thiết, là điều mà toàn thể quốc gia Tích Lan ghi nhận và ngưỡng mộ. (APP – May 23, 2017)

*Hình dưới: Phái đoàn Tích Lan tại Pakistan trong Lễ hội Vesak
Photo: APP*



Hình bên: Lạt ma Zopa Rinpoche tại Thích Ca Mâu Ni Phật Kim Các Tự, Elista (Kalmykia):

Photos: savetibet.ru

<—

HÀN QUỐC: Tìm thấy bản kinh thế kỷ 14 bên trong tượng Phật

Ngày 24-5-2017, một kinh điển Phật giáo thời Vương quốc Gorye đã được tìm thấy bên trong một tượng Phật tại chùa Silsangsa ở Namwon, tỉnh Jeolla Bắc.

Viện Nghiên cứu Di sản Phật giáo cho biết viên đá phát hiện "Daebanyabaramildagyeong," một bản kinh cuộn Phật giáo, nằm bên trong phần đầu của một tượng Phật ngồi của chùa Silsangsa.

Các nhà nghiên cứu đã phát hiện bản kinh trong khi chụp cắt lớp vi tính 3 chiều (CT) tượng Phật thế kỷ 14 này.

Bản kinh được viết bằng mực bạc trên giấy làm bằng cây tơ tằm. Đây là một bản phiên âm của Tập 396 của bộ kinh 600 tập "Mahapratjnaparamita", ghi rằng do một người tên là Yi Jang-Gye và vợ cúng dường. "Bản kinh được làm ra để tôn vinh tổ tiên của họ và để tránh những điều xui rủi", một nhà nghiên cứu của viện nói.

(donga.com - May 25, 2017)



Bản kinh bên trong phần đầu của tượng Phật tại chùa Silsangsa (Hàn Quốc)

Photo: Yonhap

ĐỨC: Lễ Vesak tại Tịnh xá Bá Linh

Bá Linh, Đức - Vào ngày 14-5-2017, Tịnh xá Phật giáo Bá Linh đã tổ chức Lễ Vesak, với sự tham dự đông đảo của Phật tử và những người thiện chí đến từ Tích Lan, Đức, Thái Lan và một số nước A, Âu khác.

Sau những bài pháp thoại của 2 vị tăng sĩ chủ trì và bài chúc mừng của các nhà tổ chức là phần tụng kinh Vô úy, để cầu Tam Bảo ban phước cho tất cả những người hiện diện cũng như tất cả chúng sinh theo lời Phật dạy.

Tịnh xá được trang hoàng với những lá cờ Phật giáo và đèn lồng Vesak nhiều màu. Trên khu vực rộng lớn của Tịnh xá có một số lều cung cấp một bữa cơm chay lành mạnh, gồm hầu hết các món ăn của Tích Lan trong giờ nghỉ trưa.

(The Buddhist Channel - May 25, 2017)



Lễ Vesak tại Tịnh xá Bá Linh (Đức)

Photo: The Buddhist Channel

THÁI LAN: Kẻ trộm bị bắt vì đột nhập 82 ngôi chùa

Khammual Sitabutr, 41 tuổi, đã bị bắt vì tội đột nhập các khu nhà ở của chư tăng tại 82 ngôi chùa khác nhau ở các quận huyện trong tỉnh Udon Thani.

Khammual bị bắt tại huyện Mueang vào ngày 25-5-2017, trong khi đang bán những miếng bùa mà ông ta đã trộm tại các chùa.

Cảnh sát tịch thu 2 xe gắn máy không biển số, 3 điện thoại di động, một máy tính xách tay và 200 bùa Phật.

Khammual khai với cảnh

sát rằng ông ta thất nghiệp nên đã ăn cắp 2 xe gắn máy để làm phương tiện đi trộm tại các chùa. Ông ta nói đã đột nhập các khu nhà ở của chư tăng và cũng đã trộm từ các thùng phước sương. Ông ta chọn thời điểm hành sự là khi các nhà sư rời chùa để đi khất thực.

(The Nation - May 26, 2017)

BAGLADESH: Tu viện Phật giáo Dhammarajika tổ chức các bữa ăn iftar cho người Hồi giáo

Tu viện Phật giáo Dhammarajika cung cấp bữa ăn iftar cho người Hồi giáo nghèo đói trong tháng lễ Ramadan linh thiêng.

Là một dấu hiệu của sự thân thiện và lòng từ bi, Tu viện Dhammarajika ở khu Basabo của thủ đô Dhaka đã cung cấp các bữa ăn iftar cho những người nghèo đói của cộng đồng này trong mỗi tháng lễ Ramadan kể từ năm 2013.

Được đề ra bởi Hòa thượng Suddhananda Mahathero, sáng kiến nổi bật này - một gương mẫu hiếm có - tái khẳng định tinh thần thể tục bất diệt của Bangladesh, sau khi đất nước này gần đây đã chứng kiến một số bất ổn về tôn giáo.

Trong mỗi buổi tối của tháng ăn chay linh thiêng, một hàng dài những người nghèo đứng chờ trước cổng Phật viện để nhận bữa iftar mà người Hồi giáo ăn sau ngày nhịn đói.

(Dhaka Tribune - June 2, 2017)



Tu viện Phật giáo Dhammarajika cung cấp bữa ăn iftar cho người nghèo Hồi giáo trong tháng lễ Ramadan

Photos: Mahmud Hossain Opu

**NGA: Thủ tướng Ấn Độ tặng
ngôi chùa Phật giáo ở St.
Petersburg bộ kinh Phật
giáo Urga Kanjur quý hiếm**

St. Petersburg, Nga – Ngày 2-6-2017, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã tặng chùa Datsan Gunzchoinei ở St. Petersburg hơn 100 tập kinh Urga Kanjur.

Phiên bản Urga (Mông Cổ) này của kinh Phật giáo Tây Tạng Kanjur mãi tới năm 1955 mới được biết đến, khi giáo sư Raghi Vira mang đến Ấn Độ bộ kinh đầy đủ gồm 104 tập với một tập ghi danh mục. Ông đã được Thủ tướng Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ tặng, như một bản hiếm có trong thư mục.

Bản kinh Kanjur này đã được sửa đổi, biên tập và khắc bản gỗ từ năm 1908 đến 1920 dưới sự bảo trợ của vị Jibcum-dampa cuối cùng của Mông Cổ. Nó được so sánh với phiên bản Đức Cách (của tộc Tạng Cam Tư) và 2 phiên bản tiếng Hán. Nó vẫn giữ theo thứ tự của kinh Tshal-pa Kanjur, vốn dựa trên bản danh mục cổ.

(ANI – June 2, 2017)



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi tặng chùa Datsan Gunzchoinei ở St. Petersburg bộ kinh Urga Kanjur
Photo: ANI*

**ẤN ĐỘ: Cảnh sát bắt giữ 2
kẻ đánh cắp pho tượng
Phật 900 năm tuổi**

Ngày 4-6-2017, Cảnh sát hình sự Delhi đã thu hồi một tượng Phật Pema Lingpa vốn bị đánh cắp từ một tu viện ở huyện Tawang của bang Arunachal Pradesh. Pho tượng bằng vàng này - cao 15,24 cm, có gắn một viên đá quý trên bàn tay - được cho là khoảng 900 năm

tuổi, bị mất từ nhà của vị trưởng lạt ma.

Cảnh sát đã bắt giữ con rể cũ của vị lạt ma và bạn gái của anh ta khi cặp đôi này đang cổ bán pho tượng trị giá khoảng 200,000 Rupees cho một khách hàng tại khu Majnu Ka Tilla.

Tượng Phật nói trên thường được cất kỹ tại nhà của vị trưởng lạt ma và trưng bày trước công chúng, đặc biệt là trong các sự kiện tôn giáo ở Arunachal Pradesh.

(TNN – June 6, 2017)



*Tượng Phật Pema Lingpa
Photo: TNN*

**BHUTAN: Công chúa Nhật
Bản viếng bảo tàng và
Phật viện ở Paro**

Paro, Bhutan – Ngày 5-6-2017, Công chúa Mako của Nhật Bản đã viếng một tu viện Phật giáo và một bảo tàng quốc gia trong chuyến thăm vương quốc Bhutan ở vùng Hi Mã Lạp Sơn.

Mako, 25 tuổi, đã viếng Paro Dzong, một trung tâm hành chính và cũng là một tu viện Phật giáo. Công chúa cũng tham quan bảo tàng quốc gia mà cha mẹ cô (Hoàng tử Fumihito và Công nương Kiko) cũng như Thái tử Naruhito đã từng viếng.

Công chúa Mako rất thích những mặt nạ truyền thống và những bức họa Phật giáo được trưng bày tại bảo tàng.

Trước đó trong cùng ngày,

công chúa đã tham quan những nơi có liên quan đến Keiji Nishioka, chuyên gia nông nghiệp người Nhật đã quá cố, là người được gọi là “cha đẻ của nông nghiệp Bhutan”.

(Asahi Shimbun – June 6, 2017)



Công chúa Mako viếng tu viện và bảo tàng tại thị trấn Paro, Bhutan



Photos: Ayako Nakada

**TRUNG QUỐC: Khám phá lại
ngôi chùa Phật giáo thế kỷ
thứ 4 bên dưới thành phố
Thành Đô**

Gần đây, các phế tích của chùa Fugan, một di tích Phật giáo nổi tiếng từ triều Đông Tấn (317 AD – 589 AD) đến triều Nam Tống (1127-1279) đã được tái khám phá bên dưới đường Shiye ở Thành Đô (Tứ Xuyên) bởi các nhà khảo cổ học.

Đến nay các vật tạo tác được tái khám phá bao gồm hơn 1,000 bia bằng đất sét

khắc kinh Phật và hơn 500 tác phẩm khắc đá về Đức Phật và chư Bồ tát. Nhiều đồ gốm sứ gia dụng và các vật liệu xây dựng cũng đã được tìm thấy.

Các nhà khảo cổ đã khai quật khoảng 11,000 m², vốn chỉ là một phần của khu chùa này khi nó còn hoạt động vào thời nhà Tùy và nhà Đường (581 AD – 907 AD).

Chùa Fugan là một ngôi chùa nổi tiếng trong số các chùa cổ từng phát triển mạnh trong thời kỳ thịnh vượng của nhà Đường, nhưng dần dần suy tàn trong những cuộc chiến của thời nhà Tống.

(NewsNow – June 6, 2017)



Các nhà khảo cổ đang làm việc tại khu di tích Chùa Fugan ở Thành Đô, Tứ Xuyên (Trung Quốc)—Photos: scmp.com

CANADA: Hội nghị Phật giáo Toàn cầu lần thứ 10 về sức khỏe tinh thần

Hội nghị Phật giáo Toàn cầu lần thứ 10 sẽ diễn ra vào ngày 17 và 18-6-2017 tại Trung tâm Khoa học Ontario ở Toronto, Canada.

Hội nghị sẽ có 15 diễn giả - một sự kết hợp của các triết gia Phật giáo, các nhà khoa học và các chuyên gia về sức khỏe tinh thần - chia sẻ về cách mà chánh niệm có thể trực tiếp ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần, đưa ra những kết nối giữa Phật giáo và khoa học.

Các chủ đề bao gồm định nghĩa của Đức Phật về chánh niệm đúng, các tiến bộ trong

trị liệu về nhận thức dựa vào chánh niệm, và cách mà suy nghĩ của chúng ta có thể làm thay đổi cấu trúc của não bộ. Trong phần bế mạc của hội nghị, những người tham dự sẽ thảo luận về tương lai của Phật giáo và cách thức mà chánh niệm có thể giúp chúng ta đáp ứng với bất cứ tình huống nào một cách thích hợp và có lợi.

Đây là lần đầu tiên Hội nghị Phật giáo Toàn cầu được tổ chức tại Bắc Mỹ; 9 lần trước đã diễn ra tại Úc hoặc Singapore.

(tipitaka.net – June 10, 2017)



Poster của **Hội nghị Phật giáo Toàn cầu lần thứ 10**
Photo: Tipitaka Network

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma nói rằng các thầy giáo nên hình thành tương lai của học sinh bằng cách tiếp cận từ bi

Dharamshala, Ấn Độ - Ngày 8-6-2017 tại tư thất của mình, Đức Đạt lai Lạt ma đã phát biểu trước khoảng 140 thầy giáo và hiệu trưởng của các trường học Tây Tạng khác nhau - đến từ khắp Ấn Độ và Nepal - rằng họ nên áp dụng cách tiếp cận từ bi để hình thành tương lai của học sinh.

Đức Đạt lai Lạt ma nói rằng một thầy giáo tốt hơn sẽ có nhiều ảnh hưởng hơn đối với học trò, vì trò tự động phát triển một ý thức tôn trọng đối với thầy, và sau đó những bài học đã dạy sẽ được trò ghi khắc một cách tốt đẹp hơn nhiều. Ngược lại, dạy học mà không có sự chăm lo và quan tâm thì không để lại tác động ảnh hưởng gì đến cuộc đời của học sinh.

Đức Đạt lai Lạt ma nói rằng mục tiêu chính của việc

đưa những lời dạy của Đức Phật vào môn học mà không chạm đến bất cứ khía cạnh tôn giáo nào là để đạt được sự tiếp thụ và phạm vi rộng hơn.

(Phayul – June 8, 2017)

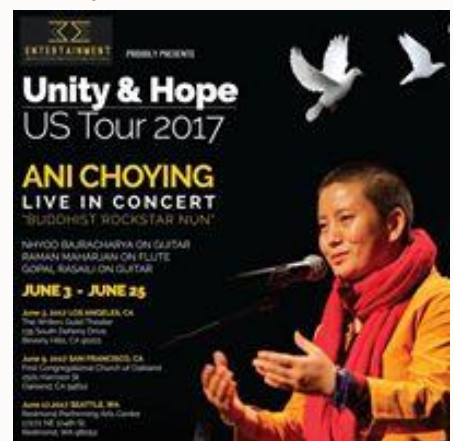
HOA KỲ: Sư cô - ngôi sao nhạc Rock Ani Choying lưu diễn tại 6 thành phố của Hoa Kỳ

Từ ngày 3 đến 25-6-2017, Ani Choying Drolma, nữ tu sĩ Phật giáo - ca sĩ nổi tiếng người Nepal sẽ trình diễn trực tiếp tại 6 thành phố của Hoa Kỳ, bao gồm Los Angeles, San Francisco, Seattle, Portland, Washington DC và Boston.

Là một sư cô và một nhạc sĩ, Ani Choying nổi tiếng tại Nepal và khắp thế giới vì đã mang nhiều bài tụng ca và hoan ca Phật giáo Tây Tạng đến với khán giả chính thống.

Chuyến lưu diễn lần này mang tên Hòa hợp và Hy vọng - do công ty giải trí Bhintuna International (Virginia, Hoa Kỳ) tổ chức - sẽ giúp bảo trợ cho nhiều dự án từ thiện của Ani Choying tại Nepal, cũng như giúp gây quỹ cho các tổ chức khác nhau trong khu vực để xây dựng đền chùa Ấn giáo và Phật giáo.

(NewsNow – June 10, 2017)



Poster chương trình lưu diễn "Hòa hợp & Hy vọng" tại Hoa Kỳ của Ani Choying
Photo: Facebook

ẤN ĐỘ: Nhà sư đưa trẻ em khỏi các khu ổ chuột đến trường

Nhà sư Lobsang Jamyang,

một người tị nạn tại Ấn Độ, đã thành lập tổ chức Từ thiện Tong Len với sự bảo trợ tài chính từ Đức Đạt lai Lạt ma. Tổ chức này điều hành một khu dân cư ở làng Sarah, cách khu Mcleodganj khoảng 15 km. Hiện nay có khoảng 107 học sinh lưu trú tại Tong Len. Các em chủ yếu là trẻ nhút nhát giẻ rách đến từ các khu ổ chuột của Thung lũng Kangra.

Sư Lobsang nói ông thường trả phụ huynh 150 Rupee mỗi tháng để giữ cho con em của họ được ở tại Tong Len.

Tong Len đã gắn kết với trường Trung học Lớp lớn Kiểu mẫu Dayanand trong việc học hành của các em.

Hiệu trưởng của trường, Meenakshi Gautam, nói, "Chúng tôi may mắn vì là một phần của sáng kiến này. Có gần 100 học sinh từ Tong Len đang theo học với chúng tôi".

(Indian Express - June 12, 2017)



Sư Lobsang Jamyang và các học sinh
Photo: Kamleswar Singh

ANH QUỐC: Champtrul Rinpoche, vị thầy về Triết học Phật giáo Tây Tạng, sẽ hoằng pháp khắp thành phố Plymouth

Champtrul Rinpoche, một tu sĩ Phật giáo và là vị thầy về Triết học Phật giáo Tây Tạng đang đến viếng thành phố Plymouth để truyền giảng về an lạc nội tại vào thời gian diễn ra các xung đột chính trị và bất ổn tại nước Anh.

Champtrul Rinpoche sẽ giảng pháp miễn phí, truyền bá những cách để tìm sự an lạc trong bối cảnh của thế giới hiện đại. Vị tu sĩ Phật giáo này

sống trong một tu viện ở vùng Hi Mã Lạp Sơn thuộc Ấn Độ và đang khởi động một chuyến đi toàn cầu, bao gồm Vương quốc Anh, Hy Lạp, Hoa Kỳ, Nam Phi và Peru để chia sẻ trí tuệ của ông.

Và trong lần đầu tiên đến thăm Plymouth, Champtrul Rinpoche sẽ giảng dạy cho Phật tử Plymouth và những người thuần túy muốn tìm kiếm sự an lạc trong thế giới bất an ngày nay.



VUI SỐNG

*Đời sẽ vui khi nào biết sống
Bằng tâm lòng mở rộng yêu thương
Xẻ chia sướng khổ, vui buồn
Với người thân thích ta thường quan tâm.*

*Sống biết đủ không màng vật chất
Đem niềm vui gửi gắm khắp nơi
Yêu cuộc sống, quý mọi người
Giúp dân nghèo khổ, thương đời lắm than.*

*Đời muôn thuở thường hằng biến chuyển
Chuyện ngày mai khác chuyện hôm nay
Đừng buồn trước cảnh đổi thay
Đâu gì như cũ vậy hoài bạn ơi!*

*Sống sao khỏi có lần vinh nhục
Khác nào sông lúc đục, lúc trong
Không sâu nào lúc long đong
Gặp hồi đắc thế cũng không vội mừng.*

*Đời vạn biến giữa tâm bất biến
Thân thì năng tập luyện thường xuyên
Tâm thì học Đạo, tu Thiền
Sống vui, sống khoẻ, muôn phiền cho qua.*

thơ **DIỆU VIÊN**

(plymouthherald.co.uk - June 13, 2017)



Champtrul Rinpoche
Photo: plymouthherald.co.uk

TRƯỜNG HẠ FREMONT - NỖ BÌNH AN CỦA MẶT ĐẤT

Thích Nguyên Siêu

Sáng nay sau giờ công phu, Hòa Thượng Hóa Chủ có lời huấn thị với đại chúng: "Kính lạy mười phương chư Phật gia hộ cho tất cả sự sống trên mặt đất này được an lành: Thứ nhất là nguyện cầu cuộc hỏa hoạn khu nhà chung cư tại London, Anh Quốc sớm được dập tắt, để người sống sớm có được đời sống yên vui, hạnh phúc và người đã chết sớm được thoát sanh vào tịnh cảnh. Thứ hai, trước sân Niệm Phật Đường Fremont, trên cành cây có một tổ chim mà sáng nào cũng thấy chim Mẹ đút mồi cho đàn chim con, tình thương nuôi lớn sự sống ở nơi đó." Do vậy mà Hoà Thượng đã không dám quét rác, tưới nước sợ động tới tổ chim. Thà mình chịu dơ một chút mà bảo vệ sự bình an của Mẹ con đàn chim kia có tổ trên cành. Sự sống mới là quan trọng. Sự sống mới đáng nuôi dưỡng và Hoà Thượng đọc 2 câu thơ của Bùi Giáng:

*"Đôi Khi lỡ hẹn một giờ,
Lần sau muốn gặp phải chờ trăm năm"*

Sự sống của muôn loài luôn chuyển tiếp, nối nhau không dứt. Hôm nay còn, ngày mai mất, chúng ta có được nhận duyên gặp mặt nhau, thì hãy cho nhau nỗi bình an của lòng mình, nếu không, sau này sẽ không có cơ hội.

Mùa An Cư Kiết Hạ, do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ tổ chức tại Niệm Phật Đường Fremont, San Jose do Hòa Thượng Thích Đồng Tuyên bảo trợ, đã làm Lễ kiết giới An Cư khuya hôm qua, 12 tháng 6 năm 2017. Đông đảo Chư Tăng Ni đã tham dự từ các tiểu bang Hoa Kỳ đổ về phi trường San Jose như một sự việc chẳng bình

thường của những chuyến bay sao chở nhiều Chư Tăng Ni quá vậy? Chứng ấy không thôi đã nói lên cho mọi người biết rằng, tinh thần hòa hợp, thanh tịnh của Tăng được tôn trọng, tuân thủ một cách có ý thức truyền thống tự ngàn xưa. Dù cho một cá nhân Tăng sinh hoạt, hoằng pháp ở một trú xứ nào, dù xa hay gần, mà mỗi khi mùa An Cư lại về thì tất cả đều gát lại Phật sự địa phương, bốn tự mà cùng nhau kéo về nơi tổ chức trường hạ quây quần bên nhau cùng tu, cùng học, cùng trao đổi kinh nghiệm cho nhau trên con đường hoằng pháp. Đây là một giá trị sống trên tinh thần pháp lữ, tông môn mà tự ngàn xưa luôn sinh động trong chốn nhà thiền, cổ tự. Mùa Hạ năm nay Chư Tăng Ni tham dự là 156 vị. Ban tổ chức Trường Hạ đã họp Tăng cung an chức sự và một chương trình giảng dạy cho Tăng Ni Phật tử được công bố. Giờ giấc tụng kinh, lễ Phật công phu, sám hối như là những Tăng sự đã có từ nhiều thập niên về trước. Đây chính là sức sống của mùa An Cư Kiết Hạ, cùng đồng một trú xứ để ở. Một trú xứ để tu. Một trú xứ để học tập và một trú xứ để chia sẻ tình pháp lữ xa quê hương, xa Thầy Tổ.

Chương trình giảng dạy cho Trường Hạ gồm có: Kinh, luật, luận, và tư tưởng văn học, thiền học, kinh nghiệm sống làm Phật sự nơi hải ngoại. Mỗi ngày đầu mà không khí tu học lên cao, Thầy, Cô, Phật tử nào cũng tròng hoan hỷ lộ trên nét mặt. Như buổi giảng đầu tiên của Trưởng lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan - Thiền chủ, qua đề tài: "Vạn Pháp





CHƯ TÔN ĐỨC TĂNG, NI AN CƯ KIẾT HẠ NĂM 2017

TẠI NIỆM PHẬT ĐƯỜNG FREMONT, CALIFORNIA, HOA KỲ

Từ ngày 12 đến ngày 22 tháng 6 năm 2017

Ảnh: Võ Văn Tường

Qua Cái Nhìn Duy Thức.” Hòa Thượng giảng thao thao bất tuyệt cả hội trường lắng đọng tâm tư để chiêu cảm những lời, những tư tưởng triết lý từ Hòa Thượng trao truyền. Ai nấy biểu lộ bằng đôi mắt ngưỡng phục vì Hòa Thượng năm nay đã gần 90 tuổi, ấy vậy mà tư tưởng, ngôn phong, âm hưởng còn sang sảng, khỏe mạnh, quý Thầy trẻ chưa chắc đã bằng. Có lẽ vì Hòa Thượng vui khi nhìn thấy Chư Tăng Ni vân tập về An Cư Kiết Hạ, đông đảo như thế này, mà chẳng quản tuổi già sức yếu. Hòa Thượng nhìn về tương lai thấy có người thừa kế, tiếp nối con đường truyền trì Phật Pháp. Chắc có lẽ vì vậy mà Hòa Thượng khỏe hẳn khi cầm lấy microphone thuyết giảng không ngừng. Cũng như vào ngày khai mạc Đại Hội Thường Niên lần I nhiệm kỳ III. Hòa Thượng Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm đã làm Lễ Tấn Phong cho TT. Thích Minh Mẫn đăng lâm pháp tịch ngôi vị Hòa Thượng; ĐĐ. Thích Tâm Bình, ĐĐ. Thích Pháp Tánh lên ngôi vị Thượng Tọa và Ni Sư Thích Nữ Giới Châu lên ngôi vị Ni Trưởng - Quyền Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ. Đây là những thành quả của những ngày đầu chuẩn bị đi vào Khóa An Cư Kiết Hạ. Trong nghi thức Lễ tiền phương tiền Kiết giới thọ An Cư, tiểu giới trường được phân bổ, chỉ định rành rõ qua bốn góc Đông, Tây, Nam, Bắc làm tiêu tướng trong chánh điện, Chư Tăng Ni lắng nghe mà thọ trì. Đến giờ Kiết Đại Giới, toàn thể Chư Tăng Ni An Cư đều phải đi ra ngoài sân để thấy được những tiêu tướng đại giới do ĐĐ. Nhật Thiện xướng chỉ. Tất cả đều đứng thành vòng tròn,

một vòng hoàng y rực sáng của buổi ban mai nắng ấm, vùng thung lũng hoa vàng San Jose thơ mộng.

Trong chương trình giảng dạy Trường Hạ năm nay, điều đặc biệt là bên Ni Chúng có hai buổi họp đầu tuần, để phân bổ công việc, dưới sự chủ tọa của Ni Trưởng Thích Nữ Giới Châu - Quyền Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ. Có thể nói, đây là hình ảnh đầu tiên của sự sinh hoạt Ni sự, cũng như hội họp trong tinh thần đoàn kết, hiểu biết thâm tình của Ni Chúng. Có lẽ thời gian trước đây không có người chỉ đạo, điều hợp thiết thực nên chưa hội tụ được Ni Chúng về một trú xứ thích hợp. Hôm nay đã hội đủ như duyên nên sở cầu như nguyện.

Buổi quá đường trưa ngày đầu, năm dãy bàn trong Trai đường được lắp kín qua những chiếc y vàng của Tăng Ni, và dãy bàn ngay trên bục là Chư Tôn Hòa Thượng trong Ban Tổ chức. Phía cuối năm dãy bàn là quý nam nữ cư sĩ Phật tử do TT. Thích Minh Chí, Giám viện Phật Học Viện Quốc Tế gọi về Trường Hạ để nấu ăn cúng dường, đang quì gối tác bạch Trai Tăng. Trong không khí trang nghiêm, giữ lòng thanh tịnh, như reo vui, một niềm vui rạo rạt trong lòng của người con Phật. Tiếng mõ, tiếng khánh nhịp nhàng qua lời niệm Phật: Nam Mô A...Di Đà... Phật! đều đặn theo từng bước chân của 140 Tăng Ni, trừ các vị hành đường. Những chiếc y vàng, những tà áo lam đã dệt thành một đoàn người khoan thai từng bước, tay chấp, đầu cúi, miệng niệm, mắt khép lại dường như mọi người đang hướng tâm vào giây phút hiện tại, chánh niệm, tỉnh giác nơi đây.

Những hạt nắng vàng buổi trưa đã cháy nhẹ, làm sạm màu da trán của người Tăng Sĩ An Cư. Nhưng chẳng sá gì tiểu tiết ấy, đoàn người vẫn tiếp tục thiền hành chậm rãi đến cửa chính trước để vào chánh điện. Những chiếc gối tròn đặt trên bồ đoàn ngay ngắn, thẳng tắp từng hàng, trông đẹp mắt. Nhưng nếu ai để tâm hơn nữa thì thấy đây là một sự cẩn trọng, có ý thức trong sự sinh hoạt nơi đạo tràng tu tập, giữ lấy việc làm chánh tâm, chú ý chứ không phải vô ý, vọng tâm.

Sau giờ chỉ tịnh là thời tụng kinh, lạy Từ Bi Thủy Sát, rồi Mông Sơn Thi Thực nguyện cho các loài hồn xiêu, phách lạc được nghe lời kinh tiếng kệ mà no đủ, để sớm thoát cảnh u đồ, được nương về cõi Phật. Hôm nay là ngày thứ hai, nhưng sao những đề tài thuyết giảng của các vị Giáo thọ khá sôi nổi, hào hứng đã làm cho Tăng Ni chú tâm theo dõi mà Giáo thọ sư đã đưa ra, đã trình bày, đã diễn đạt hết sức cặn kẽ, đã mang kinh nghiệm tu học của mình để trao truyền lại cho người nghe, không tiếc giữ. Từ tâm niệm chân thành đó đã tạo nên không khí của giảng đường tươi mát, rộn tiếng luận bàn, ngõ hầu xây dựng cho mình một kiến thức Phật Pháp hay kinh nghiệm sống của bản thân. Đồng thể hiện sinh hoạt của Trường Hạ, Ban Tổ Chức đã sắp xếp một phòng Quá đường ở bên ngoài dành cho nam nữ cư sĩ từng hạ và thỉnh cử hai vị Tăng đảm nhận nghi lễ Quá đường này, để cho những người nam nữ cư sĩ Phật tử hiểu và biết được cách thức đi Quá đường. Đây là một sự quan tâm về sự tu học của hai chúng xuất gia và tại gia mà không có sự phân biệt, ngăn cách.

Cũng như năm nào, trọng mùa An Cư Kiết Hạ đều có tổ chức Lễ Tưởng Niệm Bồ Tát Thích Quảng Đức - vị pháp thiêu thân thấp sáng ngọn lửa Từ Bi và lưu lại Trái tim Bất diệt cho hàng ngàn năm sau, thế giới loài người sung kính, quý y. Trong Lễ Tưởng Niệm này sẽ có nhóm Tuệ Đăng. Anh chị em nghệ sĩ phát tâm cúng dường đêm văn nghệ hoạt cảnh Bồ Tát tự thiêu, để cho những ai chưa từng chứng kiến cảnh động tâm trước ánh lửa bập bùng đốt cháy thịt xương của Bồ Tát, thì nhân đây cảm nhận được phần nào trong muôn một mà chia sẻ cảm thông để nhận chân sự thật về một chặn đường lịch sử đầy cam go, nghiệt ngã của Phật Giáo Việt Nam. Ngọn lửa Từ Bi ấy, Trái tim bất diệt ấy sẽ sống mãi muôn đời trong tâm thức của người con Phật Việt Nam và mốc ngoặt lịch sử ấy đã là một điểm son tô đậm máu xương của Phật giáo đồ, của GDPT, của Chư Thánh tử đạo vì pháp vong thân.

Tu cho mình, đồng thời cũng tu cho người; tu cho những ai biết đem tâm về với Phật. Biết giữ tâm, giữ giới, giữ lời Phật dạy, để tu tập hạnh lành, lợi lạc tha nhân, mong tìm về cội nguồn giải thoát, do vậy Hòa Thượng Hóa chủ tổ chức Giới Đàn Thọ Bồ Tát Giới Tại Gia, để cho những ai chưa thọ thì phát tâm lãnh



thọ giới pháp, còn những ai đã thọ rồi thì lấy đó làm niềm khích lệ hơn lên cho chính mình. Quả thật, mỗi mùa An Cư là nổi bình an trên mặt đất.

Nổi bình an của lòng người, vì được ở một chỗ, không bận tâm lo nghĩ việc này việc nọ. Gắt hết mọi chuyện để tâm tu học không thôi. Tối giờ đi nghe thuyết giảng, tụng kinh, ngồi thiền, công phu, bái sám, đầu đó giờ giấc đã qui định, nên thấy lòng an vui.

Nổi bình an của cỏ cây sỏi đá, vì dù là hữu tình, vô tình, tất cả đều nguyện cầu thành Phật đạo, mà bốn thời tụng kinh: sáng công phu, trưa qua đường, chiều sám hối, tối ngồi thiền, tất cả đều phục nguyện cho "tình dữ vô tình giai cộng thành Phật đạo," mà từ trong quả khú, các loài chim muông, cây rừng, hoa lá, đâu thấy được những tấm y vàng dung dị, hoại sắc của Tăng Ni. Đâu nghe được tiếng niệm Phật, lời Kinh siêu độ như hôm nay. Nên, đây chính là nổi bình an của mặt đất. Vì đất đã nuôi lớn muôn loài. Đất đã sản sinh ra tất cả. Đất đã nuôi người. Và đất cũng đã chôn người. Đất đã bảo bọc cho người sống và cũng đã ôm ấp người chết cho đến ngàn năm sau mà dường như vô tận.

Giữ lòng thanh tịnh mà lắng nghe lời phục nguyện: "Cầu cho cuộc hòa loạn toà nhà chung cư tại London sớm được chấm dứt. Xin cho người còn sống được an lạc hạnh phúc. Và xin cho người đã chết được nhẹ nhàng siêu thoát, trong niềm tin của tôn giáo mình."

Nổi bình an vô phân biệt. Nổi bình an bình đẳng. Nổi bình an như biểu thể của tâm lưu xuất từ chân như thường hằng, tịch mặc. Lời Kinh Lăng Nghiêm khuya nay, sao mà thanh thoát trầm hùng quá. Thanh thoát như hàng trăm tấm lòng vô sự. Vì vô sự nên âm hưởng nghe trong sáng, thanh tao. Và trầm hùng vì ai nấy đều lắng lòng chú ý, theo từng nhịp điệu của nhau không sai lệch, chính là thành quả của một thời dày công tụng niệm, công phu chuyên cần.

Nguyện xin cho nổi bình an này là sức sống trường tồn dù nơi vách đá cheo leo, hay trên đỉnh đồi trường sơn lộng gió. Nơi biển khơi ngàn con sóng bạc đầu, hay trên cánh đồng xanh lúa chín rì rào đầu đầu cũng thấy hiện thân nổi bình an khắp tất cả.

Trường Hạ năm 2017
Fremont Niệm Phật Đường
Nguyễn Siêu



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

-----oOo-----

DIỄN VĂN KHAI MẠC

Đại Hội Thường Niên Lần Thứ 1 - Nhiệm Kỳ III (2016-2020)
Tại NPĐ Fremont, Tp. Fremont, California, Hoa Kỳ

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch: Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,

Kính thưa: Quý Đại biểu cư sĩ, Anh chị em ĐĐPT các cấp, cùng toàn thể liệt quý vị,

Cũng vào thời gian này, năm 2016, Giáo Hội của chúng ta đã trang trọng tổ chức Đại Hội Khoảng Đại nơi đây, qui tụ đông đảo Chư Tôn Đức Tăng Ni và quý vị nam nữ cư sĩ thành viên đã biểu tỏ tinh thần phụng sự cao quý mà một năm qua Giáo hội gặt hái nhiều thành quả đáng kể. Tuy nhiên, những thành quả đáng kể ấy không phải là điều để chúng ta tự mãn, mà phải lấy đó như là một sự cố gắng dẫn thân, phát huy con đường hoằng pháp và Phật sự của Giáo Hội nhiều hơn nữa.

Nhìn lại nhiều năm qua, các bậc Tôn Túc thạch trụ tông lâm đã lần lần sớm về hâu Phật. Giáo Hội chúng ta hôm nay chỉ còn có Ngài Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm mà thôi. Ngài như là cội tùng già ngàn năm trên sườn núi tuyết, sừng sững với nắng mưa năm tháng, nhưng không mỗi mòn. Từ đó, chúng ta tự nghĩ lại bản thân mình đã có được bao tháng ngày đem tâm phụng sự Giáo Hội, phát nguyện dẫn thân, thấp sáng ngọn đèn nhà Thiền trên con đường lịch sử của Chư vị Lịch Đại Tổ Sư. Chúng ta nhìn về quá khứ thì các bậc cha ông Thầy Tổ đã không còn, mà chỉ là di ảnh, biểu tượng, dư âm của một thời hoằng truyền chánh pháp mà bây giờ được tôn trí nơi Hậu Tổ tịch mặc, vô ngôn. Chúng ta nhìn về tương lai thì thấy có hàng hậu học, cháu con của quý Ngài có mặt khắp đó đây trên các châu lục, nhưng nếu để tâm thỉnh cầu những người có hạnh nguyện phụng sự, biết hy sinh cái tôi mà làm lợi lạc cho người, biết xả bỏ cái của mình để hiến dâng tâm nguyện cho tất cả thì chưa được nhiều lắm. Vì Phật sự ở hải ngoại hôm nay, theo cán cân cung cầu sao cho thích ứng với nhau, nếu không sẽ bị mất thăng bằng, lệch hướng.

Đây chính là bốn phận, trách nhiệm của từng người đệ tử Phật, phải lên đường, phải mang hành trang phụng sự, như Đức Phật dạy: *"Này các Tỳ Kheo, các Thầy hãy đi. Đi từ thành thị đến thôn quê. Đi trên những đại lộ thênh thang hay những con đường nhỏ hẹp của xóm làng hẻo lánh. Đi và chỉ đi một mình để làm lợi ích cho người. Đem lại sự bình an, hạnh phúc cho tất cả."*

Hình ảnh một sứ giả Như Lai trên thân ba tấc y và chiếc bình bát để khất thực qua ngày làm phương tiện mà tùy duyên hóa độ. Vậy mà cả trời người đều cung kính đánh lễ quy y. Từ đó, nghĩ lại chính mình, ai đã từng dẫn thân phụng sự thì ước mong rằng hãy dẫn thân hơn nữa. Hãy phụng sự hơn nữa cho Đạo ngày thêm khởi sắc, cho đời ngày một an vui. Còn nếu ai chưa phát nguyện mở lối đi đầu để khơi nguồn dòng chảy của Phật pháp ngày một lan xa thì xin hãy hạ thủ công phu ngay từ bây giờ để cùng nhau làm việc mà Giáo Hội luôn mở vòng tay tiếp đón tất cả quý vị. Mong lắm thay!

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Già,

Kính thưa quý nam nữ cư sĩ đại biểu,

Niệm Phật Đường Fremont, HT Thích Thái Siêu lại một lần nữa phát tâm bảo trợ tổ chức Đại Hội Thường Niên lần thứ I nhiệm kỳ III và mùa An cư Kiết Hạ năm nay, quả thật là một tấm lòng hi sinh to lớn, vì Giáo Hội, vì tinh thần hoằng pháp của Phật Pháp ngày một xương minh.

Chân thành kính cảm ơn HT Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm, cùng toàn thể Chư Tôn Đức Tăng Ni, quý cư sĩ thành viên Giáo Hội hiện diện hôm nay. Đây chính là biểu tỏ tinh thần Giới Luật: Tương kính, Tương thuận, Tương giáo, Tương sám; là ngọn đuốc soi sáng cho tất cả chúng ta trong Đại Hội Thường Niên hôm nay, để cùng hướng đến mục đích thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh là phương châm của người đệ tử Phật.

Kính chúc Quý Ngài pháp thể khinh an, Phật sự viên thành.

Kính chúc Quý Cư sĩ đại biểu vô lượng an lạc, cát tường như ý.

Kính chúc Đại Hội thành công viên mãn.

Nam Mô Thành Tựu Trang Nghiêm Công Đức Phật

Fremont ngày 11 tháng 6 năm 2017

Chủ Tịch HĐĐH

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Một bữa ăn không định trước

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Tôi quen biết và gần như thân cô bé mang tên Phan thị Hoàng Anh, học lớp đệ tam Bồ Đề Hữu Ngạn - Huế, và cũng năm ấy tôi học ban Tú tài toán. Sau khi xong chương trình phần hai, tôi chuyển trường; đồng thời, vắng lời Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Thừa Thiên - Huế, làm Giám đốc xưởng cửa Lục Hòa ở gần Điện Hòn Chén, cách làng Thiệu Trị một cây số.

Rồi mỗi người đi theo một con đường do nhơn duyên của mình đưa đẩy.

Lớp học chung với cô bé Hoàng Anh này giờ tôi chỉ nhớ một vài cô như: Cô Nguyễn Khoa Diệu Trang (*bây giờ định cư tại San Jose, tôi có dịp gặp mặt một vài lần*), cô Trần thị Hải Châu (*hiện ở tại Dallas, cũng có đến viếng thăm Từ Đàm Hải Ngoại, tôi cũng lên nhà khi chở người anh ruột Trần Thương Quảng từ Na Uy qua thăm*), cô Nguyễn Thị Hường (*hiện ở Việt Nam*) vân vân. Biết thì nhiều, nhưng nhớ thì không còn được bao nhiêu.

Số này, bây giờ đã trở thành các ông bà nội ngoại cả. Riêng cô Phan thị Hoàng Anh sau khi lập gia đình với anh Nguyễn Quang Lợi, cả hai vị đều làm nghề gỗ đầu tre ở quê nhà. Và, cô chung với nhau được bốn cháu trai, nay đã thành tài. Gia đình hiện sinh sống tại San Jose, tiểu gia đình là Phật tử thuần thành, đều tham dự và tham gia công tác Phật sự vùng miền bắc Cali, đặc biệt là chùa Liễu Quán. Cô Hoàng Anh với Pháp danh Nguyễn Trưởng rất thích tụng kinh bái sám. Nơi nào có đạo tràng đều có mặt trọng các chương trình do chư Tôn đức hướng dẫn. Những Khóa Tu Học Bắc Mỹ đều đóng góp và trực tiếp tham dự, không mỗi một cả vợ lẫn chồng.

Tôi còn nhớ Khóa Tu Học Bắc Mỹ lần thứ Ba tại San Diego, do Hòa thượng Nguyên Siêu là Trưởng ban, cô được phần thưởng; người chống gập tôi bảo:

- Thừa Ôn, chuyến này tụi con không ngờ, nên đi máy bay; nếu biết Hoàng Anh có phần thưởng thì con đi xe truck để chở phần thưởng.

Cả ba thầy trò đều phá lên cười.

Hai khóa An cư Kết hạ 2016 và 2017 do Hòa thượng Thái Siêu bảo trợ và là Hóa chủ, hai ông bà đều có mặt, nhưng cô Hoàng Anh



thì suốt khóa nghe giảng và tụng kinh đều đặn hơn.

Năm 2017 này, thì cô ta đi một mình.

Sau khi Đại hội Thường niên của Giáo hội xong, tôi vì duyên sự bản thân nên bắt buộc phải về sớm mà không được an cư cùng chư Tôn đức.

Khi nhìn vé máy bay rời Niệm Phật Đường Fremont để ra về. Vì mắt nhắm mắt mở nên đọc sai ngày rời trường hạ. Thật sự, không phải mắt nhắm mắt mở mà là vì: tâm tư hơi khó chịu khi xa trường hạ.

Mỗi một buổi sáng, tuy chưa là chính thức vào hạ, chính bản thân tôi khuyên quý thầy cô trẻ cố gắng giữ niệm an cư ít nhất là một tuần, tốt nhất là trọn khóa. Tôi cứ dặn hoài về chuyện này là: Không nên vào hạ được hai, ba ngày rồi mặc y hậu đánh lễ xin: vì Phật sự đa đoan nên rời trường hạ. Làm như thế, thứ nhất khó xử cho vị hóa chủ, thứ hai nó cũng động chúng; thế nên, tôi biết trách nhiệm và bổn phận của tôi, không dám nói với ai hết, chỉ cho Hòa thượng Phước Thuận và Hòa thượng Nguyên Siêu biết mà thôi. Chính Hòa thượng Hóa chủ Thái Siêu giờ phút chót, ngài mới biết.

Hòa thượng Hóa chủ cứ nói tới, nói lui một cách chân tình là: Hòa thượng Chủ tịch về nếu được, tối thứ bảy bay qua để chúng ta cùng chung lo cử hành kỷ niệm Bồ tát Thích Quảng Đức hằng năm và dự lễ Tự tử cho vui, tôi chỉ đáp lại với cái cười nhẹ.

Một bữa ăn sáng cùng chúng an cư, tôi đứng dậy xin chào giã biệt, cũng không quên kính lời đánh lễ chư Tôn đức và Đại chúng an cư.

Vị đệ tử sắp phát nguyện xuất gia với Hòa thượng hóa chủ đưa tôi ra tận phi trường San Jose. Hai thầy trò chào nhau giã biệt. Tôi mang hành lý vào tận quầy gửi hàng và lấy boarding pass. Cô ghi danh tìm tới tìm lui không thấy tên mặc dầu trên tay cô đã cầm cái ID của tôi.

Cô bảo:

- Ông không có tên trong chuyến bay này.

Tôi đưa vé máy bay, cô nhìn vào computer một lần nữa, cười và bảo:

- Chuyến của ông ngày mai thứ Tư kìa, nay là thứ Ba.

Tôi nhìn lại vé thì thấy đúng, liền nhìn ra ngoài thì chú tài xế đưa tôi đi cũng vừa lái xe chạy mất.

Tính tới, tính lui là chỉ tìm người thân quen dưới phố, chứ không dám lên trường hạ, sợ động chúng.

Tôi lấy Phone gọi cho Hoàng Anh, thì ra cô ta đã lên trường hạ để dự tu. Tôi gọi phone cho anh Lợi là chồng Hoàng Anh. Cũng may, anh bắt máy và nói ôn đợi con độ bốn mươi lăm phút. Vì anh vừa mới để dụng cụ cắt cỏ xuống, cắt chưa được một vòng thì nghe phone tôi gọi. Anh thu dọn mọi dụng cụ, vì anh làm nghề Gardening chuyên nghiệp trên hai mươi năm.

Đứng đợi, anh Lợi cũng đến đúng giờ. Về đến nhà, anh nói:

- Chừ ôn ở nhà đọc sách, con chạy lên Fremont chờ Hoàng Anh về.

Lên đến trường hạ, thì cô vợ cũng đang từ từ xếp hàng đi kinh hành sau chư Tăng rồi.

Chư Ni hành đường quen biết anh và cũng biết tôi, nên lấy một ít thức ăn đưa anh về để dọn cơm trưa cho tôi.

Một Bữa Ăn Không Định Trước

Hôm trước, Hoàng Anh có điện thoại cho tôi, nói:

- Thế nào vợ chồng chúng con cũng thỉnh ôn về thăm nhà một bữa trong mùa hạ này.

Tôi trả lời:

- Chắc không được đâu, vì ôn phải về sáng mai rồi.

Cô ta lên trường hạ cũng sớm, mà tôi rời trường hạ cũng sớm nên hai thầy trò không gặp nhau.

Trước đó một hôm, cô cũng đã lên để gặp tôi. Khi ngồi đợi, gặp Thượng tọa Định Quang, thầy bảo rằng:

- Có ôn Tín Nghĩa ở trong.

Cô dạ.

Lại gặp Ni sư Diệu Tánh bảo:

- Ôn và quý ôn bận họp.

Đợi lâu quá, cô ta phải về.

Chuyện đáng nói là: ba thầy trò hẹn hò gặp nhau thì không được, nhưng khi không hẹn lại gặp nhau.

Đây là lần đầu tiên, tôi đến thăm nhà của vợ chồng anh Lợi và Hoàng Anh, mặc dầu hai vị cũng thưa thỉnh nhiều lần nhưng không có hoàn cảnh.

Lợi dọn cơm xong, hai thầy trò cùng ăn, Lợi nói:

- Ôn dùng cơm xong, Ôn muốn đi đâu con chở ôn đi.

Tôi bảo:

- Thôi cho ôn yên tịnh được ở nhà. Mình đã không chung cùng chư Tăng an cư kết hạ, bây giờ nên giữ thân tâm thanh thản, hướng về trường hạ và nhiếp tâm, cầu nguyện. Sau khi ra hạ, nếu có duyên thì làm gì cũng được.

Lợi yên lặng và thủ phận một đệ tử đứng mức.

Hoàng Anh sau một ngày tu tập xong, lái



NHÂN GỎI

*Gởi hồn hoa đại thoảng hương
gởi tình theo sợi thơ vườn tung bay
gởi lòng mây gió tháng ngày
từng hơi thở nhẹ lắt lay kiếp người
đóa hoa Tâm Huệ tươi ngời
đã thơm nở tự đời người Từ tâm
qua vèo nhân phận - trăm năm
đến đâu mong cũng về trong cội nguồn
lẽ hằng - khởi thủy: yêu thương
ánh dương Bát Nhã rạng đường Chân Như.*

TRẦN KIM CHI

(Thơ tham dự Ananda Viet Awards)

xe về, vừa vào nhà cô bảo:

- Thôi ba thầy trò đi ăn.

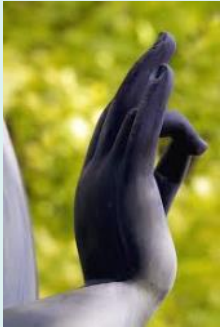
Lợi ngắt lời:

- Ôn bảo ngày Chư Tăng vào hạ, chúng ta không nên đi ra ngoài nhiều, ở nhà có gì ăn cũng được. Cần giữ gìn thân tâm thanh tịnh để được an lạc hơn.

Tôi ở lại nhà của hai thí chủ này qua đêm. Bao nhiêu chuyện xưa tích cũ ngày còn ở ghé nhà trường đều hiện về và kể cho nhau nghe. Nào là gọi điện thoại thăm giáo sư cũ dạy môn toán Nguyễn Đình Lâu hiện ở Seattle, cũng như gọi về quê nhà để cùng nhau nói chuyện với chú Phước, vì, cô ta thường gọi hai chúng tôi là chú Linh và chú Phước (một bạn thân nối khố của tôi, hiện giờ ở quê nhà, thành phố Nha Trang), cô không bao giờ gọi tên đạo cả.

Ngày cô gặp tôi lần đầu ở San Jose, cô cứ moi trí nhớ để biết về tôi, nhưng không tài nào nhớ nổi. Đôi ba lần như thế, cô đành tìm người quen và hỏi cho bằng được. Từ đó hai thầy trò quen nhau trở lại qua những lúc tu học Phật pháp hay an cư. Riêng anh Lợi chồng cô, thì mới quen biết ở Mỹ; tuy thế, anh rất ngoan đạo mặc dầu ở quê nhà anh tham gia sinh hoạt trong Hướng đạo Việt Nam.

Tình thầy trò của chúng tôi trong ngày thứ ba ấy là một kỷ niệm đặc biệt khó quên vì quá bất ngờ cho tôi về bữa ăn và cũng bất ngờ cho gia đình Lợi và Hoàng Anh; nên tôi đặt đề tài của bài viết này là **"Một Bữa Ăn Không Định Trước."**



HIỆN TÌNH SINH HOẠT VÀ TU HỌC CỦA CHƯ NI VIỆT NAM VÀ NHỮNG NHU CẦU THIẾT YẾU CỦA TỔNG VỤ NI BỘ

Thích Nữ Tiến Liên

Đã có nhiều tài liệu nói về Phật Giáo Việt Nam du nhập vào Tây Phương, đặc biệt là tại Hoa Kỳ. Bài tiểu luận này chỉ sơ lược một vài điểm về hiện tình sinh hoạt, tu học của chư Ni Việt Nam tại Hoa Kỳ và một vài điểm thiết yếu cho nhu cầu Phật sự hoằng pháp hiện nay của chư Ni, đặt trọng tâm là những sinh hoạt trong Ni Bộ của GHPGVNTNKH.

I - Hiện tình sinh hoạt và tu học của chư Ni Việt Nam tại Hoa Kỳ:

Phật giáo Việt Nam có mặt ở Hoa Kỳ từ năm 1966 do Ngài Thích Thiên Ân được mời sang giảng dạy ở Đại Học California tại Los Angeles và Hòa Thượng Nhất Hạnh dạy Tôn Giáo Tỷ Giảo ở Đại Học Cornell. Phật Giáo Việt Nam có mặt ở Hoa Kỳ rất sớm theo bước chân hoằng pháp của Chư Tôn Đức Tăng vào những thập niên 1950 hoặc 1960 do được mời sang giảng dạy hoặc du học v.v... Nhưng thời điểm đó vẫn chưa có sự hiện diện của chư Tôn Đức Ni trong việc hoằng pháp cho đến khi khúc quanh lịch sử của Việt Nam đưa đến sự kiện mất Miền Nam Việt Nam.

Năm 1975 Chư Tôn Đức Tăng, Ni cả nước hoặc sinh hoạt thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất lần lượt theo làn sóng tỵ nạn tìm cầu tự do, vượt biển sang định cư ở Hoa Kỳ. Những lượt ra đi này đã có những vị Tôn Đức Ni vượt biển hoặc đang du học ở các nước Châu Âu đến định cư ở Hoa Kỳ.

Từ năm 1975 cho đến 1990 thì số lượng chư Ni định cư tại Hoa Kỳ chỉ trên dưới 20 vị, gồm những vị có giới đức và trình độ về nội điển và ngoại điển. Dù hoàn cảnh sống tha hương, nền văn hóa và ngôn ngữ khác biệt, nhưng chư Tôn Đức Ni vẫn kiên trì đạo hạnh, tinh cần tu tập và hành đạo, hòa hợp cùng chư Tôn Đức Tăng trong việc hoằng pháp lợi sinh nơi xứ người. Những ngôi Chùa và Trung Tâm Việt Ngữ lần lượt được kiến lập.

Phật giáo Việt Nam bắt đầu phát triển mạnh kể từ thập niên 1990. Đặc biệt là sau lần Đại Hội thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ năm 1992. Cũng trong thời gian đó vụ Ni Bộ ra đời và sinh

hoạt đồng bộ với chư Tăng trong Giáo Hội. Kể từ sau năm 1990 hình bóng chư Ni Việt Nam định cư ở Hoa Kỳ cũng ngày càng đông hơn theo diện đoàn tụ (ODP - Orderly Departure Program) và diện HO (Humanitarian Organization). Ước tính lúc bấy giờ có khoảng 80 đến 90 vị theo tu học tại các Chùa, Tự Viện, Tịnh Xá. Đa số chư Ni sống sinh hoạt tại vùng Tây Bắc Hoa Kỳ như California, Oregon, Washington State v.v... Việc tu học và sinh hoạt của chư Ni lúc bấy giờ cũng còn gẫn bó, gẫn gủi, hỗ trợ lẫn nhau và cùng với chư Tăng trong cộng đồng Phật Giáo làm Phật sự rất tốt. Chư Tăng, Ni dù ở cách xa 6 giờ đường máy bay từ tiểu bang này đến tiểu bang khác nhưng vẫn hội họp gặp gỡ trong các sinh hoạt Phật Giáo và Lễ hội Phật Giáo.

Do nhu cầu Phật sự của các Chùa, Tự Viện, Tịnh Xá về mặt hoằng pháp, phục vụ nhân sinh ngày càng phát triển mạnh và thiết yếu vì người Việt định cư ngày càng đông sau thập niên 1990, các hội Phật giáo của các Chùa bắt đầu hiểu biết được chương trình bảo lãnh theo diện làm việc Tôn Giáo (Religious Workers R-1). Kể từ năm 1999 cho đến năm 2008 thì số lượng chư Ni trẻ có mặt rất đông khắp các tiểu bang của Hoa Kỳ, đặc biệt là ở miền Nam Cali. Ước tính có khoảng trên dưới 200 vị. Chư Tôn đức Ni sang Hoa Kỳ từ năm 2005 và những năm tiếp theo, một số thì sinh hoạt nơi các



Đại Hội Thường Niên Lần 1, Nhiệm Kỳ III GHPGVNTNKH - Hoavouu.com

Chùa bảo lãnh, một số thì do nhu cầu học ngoại điển và vì sinh kế nên sống cách biệt với sinh hoạt Tăng đoàn và bắt đầu ít tham gia Phật sự Hoằng Pháp của cộng đồng Tăng Già nói chung và của Giáo Hội nói riêng. Đặc biệt kể từ năm 2008 đến nay, chư Tôn đức Ni đến Hoa kỳ làm việc và định cư ở California, các vùng phụ cận, và các tiểu bang trên toàn lãnh thổ của Hoa Kỳ càng đông hơn. Ước tính có đến trên dưới 500 vị theo những lần tường trình Phật sự của cư sĩ Quảng Phước, Huỳnh Tấn Lê, thuộc tổng vụ Pháp Chế trong Đại Hội Khoáng đại và Thường niên của Giáo Hội. Nhưng tất cả chỉ là con số ước tính, và con số báo cáo tổng quát. Ngoài ra hoàn toàn không có một sự thống kê và danh sách rõ rệt của từng chư Ni, ví dụ hiện đang cư trú và sinh hoạt ở đâu, do Hội Phật Giáo nào bảo lãnh v.v...

II - Nhu Cầu Thiết Yếu của Ni Bộ:

GHPGVNTNHK thành lập năm 2008 có Tổng vụ Ni Bộ ra đời và được xem là một Tổng vụ như bao nhiêu Tổng vụ khác. Vị Tổng vụ trưởng là cố Sư Bà Thích Nữ Như Nguyệt 3 vị Tổng vụ phó là Ni Sư Thích Nữ Như Định, Ni Sư Thích Nữ Minh Phước và Ni Sư Thích Nữ Tiến Liên kiêm thư ký của Tổng vụ. Thành viên của Tổng vụ có 10 vị sau đó mời thêm được 5 vị là 15 vị. Số thành viên này quá ít so với con số trên dưới 700 vị mà Giáo Hội và Tổng Vụ Cư Sĩ giúp bảo lãnh, làm giấy tờ theo báo cáo hàng năm của Tổng Vụ Pháp chế, mà trong đó chư Ni đông hơn chư Tăng.

Theo quan sát chung, đa số các vị chư Ni sinh hoạt riêng rẽ với những ngôi chùa đang cư trú do nhu cầu nơi Chùa không tham gia Giáo Hội, hoặc vì nhu cầu làm kinh tế tài chánh, hoặc vì việc học ngoại điển v.v... nên các vị ít hoặc không tham gia vào Giáo Hội hoặc các tổng vụ của Giáo Hội. Tuy đa số chư Ni có tham dự Lễ Phật Đản, Khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ, Lễ Hiệp Kỳ chư Tổ Ngày Về Nguồn và các khóa An Cư của Giáo Hội, nhưng vẫn có phần chưa tích cực tham gia làm việc trong các Tổng vụ và phụng sự hoằng pháp, hoặc tham dự đại hội của Giáo Hội v.v... Chư Ni gần như sống và sinh hoạt riêng lẻ, nơi nhà Phật tử hoặc thân hữu làm việc có tính cách tách rời Giáo Hội, đoàn thể; và đây cũng là mối quan ngại của Giáo Hội nói riêng và của Phật Giáo Việt Nam nói chung vì những ảnh hưởng không tốt và quan niệm sai lệch của quần chúng Phật tử, trong cộng đồng về những hành tác của chư Tôn Đức Ni trong Phật giáo.

Hiện nay chư Ni sống và sinh hoạt trải khắp 50 tiểu bang của Hoa Kỳ, đặc biệt là các vị Ni trẻ có khả năng về nhiều lãnh vực, mà Giáo Hội đang cần. Vậy thì Giáo Hội có phương cách nào để mời gọi chư Ni tham gia vào Giáo Hội, nhất là chư Ni do Giáo Hội bảo lãnh gián tiếp hoặc trực tiếp. Các vị Tôn đức Ni không được Giáo Hội giúp đỡ bảo lãnh thì khó kêu gọi



vì phụ thuộc vào nhiều yếu tố rất khó vận động, nhưng chư Ni được Giáo Hội giúp đỡ thì cơ hội vận động sẽ dễ dàng hơn.

Ni Bộ hiện có vài vị tham gia vào các Tổng vụ giáo dục, tài chánh, nhưng sinh hoạt không tích cực lắm. Không biết là do cá nhân các vị không tích cực hay các vị Tổng vụ trưởng không khuyến khích nhắc nhở, hoặc không được thông tin kêu gọi? Những Tổng vụ khác như Văn Hóa, Truyền Thông, Hoằng pháp thì chưa có sự đóng góp nào của chư Ni trẻ hiện nay. Do vậy, Tổng vụ Ni Bộ cần mời gọi thêm thành viên để: thứ nhất, Giáo Hội có thêm nhân sự, tiếp nối con đường đi trước của các bậc tiền bối, gìn giữ và phát triển Giáo Hội; thứ hai, chư Ni trẻ có cơ hội phát triển, đóng góp tài năng; và thứ ba các vị được sinh hoạt, bảo bọc của Giáo Hội và của cộng đồng Tăng Già. Đặc biệt hiện nay vị trí Tổng vụ trưởng, Tổng vụ Ni Bộ bị khuyết vì sự ra đi của cố Sư Bà Thích Nữ Như Nguyệt vào đầu năm 2017. Giáo hội cần giúp tổng vụ Ni Bộ công cử một vị quyền Tổng vụ trưởng.

Trước khi viên tịch Sư Bà Tổng vụ trưởng có dự định sẽ trình lên chư Tôn giáo phẩm những khó khăn của Ni Bộ và mong chư Tôn Giáo phẩm, chư Tôn Hội Đồng Điều Hành giúp vận động để có một đại hội Ni Bộ kết hợp chư Ni trẻ lại, mở rộng cho nhiều vị tham gia vào Giáo Hội và sinh hoạt có nề nếp, nhưng vì sự ra đi đột ngột của Sư Bà nên việc thưa trình đến chư Tôn chưa được thực hiện.

Trong nhiều năm qua, Tổng vụ Ni Bộ, Sư Bà Tổng vụ trưởng có cố gắng vận động để có một Đại hội Ni Bộ, chư Ni có dịp ngồi lại sinh hoạt riêng của chư Ni để hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng việc vận động không khả quan vì các yếu tố như sau: ngay các thành viên đang sinh hoạt của Ni Bộ cũng không tán thành ý kiến cùng đứng ra tổ chức hoặc đóng góp ý kiến hoặc đồng thuận tham gia. Một số thành viên từ chối vì yêu cầu phải có lệnh của quý Ông đưa ra mới được, phải nghe tiếng nói từ quý Ông v.v... Một số vị khác từ chối vì thấy Tổng vụ Ni Bộ không có bao nhiêu vị mà dùng hai chữ "Đại hội" lớn lao quá. Một số khác thì bảo chỉ tham gia làm thành viên của Giáo Hội là đủ rồi, khỏi

phải đại hội làm gì. Do vậy một đại hội Ni bộ có tầm mở rộng chưa được thực hiện trong những năm qua.

Hiện nay các thành viên của Ni Bộ có được trên dưới 12 vị, rất mong Giáo Hội khuyến khích, nâng đỡ cho các vị làm việc hữu hiệu và tích cực hơn trong khả năng lãnh vực của từng vị và đặc biệt là trong chính Tổng vụ của mình. Vận động kêu gọi thêm nhân sự. Đặc biệt là bên hoằng pháp làm sao có hình bóng của chư Ni được tham dự hoặc thỉnh cử đi dự lễ và thuyết giảng.

III- Kết Luận

Giáo Hội cần nhân sự, Tổng vụ Ni Bộ cần nhân sự. Chư Ni trẻ hiện nay rất có khả năng về nhiều mặt như giáo dục, hoằng pháp, văn hóa, truyền thông v.v... nhưng tham gia vào Giáo Hội chưa được nhiều. Giáo Hội có ân nghĩa bảo lãnh hoặc giúp giấy tờ với từng cá nhân chư Tôn Đức Ni, rất mong chư Tôn Giáo phẩm, chư Tôn Hội Đồng điều hành quan tâm, nhắc nhở, khuyến khích tham gia sinh hoạt với Giáo Hội và có hai việc nên được khuyến khích thực hiện:

1/ Tạo cơ hội cho chư Ni thành viên hiện đang sinh hoạt trong Giáo Hội hoạt động tích cực hơn trước đây, đóng góp thêm những tài năng riêng, không nên vị tình hay phân biệt theo cá nhân. Đây cũng là điểm khích lệ cho những ai chưa tham gia vào Giáo Hội nhìn thấy cách sinh hoạt của Giáo Hội.

2/ Giáo Hội kêu gọi khuyến khích thêm chư Ni trẻ (trẻ tuổi đời) tham gia vào các Tổng vụ của Giáo Hội và tham dự Đại Hội, đặc biệt là chư Ni đang sống và hành hoạt tại Nam California.

Với tất cả những phương tiện thiện xảo, khéo léo của Giáo Hội, của vị quyền trưởng Tổng vụ trưởng của Ni Bộ, chúng con rất mong Tổng vụ Ni Bộ có thêm thành viên, những vị Ni trẻ có năng lực, có nhiệt quyết với đạo pháp, làm lớn mạnh Giáo Hội.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát
tác đại chứng minh

Niệm Phật Đường Freemont, ngày 11
tháng 6 năm 2017

Tổng vụ phó kiêm thư ký Tổng vụ Ni Bộ
Thích Nữ Tiến Liên



PHÁP HỘI CHƯA TAN

Tích xưa ngài Trí Khải

Tham thiền Tổ Huệ Tư

Luyện “Pháp Hoa Tam Muội”

Bồng nhập định chân như

Trong định, sư thầy Phật

Ngự trên đỉnh Linh Sơn

Thuyết Pháp Hoa huyền nghĩa

Pháp Hội vẫn chưa tan ...

Pháp Hội vẫn chưa tan?

Ôi nhiệm mầu từ ái

Pháp Hội chưa từng tan

Vì chúng sanh còn đây

Nào chỉ Linh Sơn hội

Còn diễn đến hôm nay

Mà hàng hàng châu ngọc

Pháp Hội đang hiển bày

An trú trong chánh niệm:

“Thập phương Phật độ trung

Duy hữu Nhất Thừa pháp”

Là Pháp Hoa trong tâm

An trú trong chánh niệm:

“Sắc thực tức thị không

Không thực tức thị sắc”

Là Bát Nhã mênh mông

An trú trong chánh niệm:

“Bào, ảnh, huyền, mộng thôi

Ứng tác như thị quán”

Là Kim Cang hiện đời

An trú trong chánh niệm:

“Giải thoát Bất Tư Nghì”

Là Duy Ma Pháp Hội

Vườn Yên-La xa gì!

Hóa thân Phật tịch diệt

Pháp thân hằng thênh thang

An trú trong chánh niệm

Muôn Pháp Hội chưa tan

An trú trong chánh niệm

Thân, tâm, hướng đạo quang

Sẽ thấy muôn Pháp Hội

Chưa từng một lần tan...



thơ **HẠNH CHI**

(Cốc Thanh Thơi – Hạ chí)

HOA ÁNH SÁNG

Khi ta thấy bên đường
Những hạt bụi vô tình ai để rơi trong mắt
Những nét mặt hốc hác thương gầy tuôn gió bắc
Những tâm hồn khép kín dấu rêu phong
Tóc rối chiều mây ướt giọt sương bông.

Áo và trời xanh
Bước đi trong dấu ngoặc
Những cơn gió rát tung hê
Bên đường gập ghềnh sỏi đá
Người đi đâu, cát bụi ngược xuôi về...!

Mây trắng, mây đen
Mắt xanh, mắt đỏ
Mộng ảo, ma hời
Mộng đây xao xác cơn mê.
Những chiếc lưng còng
Mang nặng ngàn cân gió bụi
Ai thương đến bao kiếp đời lầm lũi
Thấy nghĩ gì miệng nhỏ dân đen!?

Dưới mắt trời sâu
Mặc tình trong bóng tối
Cười khinh khi, ngạo nghệ chuyện đê hèn.
Ấm ỉ thời gian,
Nhưng ta nào thấy đích thực câu trả lời
Chỉ nghe gió lạnh
Không gian đầy chiếc lá vàng rơi!

Ta vẫn tin
Có nắng là hoa ánh sáng
Nở trong bến đục ao tù
Nở trong hơi thở của ngàn hoa cỏ
Nở trong hồn cát bụi muôn đời
Nở trong chơi vơi, và trong cả máu tim người
Để trở thành ánh sáng tinh khôi hội về ý thức
Cho bao niềm mơ ước vui tươi.

Ai mang nặng tâm hồn
Của ngàn trăng sao thuở ấy...?
Sức sống đâu phải là lau sậy
Thời gian đâu phải là hoang vu.

Nhưng thời gian
Vẫn là hoa ánh sáng
Cho muôn vạn chồi xanh
Cho muôn triệu trái tim gầy
Ai nghe nhịp đời trong từng hơi thở hôm nay!?

(Tháng 4. 2017)



VÒNG XOAY Ý THỨC

Mỗi ngày
Những con đường trong thành phố
Nặng nề
Chuyên chở bao nhiêu trọng tải xe,
người
Những tiếng ồn và khói bụi không vơi.

Tháng năm
Những lo toan đời mắt cuộc đời
Đấu tranh, từ chối
Chấp nhận, buồn vui...
Vẫn chở chuyên theo suốt kiếp người.!

*

Sức nén thời gian
Bật lên tâm hồn ý chí
Có chết đâu
Và chẳng mất chi đâu !

Hoang tàn tiêu sơ
Giữa ngàn sỏi đá
Cỏ vẫn cho màu xanh
Hoa vẫn cho mùi hương lạ...

Năng lực tâm hồn vẫn mãi phát sinh
Những cọ xát qua ngàn vòng xoay ý thức
Sự thoát ra...
Là thực tại an bình.

South Dakota, tháng 6. 2017.

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ

Thách Thức và Định Hướng: GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TĂNG TÀI NƠI HẢI NGOẠI HIỆN NAY

Sakya Minh-Quang

Mục tiêu chính của giáo dục Phật giáo nhằm đào tạo tăng ni tài đức để truyền thừa mạng mạch Phật Pháp và hoằng Pháp lợi sinh. Ngay sau khi thành đạo, đức Phật đã bắt đầu việc truyền dạy và đào tạo thành công năm vị Thánh giả A-la-hán đầu tiên trong thế gian. Đó chính là năm huynh đệ A-nhã Kiều Trần Như. Đây là những Tăng tài Phật giáo đầu tiên, giúp Phật hoằng dương Chánh Pháp. Cho nên, muốn làm việc giáo dục phải có con người giáo dục; muốn hoằng pháp, phải có con người hoằng pháp. Trách nhiệm giáo dục và hoằng Pháp này, đức Phật đã trao cho Tăng bào. Vì vậy, giáo dục để đào tạo tăng tài Phật giáo nhằm gánh vác sứ mạng Phật Pháp luôn là vấn đề sống còn của Phật giáo xưa nay nói chung và Phật giáo Việt Nam ở hải ngoại ngày nay nói riêng.

Những nguyên tắc và phương pháp giáo dục Phật giáo cơ bản như *văn-tư-tu* và *giới-định-tuệ* đã có từ thời đức Phật và vẫn không thay đổi cho đến ngày nay. Tuy nhiên, để vận dụng những nguyên tắc đó vào hoàn cảnh thực tế là điều chúng ta phải luôn suy nghĩ để không ngừng điều chỉnh và cập nhật. Được như vậy, giáo dục Phật giáo mới đem lại hiệu quả cho việc tu học và hoằng Pháp trong từng thời đại và hoàn cảnh xã hội khác nhau. Trong môi trường xã hội phương Tây, một xã hội được đặt trên nền tảng giá trị của tín ngưỡng Ki-tô và văn minh vật chất, Phật giáo Việt Nam ở hải ngoại đã, đang và sẽ đối diện những khó khăn, thách thức không dễ gì vượt qua trong việc giáo dục tăng tài và hoằng pháp lợi sinh. Vì vậy, với tư cách là một tăng sĩ gạch nối giữa hai thế hệ chư tôn đức lớn tuổi và tăng ni trẻ, cũng như có một thời gian tu học và hành đạo ở Hoa Kỳ, chúng con/chúng tôi xin được chia sẻ với đại

chúng những suy nghĩ và kinh nghiệm của mình về những thách thức và định hướng tương lai cho Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại hiện nay. Trong bài viết này, phạm vi thảo luận xin được giới hạn là Phật giáo tại Hoa Kỳ, đối tượng quan sát và thảo luận chính của bút giả.

1. Những thách thức cho Giáo dục Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại

A. Thiếu lớp trẻ xuất gia để kế thừa

Phật giáo Việt Nam ở hải ngoại nói chung và Hoa Kỳ nói riêng đã và đang rất cần lớp tăng ni trẻ đủ khả năng kế thừa và phát huy Phật Pháp trong thời đại và hoàn cảnh mới. Giới trẻ Việt Nam sinh ra và lớn lên ở hải ngoại, dù là ở trong gia đình Phật tử, vẫn khó đến với Phật giáo bởi sự ngăn cách ngôn ngữ, xa lạ văn hóa truyền thống, và ảnh hưởng bởi xã hội văn minh vật chất phương Tây. Ngăn cách ngôn ngữ vì các em không giỏi tiếng Việt để học hỏi Phật Pháp, trong khi nhiều vị giáo thọ lại không giỏi ngôn ngữ để truyền đạt cho thế hệ sau. Lại nữa, giới trẻ không phải lớn lên trong xã hội văn hóa truyền thống Việt Nam, cho nên chúng ta phải có sách giáo khoa và phương pháp giáo dục thích hợp thì các em mới có thể dễ dàng tiếp nhận. Ngoài ra, vì lớn lên trong cuộc sống dồi dào vật chất, giới trẻ ngày nay khó thể sống đời sống xuất gia thiếu dục tri tức nếu các em không đủ căn lành và phước đức nhân duyên, cũng như gặp được người có thể khai phát và nuôi dưỡng đạo tâm. Như một hệ quả tất yếu, ở Hoa Kỳ, giới trẻ rất ít người đi xuất gia hay đi trọn con đường xuất gia. Vì vậy, cho dù chúng ta có xây dựng cơ sở vật chất, nhưng vẫn chưa có đủ giáo thọ có trình độ và bản lĩnh để có thể dạy dỗ và đào tạo lớp xuất gia kế thừa. Cho nên, một Phật Học Viện ở hải ngoại đã là niềm ao ước và thao thức của chư tôn đức từ lâu, nhưng đến nay điều này vẫn là bất khả thi.

B. Thiếu giáo thọ đủ trình độ và bản lĩnh để trao truyền

Để đáp ứng nhu cầu Phật sự ngày càng tăng tỷ lệ thuận với sự phát triển của cộng đồng người Việt nơi hải ngoại, Phật giáo Việt Nam phải nhờ rất nhiều vào lớp tăng ni được đào tạo từ Việt Nam sang để gánh vác. Những vị này có căn bản nội điển, có trình độ nhất định vì có thể đã du học ở Ấn Độ, Đài Loan hay Nhật Bản. Nhưng để giỏi ngôn ngữ và văn hóa bản địa, có khả năng truyền dạy cho người bản xứ và lớp trẻ Việt Nam sinh ra và lớn lên nơi đây, những tăng ni này cần phải mất một thời gian dài để học hỏi và hội nhập vào môi trường tu học và hoằng Pháp mới. Tuy nhiên, những khó khăn về thủ tục pháp lý để ở lại, không tìm được trụ xứ thích hợp, và bận rộn với



nhu cầu tín ngưỡng là những lý do đã khiến nhiều vị có tiềm năng phát triển phải bỏ lỡ cơ hội học tập.

Ngoài ra, rào cản ngôn ngữ là chướng ngại không dễ vượt qua nếu người học không đủ kiên nhẫn và tập trung. Một thực tế là, dù tăng ni có học tiếng Anh ở trong nước, Đài Loan hay Ấn Độ, sang Mỹ hay Canada đều phải học lại, nhiều khi phải bắt đầu từ chương trình ESL (English as a second language). Lại nữa, những “sở tri chướng” như bằng cấp cao ở trong nước, Đài Loan, hay Ấn Độ nhiều khi là rào cản tâm lý, khiến tăng ni không đủ kiên nhẫn để vượt qua giai đoạn thử thách ban đầu, để có thể hưởng sự lợi ích từ nền giáo dục rất tốt ở Hoa Kỳ hay các nước Âu Mỹ nói chung.

Thực ra, những bằng cấp có được ở những nước kể trên, nếu về Việt Nam có thể dùng để giảng dạy trong các trường cơ bản, trung cấp hay đại học Phật giáo. Nhưng ở Hoa Kỳ, những bằng cấp về Phật học hay tôn giáo học không được sử dụng một cách dễ dàng, vì có sự cạnh tranh rất lớn trong môi trường học thuật. Muốn được nhận dạy ở một trường đại học Mỹ, ngoài yếu tố xuất thân từ trường nào (university ranking), người xin việc giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường học thuật (academic job) còn cần phải có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu (teaching experience and peer-review publication), và năng lực cũng như thái độ làm việc qua phỏng vấn và thư tiến cử của những người có uy tín (letters of recommendation).

C. Thiếu tài liệu và phương pháp giảng dạy thích hợp

Thời đại hiện nay là thời đại bùng nổ thông tin do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và tin học. Theo đó việc dạy và học của Phật giáo cũng trở nên thuận tiện rất nhiều. Ví dụ, nhờ sự phổ cập của mạng internet, thầy trò có thể liên lạc và trao đổi kiến thức với nhau qua email, facebook, skype hay youtube Lại nữa, muốn học hỏi hay nghiên cứu Phật Pháp, chúng ta có hàng trăm ngàn trang web Phật giáo để tham khảo và tra cứu, thậm chí chúng ta có thể nhanh chóng tìm được những đoạn kinh quan tâm trong Đại Tạng Kinh tiếng Hán, Pali, Tây Tạng, hay tiếng Việt online. Cho nên, có người bảo: “Hiện nay trái đất là một ngôi làng địa cầu (global village)” và “tin tức thế giới đều nằm ở mười đầu ngón tay chúng ta!” Thực vậy, chỉ cần google là chúng ta có thể kiếm được rất nhiều thông tin mà mình quan tâm. So sánh với thập niên tám mươi hay chín mươi của thế kỷ trước, trong vòng ba mươi năm trở lại, sự phổ cập của tri thức Phật giáo nói chung đã phát triển đến mức không thể nghĩ bàn. Đây chính là cơ hội mới cho những ai có chí tham học, nhất là đối với những tu sĩ có chí tự học cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội thuận lợi đó, giáo dục Phật giáo cũng đã đối diện những thách thức mới. Lão tử nói: “Đa thư loạn mục”, tức sách vở quá nhiều làm con người hoa mắt. Thực vậy, người sơ học sẽ bối rối thậm chí lạc lối khi phải tiếp xúc quá nhiều thông tin trên mạng, thượng vàng hạ cám, tốt có xấu có, và không ít bẫy rập chực chờ. Hơn nữa, tin tức hay dữ liệu (information or data) không phải là tri thức (knowledge); tin tức và dữ liệu cần phải có khả năng tư duy phán xét (critical thinking), biện biệt (discerning), và tổ chức (organizing and re-organizing) mới trở thành tri thức của mình. Nhưng ngày nay, chúng ta dạy và học phần lớn chú trọng ở tin tức và dữ liệu mà chưa khai thác và huấn luyện đúng mức người học khả năng tư duy, biện biệt và phê phán. Nói cách khác, chúng ta chú trọng giáo dục để dạy người ta “cái gì” (what)



hơn là đặt câu hỏi “như thế nào” (how) và “tại sao” (why). Dùng thuật ngữ Phật giáo chuyên môn, *what* là việc của *vấn* và *how* và *why* là việc của *tư*, chưa nói đến *tu*. Cả hai *vấn* và *tư* đều cần phải coi trọng. Khổng tử bảo: “Học nhi bất tư tắc vông, tư nhi bất học tắc đãi!” (1) Tức học mà không tư duy thì mờ mịt không thông, tư duy mà không học lại thực là nguy hiểm!” Đây chính là ý này.

Về mặt giáo lý, ngoài bộ Phật Học Phổ Thông được cổ Hòa Thượng Thích Thiện Hoa soạn từ năm 1953, đến nay, hơn sáu mươi năm qua, chúng ta chưa có những tác phẩm giảng dạy giáo lý cho tăng ni và Phật tử theo hệ thống thứ lớp, được cập nhật hóa kiến thức dựa trên thành tựu nghiên cứu Phật học đương thời. Hơn nữa, những tài liệu giảng dạy Phật Pháp này, ngoài lý thuyết nghiên cứu, cũng cần coi trọng việc ứng dụng tu tập. Làm được việc này, chúng ta có thể gạn đục khơi trong, giúp người học có được chánh kiến tu hành và người dạy có tài liệu tốt để tham khảo.

Về mặt giới luật đào tạo người mới xuất gia, chúng ta chủ yếu chỉ sử dụng bốn bộ luật tiểu hay luật trường hàng, tức Tỳ-ni Nhật Dụng, Sa-di, Oai Nghi và Quy Sơn Cảnh Sách, cũng như vài bản chú giải liên quan được dịch ra từ Hán tạng. Thực ra, chúng ta cần giản lược bớt oai nghi cho phù hợp với thực tế, giải thích giới luật dựa trên hoàn cảnh chế giới thời Phật và khả năng thực hành ở xã hội thời nay, cũng như khai thác những bài cảnh sách phù hợp với người mới xuất gia hơn. Ví dụ, đối tượng dạy răn của Quy Sơn Cảnh Sách chủ yếu là Tỳ-kheo mà không phải là người mới xuất gia hay Sa-di. Cho nên, Quy Sơn Cảnh Sách có câu: “Sao mới vừa lên giới phẩm, liền bảo ta ra Tỳ-kheo v.v....” Trong khi đó, có những bài cảnh sách thích hợp hơn cho người mới xuất gia như “Chín Bài Răn Dạy” (Di Giới Cửu Chương) của Pháp sư Đạo An đời Đông Tấn (2) hay “Răn Dạy Người Tập Xuất Gia” (Huân Đồng Hành) của Thiền Sư Từ Thọ đời Bắc Tống (3) ít người biết đến, huống chi là dùng để giảng dạy? Thiết nghĩ, việc biên soạn và giảng dạy giới luật sao cho sát với thực tế nhưng vẫn không trái với tinh thần giải thoát của giới, là điều cần phải nỗ lực trước mắt. Làm tốt được việc này, chúng ta có thể đào tạo được lớp tăng ni có giới đức thanh tịnh, oai nghi trang nghiêm, tôn sư trọng đạo, và nhiệt thành trong lý tưởng xuất gia.

Thiếu môi trường đào tạo thích hợp

Như đã nói ở trên, chúng ta chưa thể có một Phật Học Viện để chính thức làm nơi đào tạo tăng tài ở hải ngoại. An cư kiết hạ là một trường đào tạo tăng tài thời Phật còn tại thế, thời gian là ba tháng trong một năm. Nhưng vì hoàn cảnh xã hội



thay đổi, một năm giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất tại Hoa Kỳ mở khóa an cư kiết hạ mười ngày. Tương tự, nhiều giáo hội và tự viện khác cũng mở khóa an cư mười ngày. Đây là “giấy rách giữ lấy lề,” sự cố gắng đáng tán thán của chư tôn đức trong hoàn cảnh xã hội mới, “nhất tăng nhất tự,” và gánh nặng kinh tế mà mỗi chùa ở đây phải chịu đựng. Mười ngày an cư là thời gian chư tăng ni có thể gần gũi để học hỏi và cùng nhau sách tấn trong tinh thần lục hòa. Vì hạn chế bởi thời gian, chư tăng ni chủ yếu giao lưu đạo tình và tri kiến với nhau qua những buổi thuyết trình, nhưng không có chương trình giảng dạy riêng cho tăng ni mới xuất gia, Sa-di, hay tân học Tỷ-kheo. Thiết nghĩ, đây là điều mà chư tôn đức có trách nhiệm cần phải quan tâm để bổ túc.

1. Những cơ hội và hướng giải quyết

Mặc dù Phật giáo Việt Nam ở hải ngoại phải đối diện trước những thách thức nói trên, hoàn cảnh xã hội ở phương Tây, cụ thể là Hoa Kỳ, cũng mở ra những cơ hội mới cho những tăng ni có chí cầu học và lý tưởng phụng sự. Do đó, chúng ta cũng có thể tìm ra những hướng đi cho Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại. .

A. Nguồn lực sẵn có và cơ hội học tập ở Hoa Kỳ

Trước khi có một thể hệ tăng ni đủ khả năng truyền trì mạng mạch Phật Pháp nơi bản xứ, lý tưởng là những người xuất gia sinh và lớn lên ở đây, hay người bản xứ, chúng ta cần chú ý khai thác và sử dụng tiềm năng tăng ni trẻ có trình độ căn bản, nhất là có đạo hạnh và lý tưởng phụng sự sẵn có hiện nay. Chúng ta cần phải quan tâm phát hiện nhân tài, bồi dưỡng nhân tài, và trọng dụng nhân tài. Nhân tài Phật giáo được đánh giá qua giới hạnh, ý chí và lý tưởng hơn là ở bằng cấp hay kiến thức Phật giáo. Người có kiến thức, bằng cấp nhưng thiếu giới hạnh và lý tưởng cũng không thể truyền trì và hoằng dương Chánh Pháp thành công được.

a.1. Cánh cửa đại học rộng mở

Chư Tăng ngày nay sang Âu Mỹ nhiều người đã có trình độ đại học Phật giáo trong nước, hay có bằng cấp Phật học cao hơn như MA hay PhD ở Đài Loan và Ấn Độ, những quốc gia có số lượng tăng ni sinh Việt Nam du học rất nhiều. Các vị này, ít nhiều đều có trình độ ngoại ngữ, kiến thức Phật giáo, khả năng nghiên cứu và thuyết giảng cho đại chúng. Cho nên, chỉ cần có chí cầu tiến và cố gắng, những Tăng sĩ này đều có khả năng tiếp thu một nền giáo dục ở hải ngoại một cách mau chóng, hòa nhập vào dòng chính văn hóa, để hành đạo thành công nơi vùng đất mới. Thực tế khách quan cho thấy, mặt bằng giáo dục nói chung ở các nước tiên tiến như Âu Mỹ cao

hơn nhiều so với trong nước và các nước châu Á vừa nhắc đến ở trên. Cho nên, đây là cơ hội cho các Tăng sĩ trẻ nâng cao kiến thức và mở rộng tầm nhìn.

Hơn nữa về tài chính, các nước Âu Mỹ tạo điều kiện rất nhiều cho người học ở cấp Đại Học như các chương trình loan, financial aids, grants, scholarship, study abroad, hay exchange students. Phần lớn Tăng sĩ đều thuộc dạng thu nhập thấp (low income) nên có tư cách nhận financial aids. Nếu cộng thêm học khả, hoàn toàn có khả năng nhận được grants hay scholarship. Ngoài vấn đề tài chính ra, người học có thể tùy theo khả năng và hoàn cảnh của mình mà học nhanh hay chậm để hoàn tất chương trình đại học. Tăng ni cũng có thể học hai năm ở đại học cộng đồng (community college) như là giai đoạn thích nghi trước khi chuyển vào một trường đại học bốn năm để hoàn tất chương trình cử nhân (BA hay BS).

Học đại học ở Hoa Kỳ, ngoài việc giúp chúng ta trau dồi thêm tiếng Anh, còn giúp người học có kiến thức tổng quát về khoa học xã hội (social science), khoa học tự nhiên (natural science), và khoa học nhân văn (humanity). Nhờ đó, chúng ta có cái nhìn vào xã hội và Phật Pháp đa chiều và cởi mở hơn. Ngoài ra, tăng ni còn trang bị cho mình kiến thức chuyên sâu hơn về một ngành nào đó (major). Quan trọng hơn, tăng ni có thể tiếp xúc, trao đổi với thế giới bên ngoài trong một trường giáo dục cởi mở và thân thiện.

Hiện nay, cơ sở Phật giáo ở hải ngoại rất nhiều, số lượng Phật tử cũng tăng lên theo sự phát triển của cộng đồng người Việt khắp nơi, nên sự hộ trì chư Tăng tu học cũng tốt hơn. Chư tăng ni có thể nhập chúng ở những chùa có quý thầy hay quý ni lãnh đạo hay chưa có. Ngoài bốn phận tu tập hằng ngày và hướng dẫn Phật tử cuối tuần ra, chỉ cần có chí cầu tiến và nhẫn nại, tăng ni đều có cơ hội học tập, nhằm nâng cao trình độ và khả năng hội nhập vào cuộc sống mới.

a.2. Cửa hẹp của giáo dục sau đại học

Cánh cửa đại học ở Hoa Kỳ rộng mở vì chính phủ Mỹ muốn tạo điều kiện cho nhiều người có công ăn việc làm. Nhưng cánh cửa giáo dục sau đại học lại khá hẹp vì đây là chương trình đào tạo nhân tài chuyên ngành. Người muốn được nhận vào MA hay PhD ở những trường đại học uy tín của Mỹ, phải có điểm GPA cao, đủ điểm chuẩn GRE (dùng cho ngành khoa học nhân văn), được những lá thư tiến cử tốt (letter of recommendation) và thành công trong phỏng vấn (interview). Theo thống kê năm 2014 của chính phủ Hoa Kỳ, có 31.96% người Mỹ từ 25 tuổi trở lên có bằng đại học bốn năm, nhưng chỉ có 1.77% người Mỹ có bằng PhD. Sau chương trình đại học, nếu có chí hướng và đủ khả năng, tăng ni có thể theo học chương trình MA và PhD về Phật học hay liên quan với Phật giáo như tôn giáo học, ngôn ngữ và văn hóa Đông Á, tâm lý học, xã hội học v.v.... Nhưng chương trình MA học phí rất tốn kém và khó được sự hỗ trợ vì mặt tài chính (funding). Còn chương trình PhD, thường bao gồm luôn MA như giai đoạn chuẩn bị, được đảm bảo tài chính qua hình thức fellowship (học bổng toàn phần phần trên đại học), Teaching assistantship (trợ giảng), hay research assistantship (trợ tá nghiên cứu). Nghiên cứu Phật giáo trong ngành tôn giáo học hay ngôn ngữ và văn hóa Đông Á, đòi hỏi về phương diện ngôn ngữ rất nặng. Không tính tiếng Anh phải đủ để giảng dạy và viết bài nghiên cứu, nghiên cứu sinh còn phải giỏi hai ngôn ngữ khác, một chính một phụ như tiếng Pháp và tiếng Đức trong ngành Tôn Giáo Học; tiếng Hoa, tiếng Nhật hay tiếng Đại Hàn trong ngành Ngôn Ngữ

và Văn Hóa Đông Á. Ngoài ra, nghiên cứu sinh còn đòi hỏi phải có trình độ để đọc hiểu ít nhất một ngôn ngữ Phật giáo như Sanskrit, Pali, Hán cổ, hay Tây Tạng.

a3. Học thuật không phải là tất cả

Nhưng thực ra giáo dục học đường ở Âu Mỹ không phải là tất cả hay là cứu cánh cho việc học tập của tầng nọ. Tầng nọ có thể chuyển học tiếng Anh ở trình độ đại học để có thể đọc viết và giao tiếp với người bản xứ, không cần thiết phải có bằng cấp cao bên đây để làm việc có hiệu quả. Với ngôn ngữ tiếng Anh, tầng nọ có thể tiếp xúc với những công trình nghiên cứu Phật giáo rất có giá trị của nhiều học giả nổi tiếng. Nhìn lại Phật giáo qua góc độ của người bên ngoài (outsider) khích phát chúng ta tư duy, nghiền ngẫm lại những gì mình tưởng như đã biết, xong thực ra lại biết rất hời hợt, hay thậm chí không biết gì cả! Nhưng chúng ta cũng nên tránh mù quáng tin vào tên tuổi học giả, “mê tín” học thuật hay cái gọi là “khoa học.” Thực ra, khoa học ở đây là khoa học nhân văn (humanity) mà không phải là khoa học tự nhiên (natural science), nên không có độ chính xác cao. Thái độ học thuật chân chính là “tận tìn thư bất như vô thư”, tin hết vào sách thì rằng đừng đọc sách; “tận tìn sư bất như vô sư”, tin hết vào thầy thì rằng không có thầy! Một câu nói quen thuộc trong giới sử học: “Sự thật lịch sử không phải là sự thật, cho nên gọi là sự thật lịch sử!” Có không ít tầng nọ “mê tín học thuật”, thay vì gan dục khởi trong, lại bài bác tất cả những giá trị tâm linh được thầy tổ trao truyền trong truyền thống Phật giáo của mình. Học Phật giáo như vậy có thể trở thành “học giả” nhưng không bao giờ trở thành tăng tài Phật giáo, có khả năng gánh vác Phật Pháp và cảm hóa quần chúng.

B.. Chuẩn bị lực lượng kế thừa từ chương trình huấn luyện tập sự xuất gia

b1. Khóa tu an cư kiết hạ, đào tạo ngắn hạn và tập sự xuất gia

Như đã đề cập ở trên, mùa an cư kiết hạ là cơ hội để chư tăng ni gần gũi để chia sẻ kinh nghiệm tu tập và hoằng pháp, cũng như sách tấn lẫn nhau trong tinh thần lục hòa. Hiện nay, chương trình học tập trong mùa an cư chủ yếu là giao lưu đạo tình và kiến giải của chư tăng ni, nhưng chưa có chương trình giảng dạy riêng dành cho người tập sự xuất gia, Sa-di và tân Tỳ-kheo tham dự trong mùa an cư kiết hạ. Thiết nghĩ, chúng ta nên kêu gọi Phật tử có ý hướng xuất gia, người đang tập sự xuất gia và cả tân học Tỳ-kheo nên tham dự an cư kiết hạ để có thể tập trung đào tạo. Chúng ta cũng nên có một chương trình giảng dạy riêng cho những đối tượng này. Đây là cơ hội tốt, một công hai việc, để giáo dục và đào tạo người mới xuất gia trong hoàn cảnh hiện nay.

Ngoài mùa an cư ra, theo thiện ý, tại sao chúng ta không có những khóa đào tạo tập trung ngắn hạn cho những vị sơ phát tâm này? Giáo dục người sơ phát tâm đặt trọng tâm ở oai nghi, giới luật và cảnh sách để hình thành nhân cách, giúp phát khởi tâm Bồ-đề và làm kiên định lý tưởng xuất gia. Vì vậy, đào tạo tập trung, giúp người mới xuất gia sống gần các bậc giáo thọ tốt hơn đào tạo từ xa, qua Skype hay Yahoo messenger. Những vị trụ trì có thể gọi đệ tử của mình đi học trong khóa đào tạo tập trung ngắn hạn này và hỗ trợ về mặt tài chính. Một khóa đào tạo xuất gia ngắn hạn, hoàn cảnh giáo dục, giáo trình và giáo án thích hợp, nhất là khả năng của các thầy giáo thọ quyết định sự thành bại của khóa tu.

Lại nữa, khuyến khích và đào tạo người xuất



gia để tiếp nối Phật giáo Việt Nam nơi hải ngoại là nhu cầu cấp bách. Cho nên, giáo hội và các tự viện có điều kiện nên tổ chức xuất gia gieo duyên cho người lớn, khóa tu mùa hè cho các em học sinh để gieo vào lòng mọi người hạt giống của đời sống xuất gia. Chương trình tu học trong khóa tu xuất gia gieo duyên cũng cần theo định hướng này. Khác với những khóa tu thông thường, khóa tu xuất gia gieo duyên nên chú trọng việc giảng dạy giới luật, oai nghi và cảnh sách song song với giáo lý. Giáo lý giúp người học xây dựng chánh kiến, còn giới luật và oai nghi giúp người học quen với nếp sống nếp sống thiền môn, trong khi đó cảnh sách giúp un đúc chí hướng xuất gia và phát khởi lý tưởng phụng sự. Cần chọn lọc giáo thọ sư để đảm bảo chương trình được giảng dạy có chất lượng theo định hướng này.

b2. Chương trình gia giáo nơi mỗi tự viện

Phẩm hạnh và lý tưởng của người xuất gia được bồi dưỡng và phát triển trong đời sống hàng ngày, nhất là lúc mới phát tâm. Cho nên người xưa nói, “Ban đầu mới phát tâm, thừa sức thành Phật” (phát tâm chi sơ, thành Phật hữu dư). Vì vậy, giáo dục trong giai đoạn này đóng một vai trò quyết định, ảnh hưởng trọn đời đối với người sơ tâm xuất gia. Cho nên, trách nhiệm của vị trụ trì hay người thầy thế độ đối với đệ tử xuất gia trong giai đoạn đầu thực vô cùng quan trọng. Mỗi tự viện nên có chương trình gia giáo, tức thầy dạy cho đệ tử, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc mỗi ngày. Lại nữa, thân giáo của thầy cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tâm linh của đệ tử. Đây là vai trò giáo dục của gia giáo mà Phật học viện hay đại học Phật giáo không thể thay thế!

Những vị trụ trì hay thầy thế độ vì bận Phật sự hay không có chuyên môn, có thể thỉnh thầy giáo thọ giúp dạy đệ tử. Không nên vì cần có người làm việc mà cho thế phát xuất gia một cách vội vã, hoặc nhận người xuất gia lại không dạy dỗ chu đáo, hay vì nhu cầu Phật sự mà cho đệ tử thọ giới Tỳ-kheo khi chưa sẵn sàng, thậm chí chẳng bao lâu còn tấn phong giới phẩm như thượng tọa hay hòa thượng v.v...! Nhà Nho bảo: “Giáo bất nghiêm, sư chi đoạ” (dạy mà không nghiêm là cái lỗi lười nhác của vị thầy.) Kinh Phật cũng nói: “Chỉ có trùng trong thân sư tử mới có thể ăn được thịt sư tử.” Đây là điều đáng cho chúng ta suy gẫm biết bao!

Hiện nay ở Mỹ và các nước khác, nhiều người Phật tử lớn tuổi đã ổn định cuộc sống thế gian, muốn hướng về đời sống tâm linh giải thoát. Đây là tiềm lực xuất gia của Phật giáo hải ngoại mà chúng ta cần chú ý khai thác. Phần lớn những vị này có kinh nghiệm xã hội và năng lực làm việc nhất định.

Nếu họ thực tâm xuất gia và có được một trường tu học và đào tạo tốt, họ sẽ gánh vác được rất nhiều Phật sự. Cho nên, các tự viện nên có chương trình gia giáo, đào tạo người xuất gia qua đời sống tu học hàng ngày, để các Phật tử có thể về chùa tu học ngắn hạn. Khi đủ duyên xuất gia, họ có thể trở thành một người tu tốt, có oai nghi, giới hạnh và lý tưởng. Không cần những vị này phải lên Pháp tòa thuyết Pháp hay dịch kinh, viết sách, chỉ cần đời sống phạm hạnh như thế cũng đủ để giáo hóa nhiều người, làm tròn vai trò trụ trì Tăng bảo của mình!

2. Thái độ cởi mở nhưng không vọng ngoại của giáo dục Phật giáo Việt Nam

Tăng ni Việt Nam trong thời hiện đại được tiếp xúc và học hỏi nhiều hơn một truyền thống Phật giáo. Ngoài kinh điển Hán tạng, tăng ni Việt Nam còn có thể tiếp xúc và học hỏi những truyền thống Phật giáo thuộc văn hệ Pali hay Tây tạng. Vấn đề *văn* và *tư* này lại ảnh hưởng đến vấn đề tu tập *giới, định, tuệ* và hoằng Pháp của Tăng sĩ. Theo người viết quan sát, hiện nay có không ít những bối rối, nghi ngờ, thậm chí xung đột về mặt tư tưởng và hành trì trong bản thân một số tu sĩ hay giữa những vị tu sĩ với nhau. Cho nên, người làm giáo dục Phật giáo cần phải quan tâm để định hướng cho tăng ni trẻ.

Đức Phật dẫn dắt những căn cơ khác nhau nên lời dạy của Ngài cũng có thứ lớp sai biệt khác nhau. Sau khi đức Phật Niết Bàn, chư tổ truyền thừa Phật Pháp qua từng thời đại và hoàn cảnh khác nhau, cũng đều có thêm sự lý giải và phát triển giáo nghĩa để đáp ứng nhu cầu tu học khác nhau của thời đại và xã hội đương thời. Nhờ đó, Phật Pháp được trường tồn và phổ cập đến nay. Cho nên, chúng ta có nhiều truyền thống Phật giáo, trong mỗi truyền thống lại có nhiều tông phái khác nhau. Đây là sự đa dạng của Phật giáo, cũng giống như sự đa dạng trong xã hội (diversity). Điều này được mọi người trong xã hội văn minh nhận thức và chấp nhận. Cho nên, tăng ni cũng cần có thái độ cởi mở để học hỏi những cái hay trong những truyền thống và tông phái khác, đồng thời cũng là cơ hội để chúng ta so sánh và kiểm chứng lại những giáo nghĩa và hành trì trong truyền thống của mình. Có những quan điểm đây thành kiến và áp đặt, như cho rằng truyền thống Nikaya hay A-hàm là tiểu thừa không đáng học, Đại Thừa là ngoại đạo vì không phải Phật nói, hay Phật giáo Tây tạng là quỷ thần giáo, nặng về chú thuật. Những thành kiến này khiến tăng ni và tín đồ của những truyền thống đó xa cách nhau, thậm chí xảy ra tranh chấp không đáng có.

Nhưng cởi mở khác với vọng ngoại. Những thứ mới và lạ chưa hẳn đã hay và hợp với mình. Phật giáo Đại Thừa Đông Á (East Asian Buddhism) đã có hai ngàn năm lịch sử với những cống hiến vĩ đại cho con người và xã hội. Thầy tổ chúng ta đã có những kinh nghiệm tu chứng sâu sắc và phát kiến vĩ đại đáng cho thế hệ chúng ta nghiên cứu, học hỏi và tự hào. Nếu không có thành tựu tuệ giác và năng lực hoằng Pháp, làm sao Phật giáo Đại Thừa Đông Á còn tồn tại và phát triển rộng rãi cho đến ngày nay? Cho nên chúng ta phải biết trân trọng di sản văn hóa, văn học và tuệ giác của thầy tổ mình để lại. Từ đó chúng ta mới có thái độ nghiêm túc để học hỏi, nghiên cứu, và gan dục khơi trong nhằm có được hiệu quả cao nhất trong thời đại và xã hội mới. Chính sự chưa học hỏi và tu tập sâu sắc với truyền thống của mình, khiến không ít tăng ni có tinh thần vọng ngoại, nhiều khi phủ nhận công đức hay phần bác lại thầy tổ của mình.

Kết luận

Giáo dục Phật giáo đặt trọng tâm nơi giáo dục nhân cách và lý tưởng Phật Pháp

Tóm lại, giáo dục Phật giáo đặt trọng tâm đào tạo người có giới đức, lý tưởng tu tập và tinh thần hy sinh phụng sự. Tăng ni có nền tảng giáo dục vững chắc như vậy, sẽ không dễ lạc đường khi đi vào xã hội để học tập hay làm việc. Vì lẽ đó, giáo dục giới luật, oai nghi và cảnh sách cho người sơ tâm xuất gia đóng một vai trò quyết định, trong việc thành tựu đời sống phạm hạnh, tư cách tu sĩ, cũng như lý tưởng giải thoát và phụng sự. Trong Luật tạng nói: “Năm hạ đầu chuyên tinh giới luật, sau đó mới nghe kinh tham thiền” (Ngũ hạ dĩ tiên chuyên tinh giới luật, ngũ hạ dĩ hậu phưưng nãi thính giáo tham thiền). Có thể thấy, người xưa coi trọng việc học giới luật, oai nghi và cảnh sách như thế nào. Nhưng ngoài những trọng giới cần bàn ra, một phần của giới luật và oai nghi của Phật giáo cũng mang tính xã hội, được chế ra với tinh thần khế cơ. Cho nên, trong thời đại và hoàn cảnh xã hội mới, việc giáo dục giới luật, oai nghi và cảnh sách của tăng ni hiện nay cần phải điều chỉnh để bớt rườm rà, sát với thực tế, và có tính ứng dụng cao. Đây là nhu cầu cấp thiết, việc cần phải làm của chư vị tôn đức giáo thọ.

Lại nữa, mục đích của giáo dục Phật giáo không phải chỉ đào tạo người có tri thức Phật Pháp, mà còn phải có giới đức cao thượng và tuệ giác sâu sắc (minh hạnh túc). Tri thức Phật giáo của thể thông qua “Phật học” (Buddhist studies) để bồi dưỡng và phát triển, còn đạo đức và tuệ giác Phật giáo cần phải “học Phật” (emulating the Buddha), tức theo con đường *giới-định-tuệ* mà đức Phật đã từng tu tập và thành tựu. Nói khác đi, ngoài *văn* và *tư*, người tu sĩ phải coi trọng việc *tu*, mới có thể thành tựu nhân cách và giữ gìn bản sắc của giáo dục Phật giáo. Nếu không, giáo dục Phật giáo đâu khác gì nền giáo dục thể học, có thể đạo tào ra những học giả giỏi về Phật giáo, nhưng lại không có nhân tài Phật giáo đích thực, những người có giới hạnh, tinh thần hy sinh để gánh vác trọng trách truyền thừa và hoằng dương Chánh Pháp!

Cuối cùng, nếu tăng ni nào có khả năng và phương tiện học cao hơn, nhằm đi sâu vào đời sống xã hội văn hóa Mỹ để hoằng Pháp, chúng ta cần khuyến khích và ủng hộ. Nhưng đó chỉ là một con đường trong nhiều con đường hoằng pháp nơi hải ngoại. Điều quan trọng chúng ta phải tự hỏi mình rằng: Mình đi tu để làm gì? Ra hải ngoại để làm gì? Đi học để làm gì? Vì danh vì lợi hay vì lý tưởng phụng sự chúng sinh? Thường tự hỏi và kiểm điểm lại mình như vậy, giúp chúng ta giữ được tâm Bồ-đề hay lý tưởng ban đầu. Cho nên, có bằng cấp thể gian cũng tốt, không có cũng không sao, thực tu và thực tài mới là yếu tố quyết định tư cách và thành tựu của người tu. Thiết nghĩ, đây chính là định hướng giáo dục Phật giáo Việt Nam nơi hải ngoại trong xã hội hiện nay.

- 1) *Luận Ngữ*, thiên “Vi Chính” thứ hai.
- 2) Cổ Hòa Thượng Thích Thiền Tâm đã dịch ba trong số chín bài. Bút giả dịch lời tựa.
- 3) Bản dịch của bút giả. Xem phần phụ lục.

HUYỀN-THOẠI-DUY-MA-CẬT

Hóa giải mọi băn khoăn của tôi

Huệ Trân

Trong kho tàng châu ngọc kinh điển Đại Thừa, có hai cuốn mà phương danh cư sỹ đã được dùng để đặt tựa. Đó là Kinh Thắng Man và Kinh Duy Ma Cát, vì nội dung chính là truyền tuyên những lời Phật dạy, lồng trong bối cảnh khi Thắng Man phu nhân thừa thỉnh và khi Duy Ma Cát dùng thân bệnh để diễn đạt chí hướng và hành trạng của Bồ Tát qua những hình thức biện luận cùng chư vị Bồ Tát đến thăm.

May mắn thay, tôi có được cả hai cuốn này: Thắng Man giảng luận và Huyền Thoại Duy Ma Cát, đều được thầy Tuệ Sỹ căn trọng biên soạn.

Riêng Kinh Duy Ma Cát, tôi từng âm thầm khổ tâm khi học!

Tôi tin rằng không người học Phật nào không công nhận Kinh Duy Ma Cát là một Kinh Đại Thừa chứa đựng mệnh mông tử tưởng thâm sâu, uyên áo. Học Kinh Duy Ma Cát không thể học theo kiểu thuộc lòng vì mỗi giai thoại, mỗi câu nói trong đó đều ẩn dụ những huyền nghĩa sâu sa, kẻ sơ cơ như tôi, không biết đến kiếp nào mới hiểu hết.

Tôi biết thế, nhưng mỗi lần đọc, tôi đều không tránh được cảm giác băn khoăn, khó chịu khi lần lượt những Đại Đề Tử của Đức Thế Tôn đều ngằn ngại khi phải đi thăm bệnh cư-sỹ Duy Ma vì các vị đều từng bị ông cư-sỹ này chê trách!

Cảm giác khó chịu này luôn khởi lên song song với niềm nghi ngờ "Lẽ nào lại thế! Lẽ nào các vị xuất gia đã tinh thông nghĩa lý thâm diệu của Đạo Pháp lại trở thành như những đứa trẻ nhỏ khờ khạo trước một người cư-sỹ tại gia, dù người đó có tài trí đến đâu! Vậy thì, khi một Kinh Đại Thừa được trình bày như vậy, hẳn đằng sau những hình ảnh cổ tình phô diễn này là những ẩn dụ gì đây?"

Tuy khởi được nghi ngờ như thế, nhưng vì quá vô minh, tôi đã chẳng tìm ra được một ẩn dụ nào, nên cuối cùng vẫn chỉ còn lại cảm giác khó chịu. Nhưng vì Kinh có những đoạn quá hay, nên tôi không để ngủ yên trên kệ được, mà thỉnh thoảng lại mang ra đọc.

Những đoạn hay như đoạn Thiên-nữ rải

hoa. Hoa rắc trên thân Chư Bồ Tát thì liền rơi xuống đất mà rắc trên thân các vị Đại Đề Tử thì vẫn bám vào áo. Ngài Xá Lợi Phất phải mãi không được.

"Thấy vậy, Thiên nữ hỏi Xá Lợi Phất:

- Sao ngài phải hoa đi?

Xá Lợi Phất đáp:

- Hoa này không như pháp nên phải phải đi.

Thiên nữ nói:

- Đừng bảo hoa này không như pháp. Vì sao? Vì chúng không có gì phân biệt mà chính ngài đang khởi tâm phân biệt. Nếu người xuất gia trong Phật pháp mà còn có cái phân biệt, cái đó mới là không như pháp." (*)

Hoặc đoạn đối đáp giữa ngài Xá Lợi Phất và cư-sỹ Duy Ma Cát:

"Duy Ma Cát hỏi Xá Lợi Phất:

- Ngài nghĩ thế nào, ánh mặt trời khi xuất hiện có hiệp cùng bóng tối hay không?

Xá Lợi Phất đáp:

- Chỗ nào có ánh mặt trời thì không còn bóng tối.

Duy Ma Cát lại hỏi:

- Vì sao ánh mặt trời soi dọi cõi

Diêm-phù-đề này?

Xá Lợi Phất trả lời:

- Đem ánh sáng soi dọi để xóa tan bóng tối.

Duy Ma Cát bảo:

- Bồ Tát cũng vậy, tuy sinh nơi cõi Phật bất tịnh để giáo hóa chúng sinh nhưng không hiệp cùng với sự ngu ám, mà chỉ để diệt trừ bóng tối phiền não của chúng sinh." (*)

Nhưng ở chương nói về Pháp Môn Bất Nhị thì tôi không thể an lạc được khi cư-sỹ Duy Ma Cát hỏi các vị Bồ Tát hiện diện "thế nào là Bồ Tát vào cửa Pháp-Bất-Nhị?"

Sau khi ba mươi ba vị Bồ Tát lần lượt dùng những hình ảnh và trạng huống tương phản để trả lời câu hỏi một cách rất minh bạch, rất xuất sắc thì ngài Văn Thủ Sư Lợi là người cuối cùng mới hỏi lại Duy Ma Cát:

"Chúng tôi, mỗi người đã nói rồi, xin nhân giả cho biết thế nào là Bồ-tát vào cửa pháp-bất-nhị?"

Bấy giờ, Duy Ma Cát lặng im không nói.



*Văn Thủ Sư Lợi tán thán:
- Lành thay! Lành thay! Cho đến
không còn văn tự và ngôn thuyết, ấy
mới thật là vào cửa pháp-bất-
nhị." (*)*

Tôi thấy chỗ này ... bất công quá!
Chắc gì sự im lặng của Duy Ma Cát
đã là câu trả lời tuyệt diệu? Biết đâu
33 câu trả lời của Chư Bồ Tát đã quá
đủ, không còn câu nào dành lại cho
Duy Ma Cát nên cư-sỹ đành... im
lặng?

Mãi cho đến hôm nay, khi say
mê lần theo từng trang "Huyền Thoại
Duy Ma Cát" của Thầy Tuệ Sỹ biên
soạn, không ít lần tôi phải buột
miệng thốt lên: "Vi diệu quá! Sung
sướng quá!"

Tôi muốn chia sẻ niềm vui bất
tận này với quý đạo hữu vì từ nay,
đọc Kinh Duy Ma Cát, tôi sẽ không
còn băn khoăn, khổ tâm nữa! Tất cả
đã sáng tỏ.

Hãy chỉ đàn cử trường hợp ba Đại
-đệ-tử hàng đầu của Đức Thế Tôn là
các ngài Xá-Lợi-Phất, Ma-Ha-Ca-Diếp
và Mục-Kiền-Liên bị Duy Ma Cát chất
vấn đến mức không dám đi thăm
bệnh cư-sỹ khi Đức Thế Tôn đề nghị.

Ngài Xá Lợi Phất đã từ chối, vì
một lần Duy Ma Cát gặp ngài ngồi
thiền định nơi vắng vẻ, đã chê trách
rằng:

*"Bất tất ngồi như vậy mới là tĩnh
tọa. Không hiện thân và ý ở trong ba
cõi, ấy mới là tĩnh tọa. Hiện các oai
nghi mà không xuất diệt tận định, ấy
mới là tĩnh tọa. Hiện thân làm việc
phàm phu mà không xả Đạo pháp, ấy
mới là tĩnh tọa ..."*

Trong Huyền Thoại Duy Ma Cát,
thầy Tuệ Sỹ đã dẫn giải rằng:

*"Bậc Thánh đã xuất ly ba cõi,
vượt xa ngoài thế giới đầy xáo động
này, đó là nguồn an lạc do viễn ly và
xuất ly. Nhưng nếu bậc Thánh ấy trở
lại thế gian này, hiện thân và ý như
phàm phu ngay giữa thế gian này mà
tâm tư vẫn xuất ly ngoài ba cõi, đó là
đời sống viễn ly chân thật. Qua đó,
những lời phát biểu của Duy Ma Cát
là tán dương hay chỉ trích Xá Lợi
Phất?" (+)*

Ồi, thật thâm sâu! Có thể chứ!
Những con mắt vô minh như tôi,
đứng trước cồn cỏ che khuất, làm sao
thấy được núi Tu Di là cao! Làm sao
thấy hết "tâm bao thái hư, lượng
châu sa giới" của bậc Thánh!

Rồi đến Ma-Ha-Ca-Diếp, người đệ
tử duy nhất được Đức Phật trao cho
chiếc y phần tào của ngài, cũng là đối
tượng của cư-sỹ Duy Ma Cát:



THONG DONG

(Kính tặng Thầy Tuệ Sỹ và Thầy Hạnh Viên)

*Thị Ngạn Am ẩn hiện
Mây trắng bay ngang đồi
Tinh mơ sương còn đọng
Côn trùng thay tiếng kinh*

*Thầy mặc nhiên thiền định
Hương khói tỏa muôn phương
Trang nghiêm đây cõi tịnh
Vật nằng trong giọt sương.*

FREE AT WILL

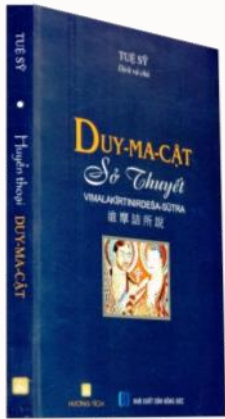
(For the Most Venerable Thích Tuệ Sỹ
and Venerable Hạnh Viên)

Thị Ngạn hermitage looms in the distance
White clouds leisurely float across the hill
At dawn, the gentle breeze whispers and dew forms
The singing of insects replaces the chanting

In the stillness, the master impeccably meditates
The perfume of incense spreads in all directions
Solemnly this is the Pure Land in this earthy realm

To see the sunshine in a drop of dew.

thơ BẠCH XUÂN PHỄ



"Theo truyền thuyết thường kể, Đại Ca Diếp có tâm ưu ái đặc biệt với người nghèo nên thường chỉ khát thực từ nơi nhà nghèo. Cho đến cả Thiên Đế Thích, khi muốn cúng dường Đại Ca Diếp cũng phải biến hóa thành một bà lão nghèo khó để được ngài thọ nhận. Ngay khi ấy, Duy Ma Cật xuất hiện và nói: Kính thưa ngài Ma Ha Ca Diếp, có tâm từ bi mà không rộng khắp nên ngài bỏ nhà hào phú mà xin nhà

bần hàn." (+)

Giai thoại này, Huyền-Thoại-Duy-Ma-Cật hóa giải chỉ bằng một câu ngắn:

"Nếu nói là phương tiện thị hiện, Phật từ bỏ Tịnh-độ mà hiện nơi uế trước thì có khác gì Ca-Diếp bỏ nhà giàu để đến với người nghèo?" (+)

Ồi, đơn giản có thể mà tôi khổ tâm bấy lâu vì không biết làm sao biện minh cho vị Đại-đệ-tử, từng được nhận Chánh-pháp-nhân-tạng Đức Phật trao truyền và trở thành vị Tổ Thiền đầu tiên, gieo trồng bao hoa trái nhiệm mầu cho hàng hậu học.

Trường hợp Đại-thần-thông Mục Kiền Liên mới thật là vi tế.

Học Phật, chúng ta đều biết rằng Đức Thế Tôn từng nhiều lần từ chối xử dụng thần thông để thuyết pháp vì "Không ích gì khi có khả năng biến hóa một người tí hon thành khổng lồ hoặc làm thân hình bốc lửa các thứ. Chỉ đáng tán thưởng khi phép lạ là khả năng biến một con người hung ác thành một bậc Thánh từ tâm quảng đại. Đó là phép lạ của sự giáo dục. Đó là Giáo Giới Thị Đạo." (+)

Nhưng để có đủ mọi phương tiện uyển chuyển, Đức Thế Tôn đã ngầm trao đặc quyền xử dụng thần thông cho Mục Kiền Liên mà thôi. Nhưng khi Duy Ma Cật chất vấn Mục Kiền Liên thì lại không là lúc ngài xử dụng sở trường, mà ngài lại đang thuyết pháp cho hàng cư-sỹ về các pháp tu để nhận thức được thân này là không thực, là tồn tại với một tự ngã.

Đây chính là một dụng ý tuyệt diệu của tinh thần Đại-thừa. Duy Ma Cật đến trước Mục Kiền Liên mà nói rằng:

"Thưa ngài Mục Kiền Liên, Pháp không chúng sinh vì xa lìa cấu bẩn của chúng sinh. Pháp không thọ mạng vì xa lìa sinh tử. Pháp không có con người vì tiền tế và hậu tế đều cắt đứt. Pháp thường tịch nhiên vì diệt các tướng. Pháp lìa ngoài tướng vì không sở duyên. Pháp không ngôn thuyết vì lìa các quán. Pháp không hình tướng vì như hư không ...Pháp như vậy, làm sao thuyết?" (+)

Nhưng thực tế, suốt 49 năm hoằng hóa, Đức Phật đã không ngừng thuyết pháp và trước

khi nhập diệt, ngài bảo các đệ-tử: "49 năm qua, ta chưa từng nói lời nào". Vậy lời Duy Ma Cật chất vấn Mục Kiền Liên có phải là chê trách không? Hay đây chính là lời tán thán về "Phép lạ của sự giáo dục" trong tinh thần:

"Người thuyết pháp thì không diễn thuyết, không khai thị. Người nghe thì không nghe, không sở đắc. Như con người huyền giảng pháp cho người huyền nghe. Sự thuyết pháp như vậy quả là thần thông diệu dụng." (+)

Sự dẫn giải trong Huyền-Thoại-Duy-Ma-Cật thật cô đọng:

"Duy Ma Cật không đợi lúc Mục Kiền Liên đang hiện thần thông để đối biện, mà đến ngay lúc Mục Kiền Liên đang thuyết pháp. Chính ở đó Duy Ma Cật chỉ lối đi vào cảnh giới thần thông của Phật" (+)

Cứ tuần tự, nhân nha như thế, từng trang Huyền-Thoại-Duy-Ma-Cật đã hóa giải mọi vấn đề, cho thấy trong mọi môi trường, người cư-sỹ trí tuệ vô song đồ đều "cùng làm việc" với Chư Bồ Tát và các Đại-đệ-tử của Phật, chứ không phải là chê trách nhau.

Quý ngài cùng làm việc trong chủ trương đưa ra những hình ảnh và ngôn từ tương phản, hầu làm sáng tỏ hơn những tư tưởng quá thâm sâu, uyên áo trong giáo pháp Đại-thừa, mà với những phương cách bình thường khó đạt được.

Như trên sân khấu phải có vai người thiện, kẻ ác, có người khôn, kẻ dại thì người xem mới nhìn ra chân lý. Có thể, khán giả vô minh như tôi mới được hoan hỷ ra về bằng lời dẫn giải của thầy Tuệ Sỹ về chương Pháp Môn Bất Nhị. Đó chính là chương tôi cảm thấy bất công sau khi ba mươi ba vị Bồ Tát trả lời câu hỏi về Bất-nhị, chẳng được công nhận gì; còn Duy Ma Cật, chỉ im lặng mà được ca ngợi là không còn vấn tự và ngôn thuyết, ấy mới thật là vào cửa Bất-nhị!

Thì đây, Huyền-Thoại-Duy-Ma-Cật nhẹ nhàng nói thế này:

"Nếu Văn Thủ không cất tiếng ngợi khen, để có ai khám phá ra ngôn ngữ của vô ngôn trong sự im lặng của Duy Ma Cật? Nếu bậc Giải Không Đệ Nhất không tỏ ra khiếp đảm ở đây, phạm phu nào khám phá được cảnh giới tịch mặc vô ngôn trong ngôn ngữ lý luận ly kỳ của Duy Ma Cật?" (+)

Như kẻ mù vừa được sáng mắt, như người lần mò trong tối tăm vừa được dắt ra khỏi hang động, tôi đọc mãi câu này không chán, tưởng như từng nét chữ với hình thù rõ rệt đã dính vào mỗi tế bào.

Xin đa tạ Thầy Tuệ Sỹ.

Xin đa tạ Huyền-Thoại-Duy-Ma-Cật.

Huệ Trân

(Như-Thị-Am, sau ngày ra mắt sách
Huyền Thoại Duy Ma Cật)

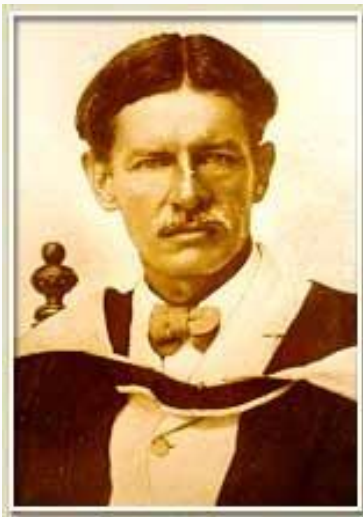
(*) Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết - Thích Tuệ Sỹ

(+) Huyền Thoại Duy Ma Cật - Thích Tuệ Sỹ

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

F. L. WOODWARD (1871-1952)



Frank Lee Woodward sinh ngày 13 tháng 3 năm 1871, con thứ ba của mục sư W. Woodward ở Saham, Norfolk (miền đông nước Anh). Lúc 8 tuổi, ông đã giỏi cổ ngữ La Tinh (Latin) và bắt đầu học các tiếng Hy Lạp, Pháp và Đức. Năm 1879, Woodward nhập học trường Christ Hospital, tại đây ông đã đoạt giải xuất sắc về tiếng La Tinh và Pháp ngữ. Ngoài ra, ông còn có biệt tài về các môn thể thao.

Năm 18 tuổi, Woodward ghi tên vào học ở Sidney Sussex College (thành lập năm 1588) thuộc trường đại học Cambridge (Anh quốc), tại đây ông được cấp học bổng đứng đầu môn cổ ngữ. Năm 19 tuổi, ông được thưởng huy chương vàng (Gold Medal) về thơ tiếng La Tinh.

Năm 20 tuổi, ông đỗ đầu hạng danh dự xuất sắc nhất trường về môn cổ điển và đoạt giải khiến nhiều phụ huynh đã phải rút con em họ đang theo học ở các trường khác về để gửi vào học trường Mahinda. Và không lâu sau đó, số học sinh của trường đã tăng lên đến 300. Woodward không những chỉ là nhân vật sáng lập mà còn là người đã giúp xây cất trường.

Người ta thường thấy ông trên tay cầm bay làm việc với các thợ nề khác hoặc đứng trên giàn phụ trách việc đo đạc v.v...

Đời sống của Woodward rất có kỷ luật và tích cực hoạt động, nhờ vậy, dưới sự hướng dẫn nhiệt tình của ông, trường Mahinda đã phát triển nhanh chóng. Woodward được mọi người hết lòng kính mến vì sự hy sinh tận tụy, tính tình khoan dung, rộng lượng và tài đức của ông. Một trong những nỗ lực đáng kể của Woodward là thưởng về các bài luận tiếng La Tinh. Ông cũng có khiếu chơi đại phong cầm và từng giữ các chức vụ như đội trưởng đội túc cầu và thư ký hội bóng đá.

Về sau, Woodward được mời dạy môn cổ điển trong 3 năm đến năm 1879 tại trường Royal Grammar ở Worcester (miền đông nước Anh). Tiếp đến, ông dạy cổ ngữ tại trường Stanford ở Lincolnshire (miền đông Anh quốc) trong thời gian 5 năm từ năm 1895. Một trong các học trò của Woodward bấy giờ sau này trở thành học giả nổi tiếng về thánh ngữ Pali là ông E. M. Hare (1893-1955), một thương gia người Anh chuyên buôn bán trà ở Tích Lan. Chính Woodward đã khuyến khích Hare nghiên cứu về cổ ngữ Pali và hai người về sau đã kết bạn chơi với nhau rất thân.

Trong thời gian dạy ở Stanford, Woodward đã dành hết thì giờ vào việc nghiên cứu các tôn giáo, triết học Đông lẫn Tây Phương, văn chương Anh, tiếng Phạn (Sanskrit) và cổ ngữ Pali. Năm 1902, Woodward gia nhập Hội Thông Thiên Học (Theosophical Society) lúc bấy giờ do ông H.S. Olcott (1832-1907), một học giả Hoa Kỳ làm hội trưởng. Woodward xem đây như là "một biến cố trọng đại nhất trong đời mình" vì chính Hội này đã hướng dẫn ông trở về, tin theo giáo lý của đức Phật.

Công Tác Giáo Dục Tại Tích Lan

F. L. Woodward đến Tích Lan năm 1903 và cùng hoạt động với ông H. S. Olcott trong phong trào phục hưng Phật Giáo tại xứ này. Woodward đã đứng ra thành lập và làm hiệu trưởng trường trung học Phật giáo Mahinda tọa lạc ở một ngôi nhà cũ xây cất theo kiểu Hòa

Lan giữa khu đông dân cư tại Galle, miền tây nam Tích Lan. Vào lúc ấy trường có khoảng 60 học sinh. Với kinh nghiệm nhiều năm dạy học tại nước Anh, Woodward nhanh chóng trở thành một giáo sư nổi tiếng khắp Tích Lan bấy giờ đã vận động cho việc công nhận tiếng Sinhalese (Tích Lan) trở thành một môn thi tại các kỳ thi lấy bằng Cambridge tổ chức tại Tích Lan bấy giờ. Ông cũng là nhân vật tiên phong trong phong trào vận động thành lập trường đại học Tích Lan (Ceylon University).

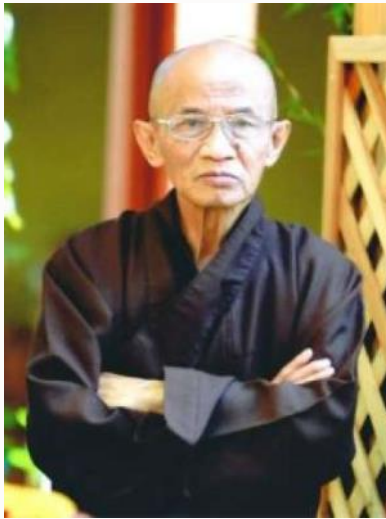
Woodward thường dùng y phục đơn giản áo quần vải trắng như người bản xứ Tích Lan. Vào ngày Rằm, ông thọ bát quan trai giới, nêu gương tốt cho các học sinh và thân hữu lắng nghe. Woodward thường để bát cúng dường thức ăn cho chư Tăng tại phòng họp lớn của trường và chính ông đích thân phục vụ chăm sóc rửa chân cho các nhà Sư Tích Lan với lòng hết sức thành kính. Woodward phụ trách dạy nhiều giờ và nhiều lớp cho trường Mahinda mỗi ngày; ngoài ra ông còn tham dự vào những công tác quản trị điều khiển, xây dựng trường v.v... Ông biết và nhớ rõ từng khuôn mặt cùng tên tuổi của mỗi học sinh trong trường.

Những Đóng Góp Của F. L. Woodward Cho Nền Phật Học Tây Phương

Woodward là một con người đặc biệt. Học hỏi, nghiên cứu tiếng Pali chỉ trong thời gian ngắn sau khi đến Tích Lan, ông đã có thể dịch ra Anh văn một số kinh điển Phật Giáo Nam Tông chép bằng cổ ngữ Pali. Năm 1913, Woodward bắt đầu dịch từ Pali ra tiếng Anh những kinh trong Tăng Chi Bộ Kinh (*Anguttara Nikaya*). Năm 1915, ông dịch kinh Pháp Cú (*Dhammapada*) dưới tựa đề: "The Buddha's Path of Virtue" (*Con đường đạo đức của đức Phật*). Woodward hợp tác với nữ học giả Pali, bà Rhys Davids (1858-1942) vào năm 1915 và Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Pali (*The Pali Text Society*) tại Luân Đôn (Anh quốc) rất lâu mãi cho đến năm ông qua đời (1952).

Woodward rời Galle (Tích Lan) ngày 7-10-1919 và sang cư trú tại hải đảo Tasmania, một tiểu bang thuộc Úc Đại Lợi (Australia), nằm ở phía nam Thái Bình Dương. Tại đây, ông trồng táo (apple) để sinh sống và dành hết thì giờ cho công tác phiên âm, dịch thuật kinh tạng Pali. Ngoài ra, Woodward vẫn thường xuyên liên lạc và gửi tài chánh qua Anh giúp đỡ Hội Pali Text Society.

Đề cập đến công trình nghiên cứu, dịch thuật của Woodward, bà Rhys Davids đã hết lời ca ngợi, tán thán khi viết về ông như sau:



H.T. THÍCH TRÍ CHƠN
(1933—2011)

"Trong những ngày đen tối của trận thế chiến thứ nhất, tại Tasmania, sau khi hoàn tất phần đầu bản dịch từ Pali ra Anh văn Tương Ứng Bộ Kinh (*Samyutta Nikaya*); với tâm hồn trong sáng, không vụ lợi và trí tuệ như Ngài Xá Lợi Phất (*Sariputta*), Woodward đã hoan hỷ gửi tiếp cho chúng tôi bản thảo dịch thuật phần hai của bộ kinh trên... Trong vài tháng, bản đánh máy đã được thực hiện đầy đủ, cả đến phần chú thích... Chúng tôi thực vô cùng biết ơn bàn tay thân hữu của ông ta đã giúp Hội chúng tôi tiến bước. Thật hiếm có những người như Woodward từ nửa vòng trái đất bên kia, đã dùng hết thì giờ rảnh rỗi để đóng góp vào công việc hoằng pháp lợi ích như thế..."

Vào năm 1927, khi nói đến công trình dịch thuật của Woodward về những phần khác của Tương Ứng Bộ Kinh nữ học giả Rhys Davids một lần nữa đã phát biểu: "Tôi tìm thấy nơi dịch bản của Woodward vừa chính xác và linh động. Chúng tôi đã mang ơn rất nhiều nơi ông ta như món quà pháp bảo của sự ân cần, kiên nhẫn, trong sáng và thành thực."

Dưới đây là những bộ chú giải do F. L. Woodward đã dày công phiên âm tiếng Pali theo mẫu tự La Tinh (Romanized Pali):

- 1921: Tập I, *Sàratthappakàsini* (tái bản năm 1977). Đây là tập chú giải về Tương Ứng Bộ Kinh (*Samyutta Nikaya*) của ngài Phật Minh (*Buddhaghosa*), nhà đại luận sư ra đời tại miền bắc Ấn Độ và đầu thế kỷ thứ 5 sau tây lịch và sang Tích Lan hoằng pháp khoảng vào năm 430 sau tây lịch.

- 1926: *Udana Commentary*: Tập chú giải về Kinh Phật Tự Thuyết (*Udana*) thuộc Tiểu Bộ Kinh (*Khuddaka Nikaya*) của nhà đại luận sư Dhammapàla sinh tại miền nam Ấn Độ vào thời kỳ sau ngài Buddhaghosa (Phật Minh).

- 1932: Tập II, *Sàratthappakàsini* (tái bản năm 1977), chú giải về Tương Ứng Bộ Kinh của ngài Phật Minh.

- 1937: Tập III, *Sàratthappakàsini* (tái bản năm 1977), chú giải về Tương Ứng Bộ Kinh của ngài Phật Minh.

- 1940: Tập I, *Theragàthà Commentary*: chú giải về Trường Lão Tăng Kệ (*Theragàthà*) thuộc Tiểu Bộ Kinh (*Khuddaka Nikaya*) của nhà đại luận sư Dhammapàla sinh tại miền nam Ấn Độ.

- 1952: Tập II, *Theragàthà Commentary*: chú giải về Trường Lão Tăng Kệ của ngài Dhammapàla.

- 1959: Tập III, *Theragàthà Commentary*: chú giải về Trường Lão Tăng Kệ của ngài Dhammapàla.

Ngoài ra, F. L. Woodward còn dịch từ nguyên bản Pali ra Anh văn các bộ kinh sau đây:

- 1924: Tập IIII, The Book of the Kindred Sayings (*Samyutta Nikàya*), Tương Ứng Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng, tái bản năm 1975.

- 1927: Tập IV, The Book of the Kindred Sayings (*Tương Ứng Bộ Kinh*) tái bản năm 1980.

- 1930: Tập V, The Book of the Kindred Sayings (*Tương Ứng Bộ Kinh*) tái bản năm 1979.

- 1932: Tập I, The Book of the Gradual Sayings (*Anguttara Nikàya*), Tăng Chi Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng, tái bản năm 1979.

- 1933: Tập II, The Book of the Gradual Sayings (*Tăng Chi Bộ Kinh*), tái bản năm 1982.

- 1936: Tập V, The Book of the Gradual Sayings (*Tăng Chi Bộ Kinh*), tái bản năm 1972.

- 1935: Tập II, Verses of Uplift (*Udàna*), Kinh Phật Tự Thuyết và "As It Was Said" (*Itivuttaka*), Kinh Phật Thuyết Như Vậy; cả hai đều thuộc Tiểu Bộ Kinh, tái bản năm 1948.

Sau gần 40 năm (1913-1952) đóng góp cho sự truyền bá, phát triển Phật Giáo tại các nước Tây Phương qua công trình nghiên cứu, dịch thuật kinh tạng Pali ra Anh ngữ, F. L. Woodward đã qua đời tại Tasmania (Úc Đại Lợi) vào ngày 3 tháng 11 năm 1952 hưởng thọ 81 tuổi. Sự vĩnh viễn ra đi của học giả Woodward không những là một mất mát lớn lao cho hàng Phật tử hậu thế tại các nước Âu Mỹ mà còn chung cho cả thế giới Phật Giáo chúng ta ngày nay và mãi mãi sau này.

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm, NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỢN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO AU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)

The Story of Five Lay-Disciples

Dhammapada, Verses 246, 247 and 248

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (246), (247) and (248) of this book, with reference to five lay-disciples.

On one occasion five lay-disciples were keeping observance day at the Jetavana monastery.

Most of them were observing only one or two of the five moral precepts (*sila*). Each one of them observing a particular precept claimed that the precept observed by him was the most difficult and there were a lot of arguments. In the end, they came to the Buddha with this problem.

To them the Buddha said, "You should not consider any individual precept as being easy or unimportant. Each and every one of the precepts must be strictly observed.

Do not think lightly of any of the precepts; none of them is easy to observe."

Each of them can drag you to Hell!

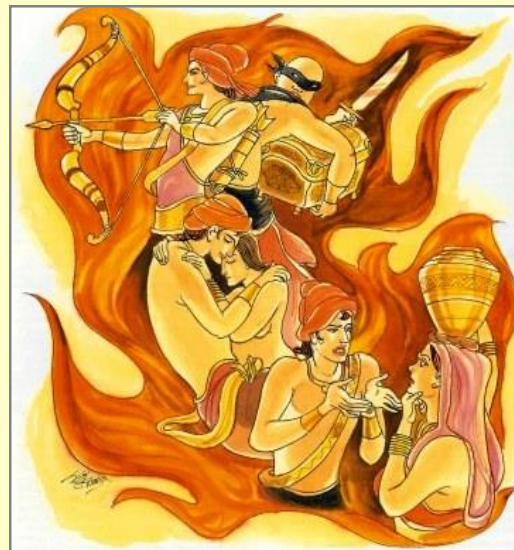
Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verses 246 & 247: He who destroys life, or tells lies, or takes what is not given him, or commits adultery or takes intoxicating drinks or drugs, digs up his own roots even in this very life.

Verse 248: Know this, O man! Not restraining oneself is evil; do not let greed and ill will produce you to prolonged misery.

At the end of the discourse the five lay-disciples attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.





Năm giọt mật

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỀU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

Ngày xưa có một tên tử tù vừa vượt thoát khỏi lao ngục, chạy bán sống bán chết. Đàng sau hắn, hai con voi say đang đuổi theo, do sự tổ chức truy nã của nhà cầm quyền.

Trong cơn hốt hoảng, chẳng may hắn ta rơi tồm xuống một cái giếng sâu ở dọc đường.

Nhưng trong cái rủi ro cũng còn được chút may mắn: Khi thân mình chưa rơi tới đáy, không biết quờ quạng vùng vẫy như thế nào mà hắn ta níu được một cái rễ cây mọc thông xuống giếng.

Hú vía! Qua giờ phút nguy ngập ấy, hắn tưởng chừng như đã yên thân: hai con voi sẽ chẳng biết mình ở đâu mà tìm. Nhưng ý nghĩ ấy thoát biến mất theo hơi thở: hai con voi say đã đến bên miệng giếng, gầm rống vang động, hút phăng tất cả những cây cỏ mọc trên miệng giếng như để thị uy. Nếu hắn mà lên thì phải chết!

Hắn hốt hoảng quá. Nếu sợi dây đang đeo mà đứt thì thật là chắc chết mười phần. Hắn ta tính phăng tuột lần xuống đáy giếng để may ra có chút hy vọng nào không. Nhưng bất đồ nhìn xuống đáy giếng sâu thẳm, hắn ta thấy ba con rồng đang múa vuốt, gờn nhanh, miệng phun lửa dữ, như muốn bay đến nuốt trứng hắn. Điếng hồn, hắn đành phải cố bám chặt sợi dây, đeo lủng lẳng giữa chừng. Nhưng có phải được vậy là yên thân đâu? Ác nghiệt làm sao, kể trên miệng giếng, hai con chuột cống xù, một đen một trắng, đang đua nhau rắp cắn sợi dây. Ác nghiệt hơn nữa là

bao quanh thành giếng, theo những lỗ trũng gần hần nhất, bốn con rắn độc bây giờ xuất hiện, ngóc đầu, thè lưỡi toan mổ.

Những biến cố dồn dập xảy tới tấp làm cho hắn ta hết phương trốn tránh, ý nghĩ liều



mạng lại hiện đến: bề nào cũng không khỏi chết, thà leo ngược trở lên mặt đất, rồi bỏ chạy, dù có chết cũng còn thấy. Thế là hắn ráng phăng lần leo ngược trở lên. Khốn khổ quá, phần lo sợ, phần đuối sức, bồ hôi bồ kê ướt đầm. Miệng khô cổ cháy, hắn ngược mặt lên trời mà than rằng: "Trời sao nỡ hành hạ ta đến nông nỗi này!"

Càng mệt, càng thờ, hơi thở càng lúc càng ngắn dần; thở bằng mũi không kịp, hắn phải há miệng để thở phụ, trong giờ phút mạng cùng tuyệt vọng ấy, bỗng một bầy ong mật bay ngang qua làm rơi vào miệng hắn 5 giọt mật... Hắn ta chíp ngay, chắp chắp thấy ngon ngon... mê tít... và trong giây phút, quên mất bao nhiêu sự nguy nan đang bao vây hắn... (*)

(*) Người ta có thể quên bằng đi được tất cả bao nhiêu khổ sở, đau đớn, khi người ta nhận được chút ít an ủi bằng Danh lợi, Tiền tài, Sắc đẹp, Tiếng khen, Ăn ngon, Ngủ kỹ.

Chỉ vì năm giọt mật "Ngũ dục" không đáng giá trong lòng lúc dục vọng đang khao khát trông chờ, mà người trong giếng có thể quên đi được bao nhiêu sự nguy hiểm đang bao bọc quanh mình; loài người vì năm món dục lạc mà quên đi tất cả những gì khổ não, tạm bợ, mạng sống không khác nào như chỉ mảnh treo chuông!

NGƯỜI BÁN THAN VÀ ÔNG QUÝ PHÁI

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)



Anh chị em huynh trưởng và đạo sinh nam nữ thân yêu!

Lòng nhân ái và biết trọng điều phải đã vun vén cho mình một nhân cách tuyệt vời. Là tuổi trẻ, ta phải lấy đó làm phương châm sửa mình và hướng dẫn người, nhất là bạn bè và em út ta.

Trong cuốn *Tâm Hồn Cao Thượng* của nhà văn Edmond de Amicis người Ý, ông Hà Mai Anh dịch ra tiếng Việt. Câu truyện được trích kể dưới đây có tựa đề là Cát Lộ và Biên Tử. Nội dung thuật lại rằng:

“Cát Lộ là con của Bá tước họ Ngô. Biên Tử, là con của người bán than nghèo. Cả hai cùng học một lớp. Cát Lộ thì kiêu hãnh, Biên Tử thì thông minh và ngoan hiền. Một hôm Cát Lộ và Biên Tử cùng tranh luận về một đề tài, Cát Lộ cùng lý phát câu nói:

- Bố mày là đồ bẩn tiện!

Biên Tử giận đỏ mặt, ứa nước mắt. Trưa về Biên Tử kể chuyện cho cha nghe. Buổi chiều

cha anh đến trường phen nằn cùng thầy giáo là ông Bích Niên, vừa gặp lúc ông Ngô đưa con đi học. Ông Bích Niên nói:

- Kìa ông Ngô đã đến, vừa khéo, ông hàng than đang phen nằn vì Cát Lộ đã mắng con ông. “Bố mày là đồ bẩn tiện.”

Ông Ngô cau mày hơi đổi sắc mặt quay lại hỏi con:

- Có thực con đã nói thế?

Cát Lộ đứng ngay như gỗ củi đầu im lặng. Ông Ngô xin phép dắt con đến chỗ Biên Tử và bảo:

- Con xin lỗi anh Biên Tử đi.

- Thưa ông thôi! - Người bán than tỏ thái độ ảm náy và toan chạy vào ngăn lại. Nhưng ông quý phái không nghe, cứ bảo con xin lỗi và nhắc lại câu này: “Anh Biên Tử ơi. Tôi xin lỗi anh về lời nói bất nhã và vô ý thức mà tôi đã chót nói phạm đến cha anh. Người cha mà tôi rất hân hạnh được bắt tay.” Không dám ngẩng mặt, Cát Lộ lặp lại nguyên văn lời cha anh dạy với giọng hơi thấp, và ông Ngô vui vẻ đưa tay cho người bán than. Cả hai bắt tay nhau một cách nồng nhiệt. Bắt tay xong, Bá tước quay lại nói với thầy giáo:

- Thưa thầy, xin thầy vui lòng cho hai trẻ được ngồi gần liền bên nhau.

Ông Bích Niên vui vẻ đặt Biên Tử ngồi cạnh Cát Lộ. Chúng đã yên chỗ, ông Ngô chào và trở ra. Ông hàng than đứng lại một lúc. Bâng khuâng, do dự, ông ngắm hai trẻ ngồi sánh vai nhau rồi chẳng nói rằng, ông chạy lại toan ôm lấy Cát Lộ. Song đến nơi ông bỗng dừng lại đưa bàn tay chuỗi hột của mình sẽ vuốt tóc anh Cát Lộ, rồi ra thẳng.

Thầy Bích Niên bảo học trò:

- Các con hãy nhớ lấy tấn kịch mà các con vừa xem. Đó là một bài học hay nhất trong năm.

Thái độ nghiêm khắc mà từ hòa của ông Ngô đối với con cũng như hành động tôn trọng giá trị của con người cần lao làm cho ta thêm nể trọng con người danh giá ấy.

Trong thái độ bàng hoàng do dự khi muốn chạy lại ôm Cát Lộ làm toát ra cái tình cảm chân thật độ lượng dễ tha thứ và đầy tình người của kẻ lao động. Đọc qua dễ rơi lệ, bùi ngùi trong hân hoan.

(trích **52 Câu Chuyện Dưới Cờ** của Thị
Nguyễn - Nguyễn Đình Khôi)





LƯƠNG VÕ ĐẾ

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Trong lịch sử truyền bá Phật pháp, nếu có những thời đại huy hoàng mà giáo lý Phật đã lan truyền mạnh mẽ thì cũng có nhiều lúc thiếu thiện duyên gần như bị đình đốn, những lúc ấy nếu không có những vị nhân vương thiện trí thức phát tâm hộ trì chánh pháp thì Phật giáo khó giữ được bản sắc mà tồn tại đến ngày nay.

I. NIÊN ĐẠI LƯƠNG VÕ ĐẾ:

Trong lịch sử Trung Hoa có 3 thời kỳ khó khăn nhất là thời Thái Quốc tức là Xuân Thu Chiến Quốc (tiếp sau các nhà Thương Hạ Chu) thời Tam quốc (vào cuối đời nhà Hán) và thời Nam Bắc triều. Trong thời Nam Bắc triều (trước Tống, Tuỳ Đường) các triều đại chia nhau hùng cứ hai miền Nam Bắc Trung Hoa. Ở Bắc có Bắc Ngụy, Đông Ngụy, Tây Ngụy, Bắc Tề, Tây Chu, còn ở Nam thì có Tống, Tề, Lương, Tần, Tấn.

Lương Võ Đế (dòng dõi Tiêu Hà, Thừa Tướng nhà Hán) chính là vị Vua sáng lập nên nhà Lương sau khi đánh đuổi Tề Hoa Đế và lấy niên hiệu là Thiên giám.

Lương Võ Đế cũng là nhà vua trị vì lâu nhất trong các triều đại lúc bấy giờ (48 năm), đối chiếu với Việt sử thì nhà Lương thiết lập vào năm 501 sau Tây lịch, tương đương với thời kỳ nội thuộc thứ hai trước khi Lý Bôn chiếm Long Biên 42 năm, vì chính sự đổ nát của các triều đại nên Phật giáo suy đồi.

II. LƯƠNG VÕ ĐẾ MỘT NẾP SỐNG TỊNH ĐẠO:

Cuộc đời của Lương Võ Đế có thể chia làm 3 thời kỳ:

+ Từ lúc lên ngôi cho đến năm Thiên Giám thứ hai là thời kỳ nghiên cứu Phật giáo, bỏ đạo Lão.

+ Từ năm Thiên Giám thứ II đến năm Phổ Thông thứ II là thời kỳ chấn chỉnh Tăng già và phát triển Phật pháp.

+ Cuối năm Phổ Thông thứ II đến trọn kiếp là lấy Bồ Tát giới thực hành Chánh Pháp.

Tuy ở ngôi vàng nhưng bản hoài Lương Võ Đế không phải ở chỗ đó. Ngài thường nói "Thống trị thiên hạ không phải bản trí của tôi;" "ai biết tôi không tham thiên hạ? chỉ khi làm được điều mà kẻ khác không làm nổi mới biết tâm tôi mà thôi" hoặc "Chính trị trên thì hỗn bạo dân tình, dưới thì loạn ly, người ngay thẳng phải mất đầu, tôi trung cũng bị hiếp. Sắc phục đồng nhà Tề ai cũng xưng mình là đế chúa tối cao, dối trá quần chúng, nghi hoặc lòng người.

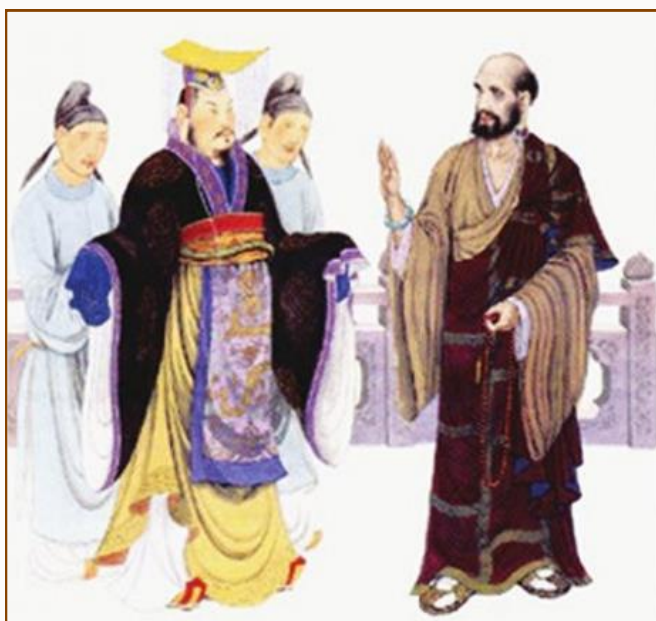
Tôi phản lực đứng dậy sang phẳng những kẻ ấy. Khi gian hùng đã trừ, dân lành hết khổ rồi thì tôi định về vườn cuốc rau lật cỏ. Nhưng dưới không người thúc ép trên sợ lẽ phải nên bắt dẫm phải nhận lấy ngôi báu thật như bước xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng" (trong *Tịnh Nghiệp Phú*).

Khi tại ngôi, Lương Võ Đế sống một cuộc đời tươi đẹp Ngài nói: "Tôi xa lánh phòng thất. Không dùng thê thiếp cung tần đã hơn 40 năm nay. Trong tập *Cung Thất Lý* chép về nhà vua: "Nhà vua ăn thì đạm bạc, mặc thì gai vải mùa lạnh nóng đều như nhau, ở thì một mình không thị vệ, không đối chiếu, trước mắt chỉ có trầm hương, v.v... pháp bảo." Lợi để cho người mà tiết kiệm phần mình, nếp sống của một vị vua mà như vậy đáng cho chúng ta khâm phục.

III. LƯƠNG VÕ ĐẾ CON NGƯỜI CỦA CHÁNH TÍN:

a. *Căn cứ trên lý trí*: Lương Võ Đế thuở còn học Nho giáo từng nghiên cứu Tứ Thư, Ngũ Kinh, về sau theo truyền thuyết Vô Vi của Lão Trang, nhưng khi gặp Phật Pháp nghiên cứu Khổ Tập Đế, Lý nhân quả, nhận chân giá trị bình đẳng của Phật giáo, Ngài thú nhận như thấy ánh sáng. Lòng tin của Lương Võ Đế phát sinh từ sự nghiên cứu.

b. *Tin tưởng luân hồi*: Xét về Nhân sinh quan của Phật giáo thì Luân Hồi là lý thuyết



chính làm nền tảng cho các triết thuyết Nhân thừa Phật giáo, chính Lương Võ Đế tin tưởng vào Luân Hồi một cách tuyệt đối Ngài đã tha thiết cho rằng: “Tôi khi còn nhỏ vì chưa có chánh tín nên sát hại sanh mạng ăn thịt ăn cá, cho nên khi lên ngôi sơn hà hải vị đầy dẫy nhưng trước cảnh đó, vì Phật pháp mà phải sa nước mắt, nghĩ rằng đây là máu thịt của cha mẹ bà con mình, giận mình chưa xả thân cúng dường họ được. Bây giờ nở nào ngồi ăn.” Lòng tin của Ngài phát lộ như một tình cảm chân thành.

c. Tin tưởng vào giới luật: Lương Võ Đế tin tưởng vào giới luật mà đức Phật đã chế ra, nhất là giới sát mà đức Phật đã truyền trong Kinh Niết Bàn. Mặc dù các Pháp sư đương thời đã tham chấp mà xuyên tạc.

Sau khi triệu tập Hội nghị ăn chay, Ngài đã thốt lên lời phát nguyện chân thành làm chúng ta phải cảm động: “Đệ tử tại gia tuy không trì đại giới, hôm nay cũng lập đại nguyện để tỏ thật lòng mình. Từ nay cho đến giác ngộ, nếu đệ tử uống rượu ăn thịt thì đại lực quý thần khổ trị đệ tử, rồi giao cho Diêm La Pháp Vương, cho đến muôn loài thành Phật cả rồi đệ tử vẫn còn ở trong Vô gián địa ngục.”

Lòng tin tưởng mãnh liệt ấy cộng thêm những lý luận sắc bén đã chuyển được niệm của hàng Tăng lúc bấy giờ, chính Ngài đã cầu thọ Bồ Tát giới với Pháp Sư Huê Ước là người đức trí cao cả Ngài đã nói: “Tôi nghĩ, nếu không thọ Bồ Tát giới thì làm sao có tâm từ bi, làm hạnh bình đẳng? vì vậy nên tôi thọ trì chánh pháp muốn để cho ức triệu sanh linh đều được sung sướng.”

IV. LƯƠNG VÕ ĐẾ VỊ HỘ PHÁP TOÀN VỆN:

Công đức hộ pháp của nhà vua bao gồm cả mọi mặt Với đạo thì làm chùa, đúc tượng, khắc kinh, độ tăng, với đời thì dùng chánh pháp cứu người.

Chùa Đông Thái là cơ sở vĩ đại và danh tiếng nhất của Phật giáo tại Trung Hoa từ trước đến bây giờ.

Năm Thiên Giám thứ 12 nhà vua hạ chiếu: “Việc tế tự Tông miếu không dùng sinh vật, phải trọng sinh vật ngang hoặc hơn trọng thần linh, lại ban chiếu dặn đừng làm nghề sát sanh chữa bệnh dùng dùng thuốc huyết nhục.”

Ngoài phận sự của một minh quân, Lương Võ Đế còn là một học giả. Nhà vua đã chú giải kinh Đại Phẩm Niết Bàn thành 50 cuốn, viết bộ Tịnh Danh Sớ, Lương Hoàng Sám và Thủy Lục Đại Trai, tiếc thay chỉ hai tập sau còn lưu lại và có một giá trị không nhỏ.

Đối với các Tăng Ni bất tịnh, Lương Võ Đế một mặt viết bài “Đoạn tửu nhục” để khuyên răn, một mặt dùng quyền lực trừng phạt. Trong bài “Đoạn tửu nhục” nhắc lại lời đức Phật dạy ngài Ca Diếp trong Kinh Niết Bàn “Từ giờ phút cuối này của ta trở đi ta cấm các đệ tử của ta, không được ăn tất cả các thứ thịt” để



minh định cho tất cả được rõ, đoạn nhà vua lý luận về rượu: “Rượu chẳng qua là hơi thô, gạo nước mất tính chất đi mà thành ra hơi ấy. Chúng sanh chỉ vì thói xấu mà thèm thường chứ nó không phải là pháp vị tam đồ, tại sao người xuất gia còn uống?” Để kết luận Lương Võ Đế viết: “Hy vọng các Ngài suy nghĩ, nếu mà khinh lờn không tuân theo lời Phật dạy thì các Ngài vẫn là dân của nhà Lương, sắc đệ tử có thể trừng trị.”

Tuy thế nhà vua không muốn mình là vị độc tài, một Hội nghị ăn chay được triệu tập tại Chùa Quang Trach, mục đích để các vị Tăng Ni phản đối được thảo luận tới cùng. Hội nghị mở vào ngày 22 tháng 5 năm Thiên Giám thứ 12 gồm 2.450 người dự, hội trưởng được chia làm hai phía đối lập. Có đặt các vị Pháp Sư làm chủ tọa biện hộ thuyết trình. Kết quả từ đó về sau vĩnh viễn giới sát chủ trương từ bi của Phật giáo được thực hiện trong hàng Tăng Chúng.

V. LƯƠNG VÕ ĐẾ VỚI A DỤC VƯƠNG:

Giữa A Dục vương của Ấn Độ và Lương Võ Đế của Trung Hoa có nhiều điểm tương đồng, mặc dù Lương Võ Đế không phải là một bạo chúa sấm hối tội lỗi mà phụng trì giáo pháp như A Dục.

Trước hết hai vị đế vương đều có công lớn với Phật giáo trong những giai đoạn đặc biệt. Nếu Ấn Độ không có A Dục vương thì Đại Thừa Phật giáo không thể phát triển được rực rỡ, cũng như nếu Trung Hoa không có Lương Võ Đế thì Phật giáo khó huy hoàng ở đời Đường. Sau này phổ cập vào quần chúng như một nền văn hóa dân tộc. Cả hai đều dùng uy thế của mình để kiến tạo cho Phật giáo. Chùa Đâu Ma do A Dục xây cất cũng vĩ đại và cũng tương tự như chùa Đông Thái của Lương Võ Đế. Về tài thí của vua A Dục sau khi cúng dường

cây Bồ Đề, nơi đức Phật giác ngộ, hỷ xả tất cả và cúng dường Thánh tăng, cũng như cung cấp cho quần chúng. Lương Võ Đế cũng vậy, cũng khuyên người và tự mình đại thí tất cả tài sản cho chúng sanh lao khổ. Tuy nhiên, về phương tiện nghiên cứu và lý giải chánh pháp thì A Dục vương thua Lương Võ Đế ở những điểm sau: Tâm của Lương Võ Đế là tâm Phật, thương hết thảy mọi loài chúng sanh, ghê tởm sự chiếm đoạt sanh mạng loài người và mọi loài khác. Tâm ấy đáng cho chúng ta tôn thờ.

Chí Lương Võ Đế là chí hướng Bồ Tát với tinh thần nhập thế cứu độ nhân quần, chỉ vì không muốn thấy nhân tâm ly tán mà phải nhúng gươm báu trong máu đào chí ấy đáng cho chúng ta phải phát nguyện.

Lương Võ Đế đã thoát khỏi tài sắc danh lợi, là một tu sĩ nhiếp chánh hơn là một vị vua cầu đạo, nếp sống tại gia nhưng tinh thần an lạc, thanh khiết đáng cho chúng ta bắt chước.

Đức tin của Lương Võ Đế là đức tin kết tập bởi bao năm dày công nghiên cứu nên vững chắc và mạnh mẽ không gì lay chuyển được. Là thanh niên sống nhiều về lý trí ta cố un đức được đức tin ấy.

Tình cảm của Lương Võ Đế là tình cảm chân thành mãnh liệt muốn cắt ruột phơi ra ngoài cũng chẳng ai tin, phải làm một cái gì chứng tỏ lòng thành ấy, thứ tình cảm sâu xa không hời hợt đối với chánh pháp, những con người đầy nhiệt huyết như thế, thanh niên chúng ta cần phải có.

Lương Võ Đế biết dùng uy thế cá nhân phương tiện của Đời để phục vụ Đạo. Dù ít dù nhiều tuy mỗi hoàn cảnh riêng ta cũng tìm cách phục vụ Đạo, mà phải là những phương tiện chân chính.

Dẫu có uy quyền để vương nhưng Lương Võ Đế không ép buộc Tăng Chúng theo ý riêng của mình mà mở cuộc hội thảo để tìm chân lý, tinh thần bình đẳng của nhà Phật mà Lương Võ Đế đã áp dụng đáng cho ta suy gẫm.

VI.- KẾT LUẬN:

Tóm lại, cuộc đời Lương Võ Đế đáng là cuộc đời của vị Bồ Tát như sách nội điển nhà Đường đã nói bởi lẽ trong tất cả thời đại người cư sĩ truyền bá Phật giáo gương cao nhất không ai bằng Lương Võ Đế. Mà thật vậy, cái hành động tập trung hàng vạn người tại Điện Trùng Vân tuyên bố bỏ Lão giáo, lời nói của Lương Võ Đế cũng chứng tỏ được đại nguyện của Ngài: "Thà ở chánh pháp mà chìm đắm bể khổ, còn hơn quy y lão tổ để tạm được thần tiên."

(trích tài liệu *Tu Học Huynh Trưởng Bạc Trì* của GDPTVN)



RÒN RỌN ÁNH TRẮNG

*Sương lên đỉnh tháp hoang tàn
Nỉ non đồng vọng cơ hàn tiếng ma
Mơ hồ âm khái hoàn ca
Chiêm quân hộ Chế Bồng Nga nhập thành*

*Đỏ Bàn rày đã rêu xanh
Hai châu đối lấy một nhành thiên hương
Phé phong đện vũ miếu đường
Ngậm cười chín suối đế vương công hầu*

*Trùng trùng một cõi xanh dâu
Hoàng triều phơ phất cỏ lau bốn mùa
Nhọc lòng bao cuộc hơn thua
Máu sông xương núi đã vừa lòng chăng*

*Đêm rằm tròn rợn ánh trăng
Chập chờn xanh đuốc hoa đang ma Hời*

CHƯA HỀ PHÔI PHA

*Gặp nhau ở quốc độ này
Yêu em từ thuở tháng ngày nguyên sơ
Bây giờ cho đến bao giờ
Thiệt tha tình vẫn chưa hề phôi pha
Trăng lên ngút đỉnh sương tà
Tôi thao thức giữa Sa- Bà xanh xao
Vui chung một cõi ba đào
Thương nhau mình lại lụy nhau mấy lần
Diệt sanh khoảng khắc ngưng thân
Cuộc trăm năm đó nguyên phần dư hương
Gặp nhau trời đất ngoại phương
Nhìn nhau cười cõi vô thường rong chơi
Mình chưa trao lấy một lời
Mình chung nhau cả một trời tương tư
Tri âm bất luận ngôn từ*

thơ

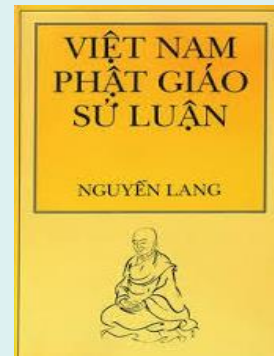
DU TÂM LÃNG TỬ

Georgia, 6/2017

SỨC SÁNG TẠO CỦA GIỚI PHẬT TỬ ĐẠI CHÚNG

(Chương XIX, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



Kỳ 2

(tiếp theo kỳ trước)

Sau đây là sự tích của Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không, kể theo các sách *Thuyền Uyển Tập Anh*, *Lĩnh Nam Chích Quái* và *Viết Điện U Linh Tập*. Cả ba tập sách đều phản chiếu sự sáng tạo của giới Phật tử đại chúng. Theo truyền tích. Đạo Hạnh hồi còn nhỏ bề ngoài tỏ ra ham chơi nhưng bề trong thì có chí lớn, rất chuyên cần học tập. Ông có ba người bạn thiết: nho sĩ Phí Sinh, đạo sĩ Lê Toàn Nghĩa và kép hát Phan Ất. Cha của Từ Đạo Hạnh là Từ Vinh thấy con suốt ngày chơi bời, đá cầu, thổi sáo, đánh bạc, rất lấy làm lo lắng. Một đêm, mở cửa vào phòng Đạo Hạnh, ông thấy chàng tựa án mà ngủ, tay còn cầm sách, trên bàn sách vở bừa bãi, ngọn đèn leo lét. Biết rằng con rất chăm học về đêm, ông không lo nữa. sau đó Đạo Hạnh đi thi được đỗ đầu khoa Bạch Liên (30). Ông không muốn ra làm quan vì ông chỉ muốn tìm cách trả thù cho cha. Cha của ông, trước đó, vì có dùng tà thuật phạm đến Diên Thành Hầu nên bị Diên Thành Hầu nhờ pháp sư Đại Điền dùng pháp thuật đánh chết quăng thân xuống sông Tô Lịch. Khi trôi đến trước nhà Diên Thành Hầu thì thi hài của cha ông bỗng đứng dậy trên mặt nước, tay chỉ vào nhà Hầu như vậy suốt một ngày. Hầu sợ hãi đi tìm Đại Điền. Đại Điền tới đọc một câu kệ:

"Thầy tu giận ai thì cũng không giận quá một đêm."

(Tặng hận bất cách tức)

Thầy của Từ Vinh liền ngã xuống và trôi đi. Trôi đến sông Hàm Rồng, làng Nhân Mục Cự thì dừng lại. Thấy việc linh dị, dân làng ấy chôn cất, dựng miếu và tạc tượng thờ, lấy ngày mồng mười tháng giêng làm ngày kỵ. Bà mẹ thì chôn ở chùa Ba Lăng, làng Thượng An, nay là chùa Hoa Lăng, Chùa này thờ hai vị thánh phụ và thánh mẫu tức là cha mẹ của Từ Đạo Hạnh (31).

Đạo Hạnh muốn trả thù cho cha, song chưa biết bằng cách nào. Một hôm trong thấy

Đại Điền đi ngang nhà liền xách gậy định đánh. Bỗng nghe trên không có tiếng la "dừng, dừng", liền bỏ gậy xuống không dám đánh nữa. Sau đó Đạo Hạnh cùng hai người bạn là Minh Không và Giác Hải cùng rủ nhau đi sang Ấn Độ để học linh thuật về chống trả với Đại Điền. Nhưng đến xứ người Răng Vàng (32) thấy đường xá hiểm trở, ba người muốn về. Bỗng thấy một ông già chèo chiếc thuyền con dạo chơi trên sông, ba người đến hỏi đường. Ông già trả lời: Đường núi hiểm trở đi chân không được đâu; lão có chiếc thuyền con, xin chở giúp các người, và có cái gậy trúc con, nhằm thẳng Tây Vực mà đi thì chẳng xa là mấy. Nói xong đọc bài kệ:

Đồng đạo cùng đi sự đã đành

Công nhiều chí lớn ắt thành danh

Chớ nề khó nhọc đường trăm ngã

Theo riết Hoàng Giang thấy thánh sinh.

Đọc xong, ngựa mặt trông chừng giầy lát đã đến bờ Tây Thiên. Đạo Hạnh ở lại giữ thuyền con, Giác Hải và Minh không lên bờ học đạo. Học xong hai người bỏ về trước. Đạo Hạnh giữ thuyền đã ba ngày, không thấy hai người trở về. Bỗng gặp một bà lão trên sông tới hỏi thăm được bà lão cho biết là hai người đã học được phép linh của bà và đã về trước rồi. Bà lão bảo Đạo Hạnh gánh hai thùng nước về nhà bà và bà bắt đầu dạy pháp thuật cho. Đạo Hạnh học xong thì cũng về nước. Giữa đường nghĩ tới hai người bạn, liền niệm chú. Hai người bị đau bụng không đi tiếp được nữa. Đạo Hạnh dùng phép rút đất, vượt hai người, rồi hóa ra cọp trong bụi rậm, gầm lên một tiếng làm hai người giật mình. Nơi Đạo Hạnh hóa cọp để "hù" hai người thuộc làng Ngải Cầu, huyện Từ Liêm (33). Minh Không thấy Đạo Hạnh già cọt cười nói với Đạo Hạnh: "Nghiep của anh còn nặng, anh sẽ còn phải luân hồi gặp nạn. Nhưng tôi sẽ cứu cho."

Đạo Hạnh về ẩn trong chùa Thiên Phúc núi Phật Tích, nhất tâm trì tụng chú Đại Bi, đủ mười vạn tám ngàn biến. Một hôm có một vị thần đến, xưng là Tứ Trần Thiên Vương, nói vì cảm động công đức của Đạo Hạnh nên đến để

được sai khiến. Đạo Hạnh biết pháp thuật của mình đã viên mãn, có thể báo thù cha được, bèn cầm gậy đi đến cầu Quyết sông Tô Lịch, liệng gậy xuống nước. Gậy liền lội ngược nước như con rồng, mãi cho đến cầu Tây Dương mới ngừng. Đạo Hạnh mừng nói: "Phép của ta hơn phép của Đại Diên rồi". Bèn tới nhà Đại Diên. Trông thấy Đạo Hạnh, Đại Diên hỏi: "Người không nhớ việc ngày trước sao?" Đạo Hạnh ngửa mặt lên trời, không thấy phản ứng gì, liền lấy gậy đánh Đại Diên một gậy. Đại Diên về phát bệnh mà chết.

Từ đó, thù xưa rửa sạch, niềm tặc lạnh như tro tàn, Đạo Hạnh mới đi khắp Tùng lâm mà cầu tâm ấn. Nghe thiền sư Trí Huyền dạy đạo ở Táhi Bình, Đạo Hạnh tìm tới tham vấn, trình lên bài kệ:

*Lặn với bụi đời tự bấy lâu
Chân tâm vàng ngọc biết tìm đâu
Cúi xin rộng mở bày phương tiện
Thấy được chân như sạch khổ sầu*

Trí Huyền đáp:
*Trong ngọc vang ra tiếng diệu huyền
Mỗi âm đều hiển lộ tâm thiền*

*Bồ đề hiện rõ ngay tầm mắt
Tìm kiếm lại càng ngăn cách thêm.*

Đạo Hạnh hoang mang không hiểu. Sau này, khi tu học với thiền sư Sùng Phạm ở chùa Pháp Vân, có lần Đạo Hạnh hỏi:

- Cái gì là chân tâm?

Sùng Phạm đáp:

- Cái gì mà không phải là chân tâm?

Đạo Hạnh thoát nhiên tỏ ngộ. Hỏi rằng:

- Làm thế nào để giữ gìn?

Sùng Phạm nói:

- Đói thì ăn, khát thì uống.

Từ đó về sau pháp lực Đạo Hạnh càng tăng cường, cơ duyên Thiền học càng chín chắn, có thể sai khiến cả chim rừng và dã thú... Hễ có ai đau ốm cần đến khẩn thì đến niệm chú trị bệnh, ai ai cũng được nhờ ơn. Có lần đệ tử hỏi:

- Thế nào là Phật tâm?

Đạo Hạnh trả lời:

Có thì có tự trần sa

Không thì cả cõi ta bà cũng không

Có không bóng nguyệt lòng sông

Có không chẳng phải là không chút nào.

Lại nói:

Nhật nguyệt trên đầu núi

Ai cũng thấy mịt mù

Nhà giàu kia có ngựa

Mà lại đi chân không.

Hồi ấy vua Nhân Tông không có con trai nối dõi. Năm Hội Tường Đại Khánh thứ ba, phủ Thanh Hoa báo cáo về có một đứa trẻ linh dị xuất hiện, mới ba tuổi mà đã nói năng thông thạo, tự xưng là Giác Hoàng, không có việc gì vua làm mà không biết. Vua sai người đi xét thấy đúng như lời báo cáo, mới rước đứa bé về kinh đô cho ở chùa Báo Thiên. Thấy nó thông minh dị thường vua lấy làm yêu mến, muốn lập làm hoàng thái tử. Quần thần đều can, bảo rằng nếu nó thật linh dị thì tự khắc nó phải

thác làm con vua. Vua bèn tổ chức đại hội bảy ngày bảy đêm cầu cho Giác Hoàng đầu thai làm con mình. Lúc đó Đạo Hạnh nói:

- Đứa trẻ kia là yêu quái, mê hoặc lòng người, ta không thể ngồi yên để nó làm loạn.

Nói xong nhờ bà chị giả làm người đi xem hội, bí mật đem vài hột ấn kết của Đạo Hạnh đến giắt lên trên rèm. Đại hội khai diễn đến ngày thứ ba, Giác Hoàng thọ bệnh, bảo rằng:

- Khắp nước giăng đầy lưới sắt, muốn thác sinh mà không có cách gì vào lọt.

Vua nghi rằng đó là do Đạo Hạnh làm, liền cho điều tra, quả nhiên như vậy. Đạo Hạnh bị giam ở lầu Hưng Thanh, trong khi vua hội họp quần thần để trị tội, khi Sùng Hiền Hầu đi qua lầu, Đạo Hạnh van:

- Xin hết sức cứu cho bản tằng khỏi tội, tôi sẽ xin thác thai trong cung để báo ân.

Hầu vào tâu vua:

- Nếu Giác Hoàng thật quả có thần lực, thì dù có bị Đạo Hạnh ngăn trở cản cũng vẫn thác thai được. Nay sự việc như thế thì tỏ ra Đạo Hạnh cao tay hơn nhiều. Tại sao không để Đạo Hạnh thác thai?

Vua nghe lời, thả Đạo Hạnh ra. Đạo Hạnh đi đến nhà Hầu, nhìn vào nhà tắm. Phu nhân giặt, mách Hầu. Hầu đã biết trước, liền không quở trách gì. Sau đó phu nhân có thai, Đạo Hạnh nói rằng:

- Chừng nào gần đến giờ sinh thì báo cho biết (34).

Đến ngày được báo tin, Đạo Hạnh tắm rửa, thay áo, báo với chư tằng:

- Túc nhân của ta chưa hết, phải thác sinh lần nữa ở thế gian, tạm làm quốc vương. Sau kiếp quốc vương lại phải sinh lên cõi trời Tam Thập Tam Thiên. Sau khi chết, trong một thời gian, chân thân của ta sẽ không hư hoại. Đến ngày nó hư hoại là ta vào Niết bàn, không còn sinh vào cõi diệt nữa. Môn đồ khóc lóc. Đạo Hạnh đọc bài kệ:

Thu sang chẳng báo nhận cùng bay

Cười lạnh trần gian khổ lụy đầy

Nhẫn với môn đồ đừng luyến tiếc

Thầy xưa mấy kiếp lại thầy nay.

Đọc xong, Đạo Hạnh đi vào núi, bỏ thân mà hóa. Đó là ngày mồng bảy tháng ba(35). Phu nhân Sùng Hiền Hầu sinh hạ được một trai, đặt tên là Dương Hoán, ba tuổi được vua Nhân Tông nuôi ở trong cung, lập làm hoàng tử. Tháng Chạp năm Thiên Phù Khánh Thọ thứ nhất, vua băng, thái tử tức vị làm vua, hiệu là Thần Tông. Thần Tông tức là Đạo Hạnh hóa thân vậy.

Thiền sư Minh Không tự không Lộ (36), họ Nguyễn tên Chí Thành, bạn của Đạo Hạnh và Giác Hải. Năm Minh Không hai mươi chín tuổi, ba người đi Tây Trúc học. Minh Không đặc lực trí thần, về quê quán dựng chùa Diên Phúc, chuyên trì Chú Đại Bi. Minh Không muốn tạo ra bốn kỳ quan của Đại Việt là tháp Báo Thiên, Đình Phổ Minh, Chuông Quy Điền, và Tượng Quỳnh Lâm, nhưng không có đủ đồng, liền đi



sang Trung Hoa. Ngủ đêm tại nhà một người giàu có, Minh Không xin sáu thước đất để lập tu viện Kỳ Viên; người trưởng giả cười nói:

- Ngày xưa thái tử Lương lập Kỳ Viên có đất rộng cả vạn dặm, sáu thước làm sao lập được?

Đêm ấy Minh Không tung áo cà sa mình che cả một đám đất ngàn dặm. Thấy có thần thông, người trưởng giả đem vợ con đến quỳ lạy xin theo Tam Bảo. Sáng sớm, Minh Không mặc pháp phục, chống tích tượng vào triều. Vua hỏi: "Muốn gì?" Minh Không nói:

- Bần tăng xuất gia đã lâu, nay muốn tạo tứ khí cho Đại Việt, cho nên đã không quản ngại ngàn dặm tới đây, xin bệ hạ bố thí cho một ít đồng. Vua hỏi có bao nhiêu đồ đệ đi theo. Minh Không nói đi một mình. Vua nói:

- Đường về quý quốc xa lắm, vậy thầy muốn lấy bao nhiêu thì lấy.

Với chiếc tay nải, Minh Không nhét hết kho đồng của nước bạn. Quảy tai nải trên vai, Minh Không vào chào vua về nước. Vua tiếc mà không biết làm sao lấy lại kho đồng. Đem đồng về chùa Quỳnh Lâm, Minh Không đúc một tượng Phật A Di Đà vĩ đại cho chùa. Một đỉnh tháp lấy tên là tháp Báo Thiên, một đại hồng chung tại làng Phả Lại và một chiếc đỉnh lớn tại Phổ Minh. Số đồng còn đủ để đúc một chiếc đại hồng chung cho chùa địa phương nặng ba ngàn năm trăm cân, một chiếc đại hồng chung khác cho chùa Diên Phúc ở huyện Giao Thủy, nặng ba ngàn cân. Công quả xong rồi, Minh Không đọc bài kệ:

*Nổi trên mặt đại dương
Cánh tay nặng ngàn cân
Kho đồng trong một túi
Giây phút vượt ngàn trùng* (37).

Lúc đó vua Nhân Tông dựng điện Hưng Long đã xong, làm lễ lạc thành, bỗng nghe tiếng kêu kỳ quái trên nóc điện, tiếng kêu to như sấm. Vua sợ, nhờ Minh Không và Giác Hải tới trừ. Rồi Nhân Tông phong Minh Không làm quốc sư. Khi vua Thần Tông lên hai mươi một tuổi, một chứng bệnh lạ kỳ xảy tới cho vua. Đây mình mọc lông, vua rống lên như mãnh hổ, không thầy thuốc nào chữa lành. Lúc đó người ta nghe trẻ con ngoài đường hát bài

đồng giao sau đây:

*Có được Lý Thần Tông
Nước nhà vạn sự thông
Muốn chữa bệnh Hoàng Đế
Phải nhờ Nguyễn Minh Không.*

Triều đình sai sứ đến chùa Giao Thủy đón Minh Không. Minh Không biết trước cười hỏi:

- Có phải là chuyện cứu vua mắc bệnh hóa cọp phải không?

Sứ thần ngạc nhiên hỏi tại sao Minh Không biết. Minh Không bảo:

- Chuyện này ta đã biết trước đây ba mươi năm.

Ý muốn nói chính ba mươi năm trước đó vì Đạo Hạnh rắn mắt hóa hổ, để nhắc hai bạn nên nay thác sinh làm vua bị quả báo.

Minh Không sai lấy nồi nấu cơm thết sứ giả và quân lính tùy tùng. Quan quân ăn no nê, vậy mà cơm trong chiếc nồi nhỏ xíu vẫn còn. Minh Không, Giác Hải và mọi người xuống thuyền. Minh Không nói mọi người hãy nghỉ ngơi, đợi con nước lên rồi hãy nhổ neo. Trong khi mọi người ngủ say, Minh Không làm phép cho thuyền đi nhanh như tên bắn, phút chốc đã tới kinh đô. Mọi người thức dậy nhìn ra thì đã thấy tháp Báo Thiên rồi (38).

Khi Minh Không vào tới cung, các ngự y thấy ăn mặc quê mùa, không ai đứng dậy chào. Minh Không lấy một cây đinh dài năm tấc đóng sâu vào cột điện rồi nói lớn:

- Ai rút được cây đinh này ra thì mới mong chữa lành bệnh cho Hoàng Thượng.

Không ai rút được, Minh Không nhón hai ngón tay, nhẹ rút cây đinh ra. Khi vào tắm điện, thấy vua đang lông lộn gằm thét, Minh Không thét lớn:

- Đại trưởng phu đứng đầu muôn dân, trị vì bốn bể, sao lại làm gì cuồng loạn như thế?

Vua nghe sợ run, không dám lông lộn nữa. Minh Không sai nấu một chảo dầu, bỏ vào đây một trăm cây đinh rồi lấy tay khoắng dầu đang sôi, vớt đinh ra ném vào người vua. Tự khắc lông lá rụng hết, vua khỏi bệnh (39).

Minh Không sinh năm Bính thìn, ngày mười bốn tháng tám, tịch ngày mồng ba tháng sáu năm Giáp tuất. Thần tượng và bia ký để ở Lý Quốc Sư Từ, huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội. Có để lại bài kệ sau đây:

*Chọn nơi địa thế đẹp sông hồ
Vui thú tình quê quên sớm trưa
Có lúc trèo lên đầu chớp núi
Kêu dài một tiếng lạnh hư vô.*

Sách Việt Điện U Linh Tập thêm: Ngày xưa, khi thác sinh vào cung, Minh Không bỏ thân trong động, người làng đem về bỏ vào trang phụng thờ. Đến niên hiệu Vĩnh Tộ, nhà Minh, sứ Minh đi ngang qua, thấy diện mạo tốt đẹp, cho là Tiên, liền rước về chùa Hương Sơn hỏa táng. Nhưng đốt không cháy. Đêm năm mộng thấy Minh Không chỉ cho cách đốt, sáng dậy làm theo thì đốt mới cháy được. Đời Lê Thánh Tông, bà Quang Phục hoàng thái hậu đến cầu đảo ở chùa Thiên Phúc, kết quả có

mang sinh được vua Hiến Tông.

Truyền tích của Đạo Hạnh và Minh Không càng ngày càng giàu có. Dân quê tìm ra dấu tích của cha mẹ Đạo Hạnh để làm giỗ Thánh Phụ và Thánh Mẫu mỗi năm. Dân quê lại tìm ra gốc gác của Minh Không trước khi đi tu là nghề câu cá. Những giai thoại về cuộc đời của Minh Không trước khi đi tu được thêm thắt vào. Ví dụ chuyện Minh Không đã gánh nước bằng đôi dảnh khổng lồ để tưới cho nhiều mẫu ruộng một lúc. Một lần Minh Không Minh Không sảy chân, nước đổ làm ngập lụt hàng chục mẫu ruộng. Ví dụ chuyện Minh Không thường đem cá đánh được bán cho một cô gái ở chợ Viên Quang, tục gọi là cô Chàng. Cô đã yêu Minh Không, nhưng Minh Không đã muốn đi tu, nên chỉ khuyên cô bạn hướng về đạo Phật. Ở nhiều nơi trong vùng đồng bằng miền Bắc, mỗi khi gặp hạn hán, trai tráng lại diễn lại cử động gánh nước của Minh Không gánh đôi dảnh ra sông lấy nước. Tại chùa Hành Thiện mỗi năm đến ngày hội Chùa, cuộc đời Minh Không được diễn lại bằng lời hát và điệu múa. Những chi tiết như chi tiết Minh Không gặp gỡ cô Chàng, Minh Không nấu cơm bằng cái nồi nhỏ xíu đãi quan quân ăn không hết... đều được diễn lại. Tại chùa Thần Quang, đúng ngày mồng ba tháng Sáu, ngày giỗ Minh Không mọi người đem dâng cúng bánh bìa làm bằng bột nếp và mật mía. Vào hội ngày xuân, tại chùa này, dân tổ chức nấu cơm, thi đồ xôi và thi làm bánh. Đến ngày hội tháng chín thì tổ chức đua thuyền trên sông để nhắc lại cuộc đời ngư phủ của Minh Không. Chùa còn thờ cây gậy trúc mà Minh Không đã từng dùng. Trong lễ rước mùa thu, trên kiệu Minh Không có treo một chiếc túi gấm tượng trưng cho chiếc túi thần đựng không đồng của nhà Tống. Ngoài hai chùa Keo, còn có rất nhiều nơi thờ Minh Không. Những phường thợ đúc đồng còn thờ Minh Không như một vị tổ của nghề đúc.

Tóm lại, trong khi về phía trí thức, sự sáng tác của Phật Giáo nghèo đi thì về phía đại chúng, sức sáng tác vẫn tiếp tục rào rạt. Truyền thống hát kể hạnh, hát chèo và những hình thái nghệ thuật khác để tô điểm và duy trì sự tích của các vị tổ sư, vốn đã bắt đầu từ các đời Lý, Trần, đã tiếp tục phát triển mạnh trong đời Lê vậy.

(còn tiếp)

(30) Chi tiết này cũng nói trong sách Lĩnh Nam Chích Quái, nhưng không có trong sách Thuyền Uyển Tập Anh

(31) Chi tiết này chỉ Việt Điện U Linh chép, không có trong Thuyền Uyển Tập Anh và Lĩnh Nam Chích Quái.

(32) Có lẽ là Miến Điện.

(33) Tất cả đoạn này, nói về việc ba người gặp ông già chở sang Tây Trúc bằng đường



GIẬN

*Giận một chút rồi lại thôi
Ai giận chi mãi để rồi xa nhau
Xin đừng ngoảnh mặt cù đầu
Trả lại cơn giận cùng nhau vui cười.*

VUI

*Chỉ cần giản dị mà thôi
Niềm vui nho nhỏ giữa đời bao la
Dù cho bão tố phong ba
Niềm vui còn đó cùng ta tháng ngày.*

SÔNG

*Dòng sông nước chảy về đâu
Người đi thương nhớ mong cầu ngắm trông
Lặng nghe tiếng nói trong lòng
Bao lần ước hẹn thắm mong trở về.*

BIÊN

*Con thuyền nhẹ sóng ra khơi
Nằm trong lòng mẹ bầu trời trong xanh
Màn đêm tiếng sóng vỗ dành
Bởi vì lòng mẹ vẫn dành cho con.*

thơ PHAN VĂN QUÂN

thủy và bà già dạy pháp thuật, đều không nằm trong Thuyền Uyển Tập Anh và Lĩnh Nam Chích Quái.

(34) Đoạn nói về Giác Hoàng, Sách Việt Điện U Linh không chép

(35) Chi tiết "đi vào núi mà tịch" không có trong Thuyền Uyển Tập Anh. Chi tiết về ngày mồng bảy tháng Ba chỉ có trong sách Việt Điện U Linh Tập.

(36) Sách Lĩnh Nam Chích Quái lẫn khi cho Minh Không và Không Lộ là hai nhân vật khác nhau. Thiền sư Không Lộ, theo Thuyền Uyển Tập Anh họ Nguyễn chứ không phải họ Dương.

(37) Chi tiết về Tứ Đại Khí cùng bài kệ chỉ thấy chép trong Thuyền Uyển Tập Anh.

(38) Chuyện nổi cơm dãi sứ giả và chuyện làm phép cho thuyền đi nhanh chỉ thấy chép trong Việt Điện U Linh Tập.

(39) Chuyện chào đầu và những cây đình, Lĩnh Nam Chích Quái không nói tới.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

QUYẾT NGHỊ

**Đại Hội Thường Niên Lần thứ I, nhiệm kỳ III (2016-2020)
của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ
(GHPGVNTNHK)**

Chiếu Quyết Nghị Điều 14 của Đại Hội Khoáng Đại Kỳ II, Nhiệm kỳ III của GHPGVNT-NHK, thông qua ngày 12/06/2016, Hội Đồng Điều Hành đã triệu tập và tổ chức Đại Hội Thường Niên lần thứ I, nhiệm kỳ III, tại Niệm Phật Đường Fremont, thành phố Fremont, tiểu bang California, Hoa Kỳ, vào ngày 11/06/2017.

Đại Hội quy tụ 60 đại biểu gồm các thành viên của hai Hội Đồng thuộc GHPGVNTNHK, bao gồm chư tôn đức Tăng Ni, Cư sĩ và Huynh trưởng GDPT từ các tự viện, tịnh xá, tu viện, Phật học viện, tịnh thất, niệm Phật đường, các tổ chức hội đoàn Phật giáo và Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại nhiều tiểu bang Hoa Kỳ.

Qua 4 phiên Khoáng Đại tuần tự diễn ra trong ngày 11 tháng 6 năm 2017, toàn thể đại biểu được lắng nghe phúc trình của Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành, báo cáo sinh hoạt của các Tổng vụ, và cũng đã thảo luận sôi nổi đối với các tham luận về đường hướng và dự án thiết thực của Giáo Hội.

- ♦ Theo tinh thần của **Bản Phúc Trình** từ Văn Phòng Thường Trực HĐĐH, Đại Hội đồng thuận về trách nhiệm đối nội lẫn đối ngoại của Giáo Hội, qua đó mỗi thành viên nỗ lực đóng góp sở tri và sở hành của mình trên nền tảng Giới-Định-Huệ để làm trang nghiêm nền Đạo nơi xứ người, đồng thời không quên hướng về quê hương, góp phần vào công cuộc bảo vệ chủ quyền đất nước, xây dựng quốc gia bằng lý tưởng hòa bình và con đường tự do dân chủ hầu đem lại ấm no, hạnh phúc thực sự cho toàn dân;
- ♦ Với nội dung tham luận về **"Đề án Phật sự"** của Hòa thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành, Đại Hội đã cùng thảo luận và chia sẻ những vấn đề cốt lõi để củng cố nội lực Tăng đoàn, cũng là nền tảng để từ đó phát triển Giáo Hội.
- ♦ Qua nội dung tham luận về **"Hiện tình sinh hoạt, tu học của Chư Ni tại Hoa Kỳ và Nhu Cầu Thiết Yếu cho Ni Bộ"** của Ni sư Thích Nữ Tiến Liên, Tổng vụ Phó kiêm Thư ký Tổng vụ Ni Bộ, Đại Hội nhận thức về sự góp mặt quan trọng, không thể thiếu của Ni đoàn trong sứ mệnh hoằng pháp và cứu khổ nhân sinh trên quê hương cũng như nơi xứ người.

Sau khi thảo luận cặn kẽ trong tinh thần hòa hợp và đồng thuận về những điểm quan yếu trong các nghị trình, toàn thể đại biểu tham dự Đại Hội Thường Niên Lần thứ I, nhiệm kỳ III của GHPGVNTN Hoa Kỳ đồng tâm:

QUYẾT NGHỊ

- 1) Tổng vụ Hoằng Pháp và Tổng Vụ Giáo Dục thành lập Ban Hoằng Pháp, đồng thời huấn luyện thêm chư Tăng Ni trẻ để bổ sung vào Giảng Sư Đoàn thuộc Tổng Vụ, hầu có thể đáp ứng nhu cầu hoằng pháp trên khắp các tiểu bang Hoa Kỳ;
- 2) Chư tôn đức thành viên Giáo Hội cần làm gương cho các tự viện tại Hoa Kỳ trong việc tổ chức Bồ-tát, tụng giới mỗi tháng trong cùng địa phương thành phố, quận hạt hoặc tiểu bang, nhằm duy trì nguyên tắc truyền thống của Tăng già, củng cố nội lực của Giáo Hội;
- 3) Khuyến thỉnh Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Cư Sĩ, với sự hỗ trợ của Đạo hữu Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Pháp Chế, cố gắng tổ chức Đại Hội Cư Sĩ trong năm nay để tạo cơ hội cho hàng cư sĩ được trao đổi kinh nghiệm tu học và hộ trì Phật Pháp, đồng thời có thể góp sức cùng Giáo Hội trong sứ mệnh hoằng pháp lợi sinh;
- 4) Giáo Hội toàn tâm khích lệ và hỗ trợ Tổng vụ Ni Bộ xúc tiến tổ chức Đại Hội Ni Bộ hoặc bằng các cuộc họp mặt rộng rãi trong thời hạn sớm nhất có thể, nhằm qui tụ, nối kết thân tình pháp lữ và phát triển Ni đoàn Việt Nam tại Hoa Kỳ; suy cử Ni trưởng Thích Nữ

- Giới Châu đảm nhận chức vụ Quyền Tổng vụ trưởng Tổng vụ Ni Bộ;
- 5) Khuyến thỉnh chư tôn đức Tăng Ni thành viên Giáo Hội, đã định cư từ lâu và hiện đang trụ trì các tự viện tại Hoa Kỳ, đặc biệt quan tâm, bảo bọc chư Tăng Ni trẻ mới nhập cư, tạo điều kiện tu học và trau dồi Anh ngữ để lớp Tăng Ni trẻ này có thể kế thừa sự nghiệp duy trì và phát triển Phật giáo nơi xứ người;
 - 6) Ủy quyền Thượng Tọa Thích Pháp Tấn, thành viên Tổng vụ Truyền Thông, tổ chức Đại Lễ Phật Đản chung Phật Lịch 2562 tại miền Nam California vào ngày 20 tháng 5 năm 2018;
 - 7) Ủy quyền Hòa Thượng Thích Đồng Tuyên, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục, tổ chức khóa an cư kiết hạ từ ngày 12 đến 22 tháng 6 năm 2018 tại Niệm Phật Đường Fremont; và Đại hội Thường niên lần thứ II, nhiệm kỳ III, sẽ được tổ chức một ngày trước khóa an cư;
 - 8) Thiết tha yêu cầu chư tôn đức thành viên và các đơn vị cơ sở trực thuộc GHPGVNTNHK nên giữ gìn, bảo vệ lập trường cố hữu của Giáo Hội là phục vụ nhân loại và dân tộc bằng con đường hòa bình, không tự tham gia các tổ chức chính trị thế tục, phe phái; nên cảnh giác, thận trọng trong việc giao tiếp, thỉnh giảng đối với chư vị giảng sư từ Việt Nam sang: nên tìm hiểu cận kề về lai lịch và tâm tư nguyện vọng của chư vị ấy, vì nếu không khéo, chúng ta có thể vô tình góp sức cho việc đồng hóa sinh hoạt và đường hướng của chúng ta với một tổ chức Giáo Hội mà sau lưng là một đảng phái chính trị phi Phật Pháp;
 - 9) Kêu gọi nhà cầm quyền nước CHXHCN Việt Nam nghiêm túc bảo vệ môi trường, không vì lợi ích cá nhân, phe nhóm mà cấp phép bừa bãi cho các công trình luyện thép, khai thác tài nguyên bauxite, lập nhà máy thủy điện, xây dựng các trung tâm du lịch sang trọng, bằng cách chiếm ruộng đất của dân, lấp sông, phá rừng, xả chất độc phế thải ra biển, v.v... làm hủy hoại sinh thái, tổn hại sinh dân;
 - 10) Kêu gọi nhà cầm quyền nước CHXHCN Việt Nam nghiêm chỉnh thực thi các quyền tự do căn bản của công dân đã được quy định trong Hiến Pháp, không tùy tiện đưa ra thêm những luật tố tụng vi hiến nhằm ngăn chặn tiếng nói công trực và thành ý xây dựng đất nước của nhân dân; chấm dứt việc trấn áp, bỏ tù hoặc giam lỏng những dân oan đòi đất, những người biểu tình vì bảo vệ môi trường sạch cho nhân dân Việt Nam; trả tự do tức khắc cho những tù nhân lương tâm, những người đấu tranh vì tự do dân chủ;
 - 11) Kêu gọi nhà cầm quyền Nước CHXHCN Việt Nam công khai phản đối Trung quốc xâm lấn đất liền và hải đảo thuộc chủ quyền Việt Nam: cho phép người dân được tự do biểu tình, bày tỏ lòng yêu nước và ý nguyện bảo vệ tổ quốc giang sơn.

Quyết Nghị này gồm 11 điểm đã được toàn thể Đại Hội, gồm 60 đại biểu Tăng Ni, Cư sĩ và Huỳnh trưởng GĐPT đồng biểu quyết thông qua lúc 06 giờ chiều ngày 11 tháng 6 năm 2017 tại hội trường Niệm Phật Đường Fremont, thành phố Fremont, tiểu bang California, Hoa Kỳ.





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 7

THÔNG BẠCH (SỐ 2)

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Ngưỡng bạch Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni

Kính thưa Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử

Theo như Thông Bạch số 1 đã trình ngày 01 tháng 01 năm 2017, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ năm nay sẽ được tổ chức tại:

- Địa điểm: **Holiday Inn Chicago North Shore
Skokie Banquet & Conference Center
5300 W. Touhy Avenue, Skokie, IL 60077**
- Thời gian: **Từ Thứ Năm đến Chủ Nhật, 20-23 tháng 7 năm 2017**

Khóa Tu Học lần này sẽ được diễn ra dưới sự chứng minh của Chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada, với sự tham gia của Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni và Chư vị Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử khắp mọi miền đất nước Hoa Kỳ và Canada, đặc biệt còn đón nhận sự tham dự của những người Mỹ bản xứ và cả những Phật Tử từ quốc nội Việt Nam.

Ở nơi đất khách quê người, cơ duyên để Tăng - Tục hòa hợp, tứ chúng đồng tu như thế này thật là hiếm có. Đây là nhân duyên thù thắng cho những ai luôn muốn mở mang sự hiểu biết của mình đối với Phật Pháp, đồng thời có thể trau dồi công phu tu tập cùng với đại chúng.

Chương trình học có tổng cộng 24 tiết học Phật Pháp, trong đó có 06 tiết dành cho Chư Tăng Ni, 06 tiết Phật Pháp Tiếng Việt và 06 tiết Phật Pháp Tiếng Anh dành cho Cư Sĩ Phật Tử, còn lại là 06 tiết Phật Pháp Tiếng Anh dành cho các em thiếu nhi. Tất cả các lớp học đều được Chư Tôn Đức Tăng Ni trong Ban Giám Học tận tình giảng dạy. Những buổi học và sinh hoạt chung đều được trang bị hệ thống thông dịch cho người nước ngoài.

Bên cạnh việc mở mang trí tuệ, chúng ta còn sẽ cùng nhau tu tập công phu bái sám theo những nghi thức truyền thống, như hô canh, tọa thiền, niệm Phật, kinh hành, trì tụng Chú Lăng Nghiêm vào buổi sáng, thọ thực trong chánh niệm buổi trưa, tụng kinh A Di Đà, niệm Phật vào buổi tối. Ngoài ra còn có những thời hành trì sám hối Thủy Sám Văn, hoa đăng cầu nguyện hòa bình thế giới, ...

Thông qua những giáo lý được học, chúng ta sẽ có một cái nhìn thấu đáo đối với những vấn đề vướng mắc trong cuộc sống, từ đó có những phương pháp đưa đến sự an lạc cho tự thân và tha nhân. Công phu tu tập giúp cho chúng ta trở về với chân tâm, tăng trưởng phước

đức, tiêu trừ nghiệp chướng, đoạn trừ phiền não, đưa đến sự an lạc ngay trong hiện tại và cả tương lai.

Với chương trình hướng đến Phước - Huệ song tu như thế, những lợi lạc mà chúng ta gặt hái được sẽ không thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, Khóa Tu Học Phật Pháp lần này sẽ không thể thành công viên mãn nếu như không có sự quang lâm chứng minh hộ trì của Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni, cũng như sự yểm trợ và tham gia của Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử Mạnh Thường Quân. Bởi vậy, Ban Tổ Chức chúng con thành kính đề đầu đánh lễ cung thỉnh Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni từ bi hoan hỷ ghi danh tham dự hộ trì cho chúng con. Đồng thời, Ban Tổ Chức chúng tôi cũng trân trọng kính mời Quý Phật Tử ghi danh tham dự.

Ban Tổ Chức sẽ trang trải hầu hết mọi chi phí trong Khóa Tu Học. Vì vậy, Quý Thiện Tín Nam Nữ khi ghi danh tham dự chỉ cần đóng \$300 (ba trăm Đô-la Mỹ) cho chi phí 4 ngày khách sạn. Đối với những Phật Tử trong cùng một gia đình, chi phí khách sạn sẽ là \$300 cho người đầu tiên, \$200 mỗi người kế tiếp, và \$150 cho trẻ em dưới 12 tuổi. Đối với Chư Tôn Đức Tăng Ni, Ban Tổ Chức chúng con xin được thành tâm cúng dường mọi chi phí về ẩm thực, nơi ở trong suốt khóa tu học.

Ban Tổ Chức sẽ bắt đầu nhận Phiếu Ghi Danh từ ngày 01 tháng 3 năm 2017. Xin gửi Phiếu Ghi Danh và chi phí về địa chỉ:

Chùa An Lạc, 5249 East 30th Street, Indianapolis, IN 46218

Để tải mẫu Phiếu Ghi Danh, cũng như biết thêm tin tức và Chương Trình của Khóa Tu Học, vui lòng truy cập vào trang mạng: www.hoavouu.com, hoặc qua tập san Chánh Pháp.

Mọi chi tiết xin liên lạc qua số: (+1)317-545-1234 (Chùa An Lạc)

hoặc: (+1)408-329-3199 (Ni Sư Nguyên Thiện)

Email: khoatubacmy@gmail.com

Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ Chư Tôn Đức “*Pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu*”, kính chúc Quý Phật Tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường và thành tựu sở nguyện. Rất mong nhận được sự quan tâm phổ biến thông tin này rộng rãi đến với tất cả mọi người.

NAM MÔ THƯỜNG TINH TẤN BỒ TÁT MA HA TÁT

Hoa Kỳ, ngày 01 tháng 03 năm 2017

TM. BAN TỔ CHỨC

TRƯỞNG BAN



TKN. THÍCH NỮ NGUYÊN THIÊN

TỊCH DIỆT VI LẠC

Thích Nguyên Tạng

“*Tịch Diệt Vi Lạc*”, bốn chữ trên bức trướng của Trang Nhà Quảng Đức Úc Châu phúng viếng Tang lễ Ôn Như Huệ, như là lời chúc mừng Ngài trên lộ trình đi về cõi Phật vào cuối tháng 6-2016. Ở thế gian chết chóc là đau khổ, nhưng đối với Phật giáo “*Chết là một niềm vui*” (*Tịch diệt vi lạc*), có vẻ khó hiểu và chống trái phải không?

Phật giáo xuất hiện trên đời này là để giải quyết sự chống trái này, nghĩa là giải quyết tận gốc rễ luân hồi sinh tử. Còn sinh tử, còn luân hồi là còn khổ đau, giải thoát khỏi luân hồi sinh tử là niềm vui, đơn giản vậy thôi. Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, Đức Phật đã tuyên bố: “*Chư hành vô thường, Thị sinh diệt pháp, Sinh diệt diệt dĩ, Tịch diệt vi lạc*”. Nghĩa là: “*Các hành vô thường, Là pháp sinh diệt, Sinh diệt hết rồi, Tịch diệt là vui.*”

Giáo lý của Phật Đà luôn nhắc nhở “*Sanh tử đại sự, vô thường tấn tốc*”, phải cố gắng “*Hằng ngày an vui tu tập, pháp Phật nhiệm mầu, để mau ra khỏi luân hồi*”. Và khi đã ra khỏi luân hồi rồi, mới có thể phát biểu được như lời của Thiền Sư Từ Minh là “*Sanh như đắp chăn Đông, tử như cởi áo Hạ*”. Có nghĩa là một người ngộ đạo thì sống giữa cuộc đời này một cách tự tại, vượt ra ngoài vòng trói buộc của sống và chết, xem sự chào đời như mùa Đông có chiếc chăn đắp lên cho ấm, và khi chết đi, xác thân này tan rã để trở về Pháp thân thanh tịnh, cũng giống như mùa Hè cởi chiếc áo ra cho mát mẻ, thì không có gì mà phải sợ hãi và lo âu?

Đối với người đệ tử Phật luôn nhận thấy rằng sự sống và cái chết là một dòng chảy liên tục không hề gián đoạn, giống như sự di chuyển qua lại của một quả lắc của đồng hồ. Là đệ tử Phật, phải kiểm soát được sự di chuyển của quả lắc này, có nghĩa là làm chủ được sự sống chết của bản thân mình.

Đối với chính Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni của chúng ta, Ngài đã minh chứng cho toàn bộ lời dạy của đời mình là tự tại trong sanh tử, ra đi tùy theo ý nguyện. Đức Thế Tôn đã thông báo 3 tháng trước khi vào Niết Bàn. Năm đó, 544 trước Tây lịch, Đức Phật vừa đến Thành Tỳ Xá Ly (Vaisali) thì có vụ động đất rung chuyển

cả thành phố. Đức Phật dạy: “*Này Ananda, có tám nguyên nhân làm cho đại địa chấn động: 1/ Vì đất nương trên nước, nước nương trên gió, gió nương vào không gian, nên khi gió thổi làm nước động, nước làm đất động. 2/ Khi một tu sĩ đắc thần thông hay khi một vị Trời có thần lực thực hành phép quán địa đại hay phép quán thủy đại. 3/, 4/ & 5/ Khi một vị Bồ-tát nhập thai, sinh ra, hay thành đạo. 6/ Khi Phật chuyển pháp luân. 7/ Khi Phật quyết định nhập diệt. 8/ Khi Phật nhập Đại-bát Niết-bàn.* Này Ananda, Như Lai đã quyết định rồi, trong ba tháng nữa Như Lai sẽ diệt độ”. (theo Kinh Đại Bát Niết Bàn).

Sau đó Đức Thế Tôn đi đến rừng Sa La Long Thọ tại thành Kusinagara thuộc bộ tộc Malla và vào Niết bàn ở giữa 2 cây Sa La. Đức Phật nằm xuống, đầu hướng về phương Bắc, mình nghiêng về bên phải, bàn tay phải để ngửa lót dưới mặt, tay trái để xuôi trên hông trái, chân trái nằm dài trên chân phải, hơi thở nhẹ nhàng đều đặn. Ngài để lời di chúc cuối cùng: “*Này các đệ tử, vạn pháp vô thường, có sinh thì có diệt. Các con hãy tinh tấn lên để đạt tới giải thoát*”. Nói rồi Đức Thế Tôn nhập, xuất tứ thiền, bát định, và diệt độ liền ngay sau đó. Lúc ấy, đại địa rung động, sấm sét vang rền, hoa Sa La rụng xuống như mưa. Mọi người tự

nhiên thấy tâm thần chấn động, ai cũng biết là Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn. Lúc bấy giờ là nửa đêm trăng tròn tháng Vesak năm 544 trước Tây lịch, nhằm ngày Rằm tháng Hai âm lịch năm Đinh Tỵ.

Từ đó về sau, hàng triệu đệ tử Phật cũng giống như Ngài, tu hành và đạt đến cảnh giới “*tự tại trong sanh tử*”. Sơ Tổ Đại Ca Diếp, sau mấy mươi năm kế thừa gia tài của Phật, Ngài tuyên bố vãng bóng thế gian, trao Chánh Pháp Nhãn Tạng cho Nhị Tổ A-Nan lãnh đạo, đi vào ẩn cư nhập định trong núi Kê Túc, chờ đợi Bồ Tát Di Lặc giáng sinh để trao lại y bát theo lời dẫn của Đức Thế Tôn. Sau Tổ Ca Diếp là Tôn Giả A-Nan, người được xem là kỷ lục về nhớ nhanh và nhớ đúng, Ngài có thể lập lại nguyên văn một bài Pháp của Đức Phật gồm 60.000 chữ một cách dễ dàng. (Có trí nhớ tốt là nhờ 5



công đức: Không tham dục, không ác tâm, không hôn trầm, không phóng dật và không hoài nghi. Theo Kinh Tăng Chi, Anguttara Nikàya, V 193). Nhị Tổ A Nan trụ thế 120 tuổi thì quyết định vào Niết Bàn. Ngài đến thành Tỳ Xá Ly dùng thần thông bay lên hư không, dùng lửa tam muội tự động thiêu lấy thân, xá lợi rơi xuống ngay ngắn trên hai lãnh thổ đang tranh chấp là Ma Kiệt Đà và Tỳ Xá Ly, để họ nhất về xây Bảo tháp tôn thờ!

Vị Tổ thứ 28 của Phật Giáo Ấn Độ và là Sơ Tổ Trung Hoa, Bồ Đề Đạt Ma (BodhiDharma). Ngài là truyền nhân của Tổ thứ 27, Bát Nhã Đa La (prajñādhāra) và là Sư Phụ của Nhị Tổ Huệ Khả. Cơ duyên giáo hóa ở Ấn Độ đã hết, Ngài đi thuyền qua truyền giáo ở Trung Hoa vào năm 520. Cảm hóa Vua Lương Vũ Đế không thành, nên Ngài rời Kim Lăng (kinh đô nước Lương) đến Lạc Dương, lưu trú tại chùa Thiếu Lâm ở núi Tung Sơn, quay mặt vào vách núi thiền định chín năm chờ thời cơ để ra hoằng Pháp. Ở nơi đây, Ngài đã tiếp nhận vị đệ tử đầu tiên tên là Thần Quang, đạo hiệu là Huệ Khả. Ngài trụ thế 150 tuổi, truyền tâm ấn cho đệ tử Huệ Khả và viên tịch tại Chùa chùa Định Lâm, núi Hùng Nhĩ vào ngày mùng 9 tháng 10 năm Bính Thìn (529 TL). Mấy ngày sau, ông Tống Vân đi sứ từ Ấn Độ về lại gặp Ngài tại núi Thông Lãnh, quảy một chiếc dép và đi nhanh như bay. Sau khi về Triều, Tống Vân tấu trình mọi sự lên vua, vua liền cho khai quật Bảo tháp, thì quả nhiên không thấy nhục thân của Ngài, trong Kim quan chỉ còn một chiếc dép. Nhà vua liền ra lệnh đem chiếc dép về thờ tại chùa Thiếu Lâm. Từ đó về sau, các chùa Phật giáo Bắc tông ở Trung Hoa, Việt Nam, Triều Tiên v.v... tại Tổ Đường đều có thờ tôn tượng Ngài qua hình ảnh trên vai quảy một chiếc dép như lời kệ khai thị: *"Diệt nhi bất diệt, như Đạt Ma chí lý Tây quy" (Diệt nào có diệt, Đạt Ma Tôn giả, quảy dép về Tây...)"*.

Câu chuyện tái sinh của Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn là một thực chứng khác về giáo lý tự tại trong sinh tử. Một ngày nọ, Tứ Tổ Đạo Tín du hóa ở núi Long Phong gặp một vị Sư già có tên là Tài Tòng Đạo Giả, đang trồng cây tùng. Ngài Tài Tòng hỏi vị Tổ thứ tư rằng: *"Ngài có thể cho con nghe Đạo Pháp của Như Lai chăng?"* Tổ đáp: *"Tuổi của ông đã già, nghe cũng được nhưng không thể hoằng hóa kịp. Nếu có thể tái sanh thì ta sẽ chờ đợi"*. Ngài Tài Tòng nghe rồi lay tạ và xuống núi. Ngài đến huyện Huỳnh Mai, nhìn thấy một cô gái đang giặt áo ở bờ sông, Ngài đến chào và hỏi: *"Nhà cô ở đâu? Cô vui lòng cho tôi nghỉ nhờ được chăng?"* Cô gái đáp: *"Con không thể tự quyết định, xin mời Ngài vào nhà hỏi Cha Mẹ con nhé"*. Ngài lại hỏi *"Nhưng riêng cô có bằng lòng hay không?"* Cô



gái đáp: *"Dạ con bằng lòng"*. Sau khi nghe cô gái hứa chịu, Ngài quay trở về núi, ngồi kiết già dưới gốc cây mà viên tịch. Cô gái kia là con út của nhà họ Châu, sau khi hứa với Ngài Tài Tòng Đạo Giả rồi, không lâu sau đó đã có thai. Sau 9 tháng 10 ngày, cô gái sinh ra một bé trai xinh xắn, nhưng vì sợ hãi, không chồng mà có con, nên cô gái thả đã con trôi theo dòng sông, nếu ai có duyên thì nhặt về nuôi. Sáng hôm sau ra thăm lại chỗ ấy, người mẹ thấy con trai ngồi xếp bằng trên lá sen, khí sắc tươi tỉnh lạ thường và mỉm cười, người mẹ vừa thấy lạ vừa xót thương nên bồng con về nuôi dưỡng. Đến bảy tuổi, đứa bé

gặp lại Tứ Tổ Đạo Tín đối đáp một cách phi thường, được Tổ xin về cho xuất gia đặt tên là Hoảng Nhẫn. Hoảng Nhẫn có nghĩa là mẹ nhần nhục nuôi con, cũng có nghĩa Tổ Đạo Tín kiên nhẫn chờ đứa bé khôn lớn để truyền pháp. Ngài Hoảng Nhẫn về sau trở thành vị Tổ thứ năm (lược theo bản dịch của HT Thanh Từ).

Lục Tổ Huệ Năng sinh năm 638, nổi tiếng là người đặc đạo lúc chưa xuất gia, là truyền nhân của Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn. Ngài vốn sanh ra trong một gia đình nghèo, cha mất sớm, lớn lên giúp mẹ bằng cách bán củi. Một hôm, trong lúc bán củi, nghe người ta tụng Kinh Kim Cang mà bỗng nhiên ngộ đạo, liền tìm đến làm đệ tử của Ngũ Tổ và được ấn chứng sau khi trình bài kệ *"Bồ Đề Bản Vô Thọ"*. Sau 15 năm ẩn tu trong nhóm thợ săn, Ngài mới ra hoằng Pháp độ sanh. Đã có hàng vạn người tìm đến với Ngài để nghe Pháp và tu tập. Vào ngày mùng 3/8/ âm lịch năm 713, Ngài cho tập chúng để nói lời từ biệt, và đến canh ba Tổ nói với chúng đệ tử *"Ta đi đây"*, rồi liền viên tịch trong tư thế ngồi kiết già, hưởng thọ 76 tuổi. Nhục thân xá lợi của Ngài hiện nay vẫn còn và được tôn thờ tại Chùa Nam Hoa, Tào Khê ở tỉnh Quảng Châu, Trung Quốc.

Đại Sư Ấn Quang, vị Tổ 13 của Tông Tịnh Độ Trung Hoa. Năm Dân Quốc thứ hai mươi chín, ngày 24 tháng 10, Ngài biết trước mình sẽ ra đi, cho triệu tập đại chúng về Chùa Linh Nham. Trong buổi hội đàm, Ngài suy cử Hòa thượng Diệu Chơn kế nhiệm Trụ trì, dặn dò các việc cần thiết, và bảo: *"Pháp môn niệm Phật không có chi lạ kỳ, chỉ cần khẩn thiết chí thành, thì ai cũng được Phật tiếp dẫn"*. Qua ngày mùng 4 tháng 11, Đại Sư bình cảm nhẹ, song vẫn tinh tấn niệm Phật. Niệm xong, bảo đem nước rửa tay, rồi đứng lên nói: *"Phật A Di Đà đã đến tiếp dẫn, ta đi đây, các con phải tín nguyện niệm Phật để về Tây Phương"*, đoạn bước lại ghé ngồi kiết già, chấp tay trì danh hiệu Phật theo tiếng niệm Phật của đại chúng rồi an lành viên tịch. Đại Sư thọ thế 80 tuổi đời và 60 Tăng lạp.



Đại Sư Gedun Drupa là vị Đạt Lai Lạt Ma đầu tiên của Tây Tạng, sinh năm 1391, xuất gia năm 7 tuổi, học trò của Đại Sư Tsongkhapa, Ngài đã trở thành nhà dẫn đường cho dân chúng Tây Tạng tu tập. Ngài là một Tăng sĩ mẫu mực, luôn hướng đến việc thực hiện lý tưởng Bồ-tát đạo, là một tiêu chuẩn cho những Đạt Lai Lạt Ma kế tiếp noi theo. Ngài cũng nổi tiếng về sự nỗ lực để duy trì giới hạnh trong thiền môn. Đó là điểm nổi bật của phái Hoàng Mạo Gelupa. Ngài cũng nhập thất và thọ trì miên mật pháp tu Mật tông Tara và Kalachakra trong nhiều năm. Ngài đã để lại cho hậu thế nhiều tác phẩm giá trị, bao gồm bảy tuyển tập lớn, dài cả ngàn trang, đặc biệt có nhiều bài viết về “những phương pháp trực tiếp cho sự luyện Tâm” hay phương pháp “*lojong*” cho sự rèn luyện tâm linh, đã trở thành một trong những di sản lớn nhất của Ngài. Dù là bậc lãnh đạo cao nhất, nhưng phong cách của Ngài luôn khiêm hạ, khiêm nhường, và từ bi vô hạn. Ngài quyết định viên tịch năm 1474 ở tuổi 84. Ngài đã báo trước với các đệ tử là Ngài sắp sửa “ra đi” và nói những lời di chúc cuối cùng, nhắc nhở họ luôn ghi nhớ và tu tập theo giáo lý Phật đà. Tiếp đó, Ngài đã nhập vào mật định với kỹ thuật điều khiển phong đại và các tinh chất trong các kinh mạch, năng lượng của cơ thể, bắt đầu chuyển dạng từ một người già nua trở nên trẻ trung và phát hào quang rực rỡ. Ngài viên tịch ngay sau đó và giữ nguyên trạng thái ngồi kiết già như thế trong vòng 49 ngày. Hai năm sau, Ngài đã tái sinh trở lại qua hiện thân của Gedun Gyatso, vị Đạt Lai Lạt Ma thứ 2 của xứ sở Tây Tạng.

Thiền sư Bạch Ẩn (1685–1768) là vị có công phục hưng phái Thiền Lâm Tế tại Nhật Bản và nổi tiếng với công án “Thế nào là tiếng vỗ của một bàn tay?”. Ngài là một thiên tài, không những chỉ là một vị Thiền sư mà còn là một họa sĩ, một nhà văn và là một nghệ sĩ tạc tượng xuất chúng, đặc biệt Ngài lừng danh với câu chuyện “*Thế à!*” trong xã hội Nhật, cho đến nay sau nhiều trăm năm vẫn được kể lại với sự kính phục về sức tu nhẫn nhục của đời Ngài. Năm 84 tuổi, Ngài bệnh cảm nhẹ, cho gọi đồ chúng đến khai thị lần cuối cùng, di chúc lại

cho đệ tử là Đại Sư Toại Ông kế thừa sự nghiệp, rồi nằm nghiêng bên phải mà viên tịch trong yên bình.

Tại quê hương Việt Nam cũng có nhiều hành giả đã đạt đến trạng thái tự tại với sống và chết. Có lẽ được nhiều người biết đến và ca tụng là Bồ Tát Quảng Đức, Ngài phát nguyện tự thiêu ngày 27-5-1963 để chấm dứt tình trạng đàn áp khốc liệt của chính quyền Ngô Đình Diệm, và Ngài đã thực hiện vào ngày 11-6-1963 sau 2 tuần lễ chuẩn bị. Sau cuộc tự thiêu, Giáo Hội đã cho hỏa táng nhục thân và Ngài đã lưu lại trái tim xá lợi để làm bằng chứng sống cho lời phát nguyện của Ngài. Thật ra, Bồ Tát Quảng Đức là một hành giả thọ trì Kinh Pháp Hoa, Ngài đã thực chứng Phẩm Dược Vương Bồ Tát từ lâu, rằng Bồ Tát Dược Vương đã dùng các thứ hương hoa ngậm tâm vào người rồi tự đốt thân mình làm ngọn đèn để cúng dường chánh Pháp. Bồ Tát Quảng Đức chắc chắn đã đạt đến Pháp Hoa Tam Muội khi còn sanh tiền, cho nên Ngài ngồi trong lửa đỏ mà giống như ngồi trong hồ sen nước mát, không có chút nóng bức và đau đớn hiện lên khuôn mặt của Ngài.

Tổ Sư Liễu Quán (1667-1742), một Cao Tăng VN, người Phú Yên, xuất gia lúc 6 tuổi, về sau ra Huế tu ở chùa Ấn Tôn (Tùng Đàm, Huế) và đắc pháp với *Tổ Minh Hoằng Tứ Dung* với công án “*Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ = Vạn pháp về một, một về chỗ nào?*”. Ngài là người thông minh, chí khí hơn người, về sau Ngài là Tổ khai sơn Thiền Phái Lâm Tế Liễu Quán tại VN với bài kệ pháp phái: “*Thật tế đại đạo, Tánh hải thanh trừng, Tâm nguyên quảng nhuận...*”. Cuối năm Nhâm Tuất (1742), Tổ cho gọi đồ chúng mà bảo: “*Duyên đối với thế gian đã hết, Tôi sắp về vậy!*”. Mọi người đều khóc. Tổ dạy: “*Tại sao các con lại khóc? Chư Phật xuất thế còn thị hiện Niết bàn. Ta nay đến đi rõ ràng, về ắt có chỗ. Các con hãy tinh tấn tu tập đừng có buồn khóc!*”. Vào tháng 11 năm Nhâm Tuất, trước khi mất vài ngày, Tổ ngồi ngay thẳng viết thi kệ thị tịch như sau:

*"Thất thập dư niên thế giới trung
Không không sắc sắc diệt dung thông
Kim triêu nguyện mãn hoàn gia lý
Hà tất bồn mang vấn Tổ tông".*

Nghĩa là:

*"Hơn bảy mươi năm giữa cõi đời
Không không sắc sắc thảy dung thông
Sáng nay nguyện mãn về quê cũ
Nào phải bồn ba hỏi Tổ Tông".*

Ngày 22 tháng 11 năm Nhâm Tuất (tức ngày 18/12/1742), sau khi dùng trà và khai thị cho chúng đệ tử xong, Tổ hỏi mấy giờ? Môn đồ đáp là giờ Mùi, Tổ liền an nhiên viên tịch. Tổ trụ thế 75 tuổi, 34 năm giáo hóa, đệ tử xuất gia có 49 vị, đệ tử tại gia có đến hàng vạn người. Chúa Võ Vương - Nguyễn Phúc Khoát (1738 – 1765) kính ngưỡng đạo hạnh của Ngài mà dâng lên thụy hiệu: “*Chánh Giác Viên Ngộ Hòa Thượng*” để khắc vào bia tháp tưởng niệm ở

chân núi Thiên Thai, làng An Cựu, cố đô Huế.

Một câu chuyện khác về sự kiện biết trước giờ chết. Hòa thượng Hải Đức trụ trì chùa Hải Đức ở Huế và cũng là người thừa kế chùa Hải Đức tại Nha Trang. Về sau Ngài cúng chùa Hải Đức Nha Trang cho Giáo Hội và mở Phật Học Viện Trung Phần, mời Hòa Thượng Trí Thủ vào làm Giám



Viện. Năm ấy, Ngài trên 80 tuổi, Ngài không đau bệnh, biết mình sắp về cõi Phật, nên sáng ngày 8 tháng 4 âm lịch, Ngài bảo cô Bảy nấu ăn: *"Hôm nay cô đi chợ mua hoa trái về cúng vía Phật Đản. Trưa nay Thầy sẽ về Tây Phương đó"*. Cô Bảy nói: *"Bach Ôn, năm nay Giáo hội làm lễ Phật Đản vào ngày Rằm chớ không làm ngày mùng 8 nữa"*. Hòa Thượng nói, *"Thế à? Thôi, để đến Rằm cũng được"*. Thế rồi đến ngày Rằm, cô Bảy đi chợ mua hoa trái để cúng lễ Phật Đản. Hòa thượng bảo Thầy Tri sự cho chúng Tăng quét chùa sạch, làm hương đăng, chưng hoa quả, và khi đúng Ngọ, lên hương đèn cúng vía. Hòa thượng bảo thị giả hái các bông hoa, nấu nước cho Ngài tắm, thay đồ mới và bảo khuấy một chén bột mình tinh để Ngài dùng. Đến gần trưa, Ngài hỏi Thầy Tri sự, *"Đúng Ngọ chưa?"* Thầy Tri sự nói, *"Đã gần đúng giờ Ngọ rồi"*, Hòa thượng bảo chúng Tăng *"Mặc áo, lên chùa, đốt hương đèn, đánh trống Bát Nhã, Thầy sẽ đi đó"*. Thầy Tri sự lên chùa đốt đèn nhang xong, đánh trống Bát Nhã, rồi xuống nhà Tổ, thấy Hòa thượng ngồi tu thế thiền định. Thầy đến đưa tay trước mũi, thì Hòa thượng đã đi rồi, Thầy liền qua chùa Từ Đàm báo cho Giáo hội biết. Giáo hội cũng vừa làm lễ Phật Đản xong, chư Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni liền qua chùa Hải Đức tiếp tục hộ niệm. Một giờ sau, đỡ Hòa thượng nằm xuống và lo Tang lễ. Như vậy, Hòa thượng đã biết trước giờ chết và còn có thể hẹn lại một tuần. Ngài ra đi một cách ung dung, tự tại.

HT Thích Đồng Minh, một vị Tuyền Luật Sư của PGVN thời hiện đại, và là một tấm gương sáng chói, cả về đạo hạnh lẫn sự nghiệp hoằng dương Phật pháp. Ngài luôn thể hiện nếp sống của bậc chân tu, thiếu dục tri túc, giới đức tinh nghiêm, gắn liền đời sống của mình với sự nghiệp giáo dục đào tạo Tăng tài. Ngài chuyên về dịch thuật Luật Tạng và cho thành lập ban in ấn Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam, in nhiều



bộ Luật quan trọng và bộ Kinh Bát Nhã 11 tập của HT Trí Nghiêm. Vào ngày 11 tháng 5 năm Ất Dậu (17.06.2005), cảm thấy yếu dần, từ võng Ngài bảo Thị giả đưa qua giường nằm. Đến 18 giờ 35 phút, Ngài an nhiên xả báo thân trong tư thế cát tường nằm nghiêng bên phải, tại chùa Long Sơn, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngài trụ thế 79 năm, 59 hạ lạc.

Hòa Thượng Thích Tâm Thanh (đệ tử HT Long Trí, Sư huynh HT Như Điển) chuẩn bị cho ngày cuối cùng của mình trước cả năm. Ngài là một Giảng sư nổi tiếng trước và sau 1975. Cảm thấy pháp thể khiếm an, Ngài quyết định nhập thất tu tập. Mỗi ngày dành thời gian tụng lại toàn bộ các kinh điển Đại Thừa và Nikaya. Trong lúc trì tụng, Hòa Thượng đã rút tía các ý chính trong kinh điển và ghi chú từng phẩm mục, từng chi tiết và soạn thành tác phẩm *"Những Đề Mục Quan Yếu Trong Kinh Điển Đại Thừa"*. Tiếp đó Hòa Thượng hạ thủ công phu niệm Phật. Tiếng niệm Phật của Ngài vang vọng trong tịnh thất suốt ngày đêm. Sáng ngày 5 tháng 2 nhuận năm Giáp Thân (2004), Hòa Thượng cho gọi Thầy Nguyên Hiên, Trụ trì Vĩnh Minh Tự Viện cũng như hàng môn đồ vào tịnh thất dặn dò và khuyến tấn tu hành. Dặn dò xong Hòa Thượng đã chấp tay niệm to danh hiệu A Di Đà Phật như một cách Yết Ma và Ngài đã an nhiên xả báo thân vào lúc 6 giờ 15 phút sáng ngày 13 tháng 2 nhuận năm Giáp Thân (2/4/2004), thọ thế 72 tuổi đời và 40 hạ lạc.

Phật Giáo VN tại Hải Ngoại trong những năm gần đây, đã mất đi nhiều vị Hòa Thượng có công xây dựng nền tảng cho PGVN tại Hải ngoại, trong đó có các vị:

HT Thích Trí Chơn, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Hoa Kỳ, ngã bệnh năm 79 tuổi, Ngài từ chối đi bệnh viện chữa trị, đơn giản Ngài bảo rằng thọ mạng của Ngài sắp tận, không nên tốn phí vô ích, đặc biệt là Ngài muốn ra đi trước tuổi thọ của Đức Thế Tôn một năm; và Ngài yêu cầu đưa về Chùa Bát Nhã để tịnh dưỡng. Trước vài phút xả báo thân, Ngài vẫn còn tỉnh giác, sáng suốt, minh mẫn, và tinh tấn lạ thường, nhớ và biết rõ mọi người, mọi chuyện từ nhỏ đến lớn. Ngài đã an nhiên xả bỏ báo thân vào lúc 06 giờ chiều ngày 14 tháng 3 năm 2011, (nhằm ngày mùng 10 tháng 2 năm Tân Mão) trong tiếng niệm Phật trang nghiêm

của Tăng, Ni Chùa Bát Nhã và môn đồ pháp quyến.

HT Thích Minh Tâm là một trong những vị tạo dựng và lãnh đạo PGVN tại Âu Châu. Trong Khóa Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 25 tổ chức tại thành phố Turku, Phần Lan, Ngài ngã bệnh, nhưng vẫn cộng trú cùng chư Tăng và lo lắng cho các học viên an tâm tu học cho đến kết thúc khóa học. Sau lễ bế giảng, Ngài đã an nhiên xả bỏ báo thân thị tịch vào lúc 9:29 phút (giờ Pháp) ngày 8 tháng 8 năm 2013, nhằm ngày mừng hai tháng 7 năm Quý Tỵ. Thế thọ 75 tuổi, Tăng Lạp 62 năm và 46 hạ lạc.

HT Thích Tâm Châu, tháng 7 năm 2015, tuy thân tứ đại không được khỏe nhưng Ngài vẫn tổ chức khóa nghiên tu theo chương trình đã hoạch định tại Tu viện Viên Quang, Hoa Kỳ. Khi khóa nghiên tu kết thúc, nhận thấy sức khỏe yếu nhiều, Ngài liền trở về Tổ đình Từ Quang, Canada. Về tới nơi, biết hóa duyên sắp mãn, Ngài cho gọi tất cả đệ tử trở về Tổ đình và ân cần dặn dò, dạy bảo. Sau đó, các đệ tử luân phiên niệm Phật trợ niệm bên Ngài. Khi chuông đồng hồ điểm 10 giờ 15 phút ngày 20 tháng 08 năm 2015, tức ngày 07 tháng 07 năm Ất Mùi, Ngài xả bỏ báo thân tại Phương trượng Tổ đình Từ Quang trong tiếng niệm Phật của môn đồ tứ chúng, hưởng thọ 95 tuổi, Tăng lạc 74 năm.

Đối với HT Thích Như Huệ, Ngài xuất gia từ thuở thiếu thời, từng được tôn xưng là “Quảng Nam Tứ Trụ” và là bậc lãnh đạo của PGVN tại Úc Châu trong 30 năm qua, Ngài đã chuẩn bị cho chuyển đi cuối cùng của mình 3 tháng trước khi viên tịch. Ôn ngã bệnh ngày 15-3-2016, từ đó Ôn buông xuống hết tất cả mọi thứ để hạ thủ công phu cho đến ngày viên tịch. Ôn ra đi thanh thản giữa tiếng niệm Phật của đại chúng vào lúc 9.25 tối ngày thứ Năm, 23/06/2016 (nhằm ngày 19/5/Bính Thân) tại Tổ Đình Pháp Hoa Nam Úc, thế thọ 83 tuổi, 60 hạ lạc.

Theo lời dạy của Đức Đạt Lai Lạt Ma rằng: *“Phần lớn trong chúng ta ai cũng muốn có một cái chết an ổn, nhưng chúng ta không thể hy vọng có được một cái chết thanh bình nếu đời sống của chúng ta tràn ngập bạo hành, tâm ta đầy dẫy những cảm xúc mạnh như giận dữ, ái luyến và sợ hãi. Bởi thế, nếu ta muốn chết tốt, ta phải học cách sống tốt. Nếu ta mong có được một cái chết an lành, thì ta phải đào luyện sự bình an trong tâm ta, và ngay trong lối sống hàng ngày của ta”*. Qua lời dạy này ta thấy rõ rằng nếu người nào biết sống tỉnh thức thì sẽ chết tỉnh thức, và một khi đã tỉnh thức thì họ có thể chuyển thân thức, tránh được sự lôi kéo của nghiệp và thoát khỏi sinh tử luân hồi. HT Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc cũng nói: *“Biết trước giờ chết, chỉ có 4 chữ thôi, nhưng người ta phải chiến đấu với tự thân và phải hành trì miên mật hết cả cuộc đời của mình để có được nó”*.

CHẾT LÀ MỘT NIỀM VUI

*Sống cũng vui mà chết cũng vui
Tự tại thảnh thơi chẳng thôi lui
Đói ăn khát uống nóng cởi áo
Đêm lạnh choàng chăn lạnh lẽo ngồi.
Gió vẫn thổi và mây vẫn bay
Rừng cây xanh ngát đẹp từng giây
Giải thoát trong ta đã có sẵn
Đừng mong cầu đến ở phương Tây.
Chết cũng vui còn sống chẳng gây
Tất cả do tâm ở phút này
Tịch Diệt Vi Lạc lời Phật dạy
Đẹp đạo sống đời khắp đó đây.*

Chân thành cảm ơn TT. Thích Nguyên Tạng đã chia sẻ bài viết: "Tịch Diệt Vi Lạc"

thơ

TÁNH THIÊN

13-6-2017



Cuối cùng lời nhắc nhở cho mỗi hành giả, hãy dọn đường cho ngày cuối của mình, muốn có được trạng thái an bình, tự tại, thậm chí có thể đùa giỡn với tử thần như các bậc Thầy được kể trong bài viết này, ngay từ bây giờ phải hạ thủ công phu ngang qua 2 phạm trù: Ngăn chặn và trau dồi. Ngăn chặn phiền não và trau dồi đức hạnh. Ngăn chặn là cắt đứt mọi gốc rễ của luân hồi sinh tử; trau dồi đức hạnh là tu tập ba Vô Lậu Học (giới định tuệ), Thiền định và Niệm Phật. Đó là mục đích tối hậu của mọi đệ tử Phật để vượt thoát vòng sinh tử luân hồi, để đạt đến trạng thái “Tịch Diệt Vi Lạc.”

Nam Mô A Di Đà Phật
Viết tại Trường Hạ Pháp Hoa, Nam Úc
tháng 7-2017
Tỳ kheo Thích Nguyên Tạng

AN CƯ KIẾT HẠ

Tâm Diệu



Thuở Đức Phật còn tại thế, Ngài có đặt ra một giới luật cho hàng Tăng ni là mỗi năm phải An cư Kiết hạ vào mùa mưa [1]. Vì mùa mưa ở Ấn Độ, các loại côn trùng sinh sôi nảy nở rất nhiều, mà chúng Tăng đi khất thực sẽ dẫm đạp lên chúng, giết hại nhiều chúng sanh nhỏ nhoi, làm tổn thương đến lòng từ bi tế vật của hàng Phật tử, nên chư Tăng ni không được phép du hành ra ngoài, mà phải ở yên một chỗ trong thời gian ba tháng để nỗ lực tu tập thiền định, trau dồi giới định tuệ, cùng nhau sống trong hòa hợp thanh tịnh. Tuy nhiên, nếu có chuyện khẩn cấp và cần thiết, chỉ được phép rời trú xứ trong thời hạn không quá bảy ngày [2], rồi phải trở lại tiếp tục an cư. Đó là nguồn gốc của việc "An cư Kiết hạ."

Đối chiếu giữa lịch Ấn Độ và lịch Trung Hoa, thời gian đó bắt đầu từ ngày trăng tròn tức ngày 16 tháng 6 âm lịch, cho đến ngày 15 tháng 9 âm lịch. Thời gian An cư Kiết hạ này vẫn được chư Tăng tại các quốc gia theo truyền thống Phật giáo Nam Tông: Thái Lan, Cao Miên, Miến Điện, Ai Lao và Tích Lan tôn trọng cho đến ngày nay. Nhưng khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, mùa An cư lại được ấn định từ ngày trăng tròn 16 tháng 4 âm lịch (tức là sau ngày lễ Phật Đản) cho đến ngày 15 tháng 7 âm lịch, nhằm ngày lễ Vu Lan. Đó là truyền thống của Phật giáo Bắc Tông: Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản và Triều Tiên. Đến ngày kết thúc mùa An cư, chư Tăng họp lại kiểm điểm thành quả, làm lễ sám hối Bồ tát [3] và tuyên bố hoàn mãn. Ngày này được gọi là ngày Tự Tứ, áp dụng chung cho cả hai truyền

thống Phật giáo Nam Tông và Bắc Tông. Chư Tăng Nam Tông tổ chức lễ Tự Tứ vào ngày 15 tháng 9 và chư Tăng Ni Bắc Tông tổ chức vào ngày 15 tháng 7 âm lịch hằng năm.

Theo tinh thần Giới luật, mỗi năm đến mùa An cư Kiết hạ, chư Tăng ni đều phải tìm đến một nơi thích hợp để nhập hạ, nơi này được gọi là trường hạ. Tuy nhiên, nếu không có trường hạ hay trường hạ ở xa, địa điểm an cư có thể là ngôi chùa, ngôi tịnh xá, tịnh thất, hay bất cứ chỗ nào thích hợp. Ở những chùa chỉ có bốn vị Tỳ kheo, sự thực hiện yết ma [4] để kiết giới và kiết hạ cho ba tháng an cư được xem là hợp pháp Phật. **Ở những chùa nơi vùng xa xôi hẻo lánh mà một vị Sư không thể đến trường hạ hay đến một ngôi chùa nào có trên ba vị Tăng để cùng nhau an cư kiết hạ, thì vị Sư ấy sẽ an cư ngay tại chùa của mình bằng phương pháp thực hiện "tâm niệm an cư."** Pháp này được áp dụng cho trường hợp trong chùa chỉ có một hoặc hai, hoặc ba vị Sư. Họ đối trước Phật đường, đọc ba lần lời phát nguyện an cư thì sự an cư cũng hợp với pháp Phật [5]. Một khi đã quyết định an cư ở đâu thì phải an cư ở đó, **không được đi ra ngoài chỗ đó trong thời gian 3 tháng**, ngoại trừ những trường hợp được giới luật qui định, như cha mẹ hay bốn sư bị bệnh nặng hoặc viên tịch, hay có Tăng sự quan trọng, hoặc có thí chủ thỉnh đi làm những Phật sự cần thiết, thì Tỳ kheo nhập hạ phải xin phép tạm thời rời trú xứ an cư.

Đối với quý Tăng Ni Việt Nam đang tu hành và hành đạo tại hải ngoại, do hoàn cảnh xã hội, chính trị, kinh tế và địa dư quốc độ mỗi nơi, mỗi thời sai khác, nên việc tu hành hằng ngày và việc tổ chức An cư kiết hạ mỗi năm của họ không đơn thuần như ở trong nước. Đa số các chùa, tự viện, tịnh xá không nằm chung trong một giáo hội nên rất khó thống nhất tổ chức. Hơn nữa việc chư Tăng Ni một năm đóng cửa chùa ba tháng để an cư kiết hạ, có thể nói là một điều khó khăn, vì ở hải ngoại, phần lớn mỗi Thầy trụ trì một chùa và các công tác lo cho Phật tử bốn đạo đều tập trung vào ngôi chùa đó. Nếu chùa không có Ban Hộ Tự trực tiếp lo các công việc hằng ngày như nhang đèn, tiếp khách, lo hôn sự, tang tế cho Phật tử hội viên nếu có, thì vị trụ trì đó khó có thể yên lòng đóng cửa chùa



mà an cư tĩnh tọa trong ba tháng như quy định của giới luật.

Tuy thế, khóa An cư Kiết hạ vẫn được một vài giáo hội Phật giáo hải ngoại tổ chức hằng năm, nhưng thời điểm nhập hạ và thời hạn an cư được quý Thầy trong giáo hội tự quyết định và gọi là “**tùy duyên ứng biến**.” Thay vì ba tháng An cư như Phật qui định nay chỉ **vốn vẹn mười ngày**, như tại trường hạ **chùa Pháp Bảo**, Australia, tại trường hạ **chùa Huệ Quang** ở Santa Ana, California, Hoa Kỳ (hoặc trường hạ tại **Phật Học Viện Quốc Tế và Niệm Phật Đường Fremont** do Giáo Hội PGVN Thống Nhất Hoa Kỳ tổ chức hằng năm, cũng 10 ngày. — *Chánh Pháp thêm*).

Vì thời gian an cư ít hơn thời gian Phật qui định nên chủ yếu việc An Cư là “**Tâm niệm An cư**,” “mỗi Tỳ kheo đều duy trì tâm niệm An Cư cho đến ngày Tự tứ (80 ngày còn lại). Nguyên do, sau 10 ngày An Cư, Tăng đoàn chỉ xả giới tướng [6], nhưng vẫn giữ giới thể [7], để làm mạch sống cho Tăng già trên con đường truyền bá chánh pháp, phục vụ chúng sanh”.

Tướng cũng nên biết nghĩa của từ An cư. **An là an tịnh nội tâm, còn Cư là kỳ hạn cư trú trong suốt một thời gian nhất định nào đó, mà theo giới luật là ba tháng. An cư tức là chúng Tăng sống yên ổn một chỗ hoà hợp và thanh tịnh để cùng nhau tu học, trau dồi Giới đức, Định học và Tuệ học sau chín tháng đi hoằng pháp độ sinh.** Trong thời gian ba tháng an cư, Tăng đoàn sinh hoạt cộng trú, cùng nhau sống trong tinh thần lục hòa, cùng nhau nhắc nhở giới luật, sách tấn lẫn nhau. Đến ngày kết thúc, tức vào ngày thứ chín mươi, chư Tăng tập trung tại một giới trường, đối chiếu với giới luật mà mình đã thọ trì, mỗi người tự kiểm điểm bản thân qua thấy, nghe và nghĩ và nếu thấy việc gì đó không đúng, tự mình nói lên hoặc nhờ một vị Tỳ kheo khác nói lên, sau đó nếu thấy rằng, mình có sai phạm thì phải sám hối đúng pháp. Sau khi sám hối liền được thanh tịnh, trong tâm cảm thấy an lạc. Đó là ý nghĩa của ngày Tự tứ, ngày kết thúc khoá an cư. **Ngày Tự tứ** này cũng còn gọi là ngày thọ tuệ, nghĩa là chư Tăng được xác định thêm một tuổi đạo, là tuổi của Giới đức, của Tuệ học. **Hàng xuất gia luôn lấy Giới đức và Tuệ học làm tuổi, chứ không tính tuổi theo năm tháng của thế gian. Hễ Tỳ kheo nào không An cư, không Tự tứ, hoặc có An cư mà không Tự tứ hoặc có Tự tứ mà không An cư thì cũng xem như là không có tuổi đạo.**

Nói tóm lại, mùa an cư là thời gian quan trọng nhất trong năm của hàng Tỳ kheo mà ý nghĩa **tu học trong môi trường hoà hợp thanh tịnh** được nổi bật nhất. Mỗi mùa an cư là một tuổi đạo của cuộc đời một Tỳ kheo. Đây là một **Phật sự** [8] vô cùng quan trọng và thiết thực của Tăng chúng, thể

hiện lòng từ bi đối với muôn loài chúng sanh và làm nền tảng cho sự tu tập của hàng Phật tử tại gia. Đây cũng là thời gian thuận tiện cho giới cư sĩ tại gia có dịp thân cận chư Tăng học tập giáo pháp, đồng thời là cơ hội tạo phước báo nhân thiên qua việc hộ trì chúng Tăng trong suốt mùa An cư.

Tâm Diệu

Chú thích:

[1] Thích Đồng Minh, Tứ Phần Luật, Ch.3 An cư, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: <http://www.thuvienhoasen.org/tuphanluat-tangsu-03.htm>

[2] Theo Tứ Phần Luật, nếu có duyên sự cần thiết phải rời khỏi trú xứ quá bảy ngày phải xin phép Tăng đoàn, thực hiện pháp bạch nhị yết-ma.

[3] Bồ Tát là ngày định kỳ thuyết giới, cùng nhắc nhở nhau về giới pháp để tu hành, nhằm nuôi lớn các thiện pháp, khiến chúng trưởng thành trong sự thanh tịnh, hầu duy trì và phát triển sinh mệnh của Tăng đoàn trong tinh thần hòa hợp.

[4] Yết Ma là một buổi họp hay nghi thức tuyên cáo thọ giới, sám hối, hay trực xuất ra khỏi giáo đoàn những người phạm tội “bất khả hối.”— A meeting of the monks for the purpose of ordination, or for the confession of sins and absolution, or for expulsion of the unrepentant.

[5] Nguyễn Lang, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Nhà Xuất bản Văn học Hà Nội 1979: <http://www.thuvienhoasen.org/vnphatgiaosuluan2-17.htm>

[6] Giới tướng là những giới do Phật chế để chúng ta tuân theo. Ví dụ như những hành động, những ngôn ngữ chúng ta có khi sai trái, giữ không cho hành động, ngôn ngữ sai trái gọi là giới tướng.

[7] Còn Giới thể là cơ sở, bản chất của giới. Ví dụ nói giới thể của giới sát sinh là lòng từ bi với mọi người và loài vật.

[8] Phật sự tức là “việc Phật.” Trên bình diện tự giác, Phật sự tức là việc giác ngộ vô minh và giải thoát phiền não. Như vậy, làm Phật sự tức là thực hiện sự giác ngộ và giải thoát cho tự thân. Trên bình diện giác tha, Phật sự tức là việc mà đức Phật làm, đó là việc giáo hóa chúng sanh bỏ ác, làm lành, tự thanh tịnh hóa tâm ý.



SÂU RĂNG

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Năm 1986, khi khai quật một ngôi mộ cổ bên Ai Cập, người ta đã thấy một hàm răng có chiếc răng được nhét một mẫu kim loại vào thân răng. Các nhà nghiên cứu suy luận rằng, vị cổ nhân này nhét mẫu kim loại vào răng để ngăn cho con sâu khỏi vào nằm trong đó mà phá răng. Như vậy thì bệnh sâu răng không phải là mới lạ, mà vốn đã xảy ra từ ngàn xưa. Ngày nay, y khoa học đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề liên quan đến bệnh sâu răng, nêu ra rất rõ ràng về những nguyên nhân gây sâu răng cũng như có nhiều phương thức phòng ngừa hữu hiệu.

1. Diễn tiến sâu răng

Sâu răng là một loại bệnh nhiễm khuẩn. Quan sát các động vật không có vi khuẩn trong miệng đều cho thấy chúng không bị sâu răng.

Trong bệnh này, các sản phẩm chuyển hóa acid hữu cơ sinh ra do tác dụng của vi khuẩn trên thực phẩm dính kẹt trong răng miệng, làm mất dần calcium ở men răng. Từ đó răng bị sói mòn phá hủy dần dần.

Sâu răng có thể xảy ra cho bất cứ răng nào trong miệng cũng như bất cứ phần nào của răng. Răng mới mọc dễ hư hơn răng đã có từ lâu, vì thể khi mới mọc răng sữa hoặc răng thường là phải săn sóc kỹ hơn.

Vi sinh vật trong miệng làm hư răng nhiều nhất là loại *Streptococcus Mutans*, rồi đến loại *Lactobacillus casei* và *Streptococcus sanguis*.

Sâu răng diễn ra như sau:

Sau khi ăn một món thực phẩm nào đó, thì một phần nhỏ thực phẩm dính lại trên răng hoặc giữa các kẽ răng, tạo ra một mảng bựa (plaque). Bựa này là môi trường dinh dưỡng tốt cho vi khuẩn sinh sản. Bựa là hỗn hợp của 70% vi khuẩn và 30% chất đường, acid. Lâu ngày, calcium đóng vào bựa, bựa cứng hơn, bám chặt vào răng và nướu răng. Tại đó, vi khuẩn làm thực phẩm lên men, sinh ra acid lactic. Acid ăn mòn chất bảo vệ men răng nhờ đó vi khuẩn xâm nhập được vào cấu tạo răng để hủy hoại.

Cao điểm của tác hại

là nửa giờ đầu sau khi ăn với mức độ acid lên cao nhất. Diễn tiến này xảy ra rất âm thầm, đôi khi kéo dài cả vài năm và không gây đau đớn gì cho nạn nhân cho tới khi răng hỏng.

2. Dinh dưỡng với sâu răng

Thực phẩm các loại khi kẹt lại trong răng đều bị vi khuẩn chuyển hóa. Thời gian kẹt lại càng lâu thì lại càng có hại.

Carbohydrat dễ lên men như các loại đường sucrose, fructose, maltose, lactose; mật ong, đường vàng, mật mía; trái cây tươi, khô hoặc đóng hộp; nước ngọt... đều là những món ăn ưa thích của vi khuẩn. Chỉ một chút đường trong bánh kẹo cũng đủ làm cho các món này dính lâu trong miệng, tạo điều kiện thuận lợi cho tác dụng của vi khuẩn.

Quan sát cho thấy người hay dùng chất ngọt bị hư răng nhiều gấp 12 lần người ít dùng. Đường hóa học saccharin, aspartame, cyclamate không làm hư răng; đường xylitol, sorbitol trong rượu không lên men lại được coi như bảo vệ răng.

Chất đạm trong thịt, trứng, cá; chất béo, vài loại pho mát có tác dụng bảo vệ răng khỏi sâu.

Chất béo tạo ra một lớp dầu mỏng che răng do đó có tác dụng làm giảm tác dụng của đường, làm giảm độ dính của thực phẩm vào răng miệng.

Thực phẩm có nhiều xơ như dưa gang, rau riếp ...giúp làm sạch răng và loại bỏ mảng bựa vôi.

Thực phẩm không gây sâu răng là loại khi ăn không làm tăng nồng độ acid của nước miếng.

Ăn uống nhiều lần (ăn vặt) trong ngày cũng làm thay đổi độ acid/kiềm của nước miếng và ảnh hưởng tới sự sâu răng. Thí dụ ăn năm cái kẹo một lúc rồi súc miệng thì ít có hại hơn là lại rai ăn số kẹo đó trong ngày. Ăn quà vặt cũng là một nguy cơ sâu răng vì độ acid trong miệng lên cao nhiều lần trong ngày.

Cần nhớ là mỗi lần một lượng nhỏ carbohydrat dễ



lên men được đưa vào miệng là độ acid trong nước miếng tăng lên cao và ăn mòn men răng.

Thực phẩm ăn xen kẽ cũng có ảnh hưởng tới khả năng gây sâu răng. Thực phẩm gây sâu răng mà ăn xen kẽ với thực phẩm không gây sâu răng thì sẽ tốt hơn. Chuối thường hay dính răng, dễ đưa đến sâu răng, nhưng kèm theo ly sữa thì tác dụng xấu giảm đi. Tráng miệng với miếng bánh ga- tô dính răng mà sau đó lại nhai miếng pho mát Thụy sĩ thì miệng sạch mau hơn. Sữa có nhiều calcium, phosphore nên có tác dụng trung hòa với thực phẩm để gây sâu răng, như đường.

Dạng lỏng hay đặc của thực phẩm cũng là một yếu tố quan trọng.

Thực phẩm lỏng rồi miệng mau hơn món ăn đặc cho nên độ acid cũng thấp hơn. Một cục kẹo cứng ngậm trong miệng cho tan dần tạo ra môi trường thuận lợi cho vi sinh vật. Kẹo cao su không đường nhai lâu làm tăng nước miếng và rửa sạch răng. Ngô rang có nhiều chất xơ, ít carbohydrat lên men nên cũng tốt cho răng.

Nước bọt có vai trò quan trọng trong sự tiêu hóa cũng như bảo vệ răng. Có ba tuyến nước miếng là tuyến mang tai, tuyến dưới lưỡi và tuyến dưới hàm.

Nước bọt có tính kiềm mà nhiệm vụ chính là giữ độ ẩm cho miệng, giúp tiêu hóa thực phẩm, giảm thay đổi acid trong miệng và tiêu hóa tinh bột. Nước bọt có nhiều calcium và phosphore cho nên sẽ trung hòa acid do vi khuẩn tạo ra. Sự nhai làm tăng nước bọt. Người hoặc nhìn thấy món ăn ngon thơm cũng làm chảy nước miếng.

Sự tiết nước miếng giảm trong khi ngủ cho nên miệng thường khô, và cũng giảm trong một vài chứng bệnh hoặc do tác dụng của vài dược phẩm như thuốc trị kinh phong, trầm cảm, dị ứng, cao huyết áp, thuốc có chất á phen, các tia phóng xạ trị liệu.

3. Phòng ngừa sâu răng

Sâu răng có thể xảy ra ở mọi lứa tuổi, nhứt là khi còn thơ ấu. Sự chăm sóc những răng sữa liên quan đặc biệt tới sự tăng trưởng của hàm răng khôn sau này. Răng sữa giúp trẻ nhai thực phẩm, giữ cho hàm ở vị trí tốt cho răng vĩnh viễn. Răng tạm thời mà rụng sớm thì khoảng

trống sẽ bị các răng khác lấp vào và choán chỗ của răng khôn. Răng sữa có thể bị hư khi mới hai tuổi, vì thế cha mẹ cần lưu ý chăm sóc răng cho con.

Về dinh dưỡng, thì nên cẩn thận với thực phẩm có nhiều đường ngọt.

Mặc dù đường ngọt đã được chứng minh là nguy cơ số một gây sâu răng, nhưng khuynh hướng chung của chúng ta vẫn là thích các món ăn ngọt. Khuynh hướng này đặc biệt nguy hiểm ở trẻ em đang độ tuổi phát triển, khi chưa có được ý thức tự bảo vệ trong việc chọn lựa món ăn tốt cho sức khỏe.

Nhiều bà mẹ dùng viên kẹo ngọt để khen thưởng con. Nhiều người cho con bú bình nước pha với đường, thay cho sữa. Có bà mẹ lại nhúng cái núm vú cao su vào mật ong rồi cho con ngậm. Tất cả đều là nguyên nhân dễ dàng làm hỏng những chiếc răng non. Khi ngủ, không nên cho ngậm bình sữa, vì có thể trẻ không nuốt hết, sữa đọng trong miệng và là môi trường tốt cho vi khuẩn. Có thể cho bé ngậm núm giả hoặc ngậm bình nước lã. Ngoài việc sữa mẹ có nhiều bổ dưỡng, con hút núm vú mẹ còn giúp hàm răng ngay ngắn hơn.

Trẻ em cần chế độ ăn uống đầy đủ, đa dạng với đầy đủ calcium, phosphore để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của răng. Fluoride, một hóa chất ngăn ngừa sâu răng rất công hiệu, cũng cần được hiện diện trong thực phẩm, nước uống.

Cha mẹ cần hướng dẫn trẻ em trong việc giữ gìn vệ sinh răng, cách dùng bàn chải, giầy cọ răng (flossing). Bàn chải nên thay mới khi không còn bảo đảm làm sạch răng, và cần được thường xuyên rửa kỹ để loại bỏ thực phẩm cũng như vi khuẩn dính vào.

Vệ sinh răng miệng, nói chung, gồm có:

- Đánh răng mỗi ngày hai lần, nhất là sau bữa ăn.
- Súc miệng sau khi ăn hoặc uống;
- Nhai kẹo cao su không đường trong 15 phút sau bữa ăn để nước miếng ra nhiều;
- Cọ khe răng mỗi ngày hai lần;
- Dùng kem đánh răng có fluoride;
- Súc miệng bằng dung dịch chlorhexidine;
- Bớt ăn thực phẩm ngọt hoặc có nhiều carbohydrate để lên men.

Bác sĩ Nha Khoa Jeffry Hillman của Đại Học Florida đang nghiên cứu thay đổi biến dị của vi khuẩn *Streptococcus mutans* khiến chúng không còn khả năng gây sâu răng nữa.

Ngoài ra, các khoa học gia hiện đang tìm kiếm loại vaccin để ngăn ngừa sâu răng. Hy vọng trong tương lai gần, vaccin này sẽ được bào chế để mọi người có hàm răng đều đặn trắng bóng hoặc "Răng đen nhí nhí, ông Lý cũng khen..."



Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



DỰ

Pháp sư giảng đề tài: vọng tưởng - chơn tâm cả buổi nhưng mọi người vẫn hồ nghi. Có người thì bảo không "tiêu" nổi. Thấy vậy thầy bèn dẫn cả bọn ra hồ đi dạo, đoạn thầy chỉ mặt hồ bảo:

- Nước và sóng vốn một không phải hai, khi nước lặng thì hiện rõ cảnh vật ấy là chơn tâm, khi sóng nổi thì không thể soi rõ, ấy là vọng tưởng.

Bấy giờ mọi người ồ lên một tiếng:

- Thì ra là thế!

Thầy nói tiếp:

- Chúng ta như những khúc gỗ, nước yên thì đậu đầy, sóng xô thì không biết trôi lạc về đâu.

LONG ĐIỀU TƯƠNG TRANH

Đại bàng xưa nay vốn làm minh chủ trong thiên hạ, nay thời thế thay đổi, nó suy yếu và con rồng bệnh hoạn ngày xưa giờ trở dậy. Hai đứa gầm ghè nhau nhưng xem ra chưa biết thắng bại thế nào. Đại bàng ngạo nghễ:

- Ta có quyền tự do bay, bơi lội trong biển này.

Con rồng khề lửa nói:

- Biển này là ao tắm của ta, cấm bọn bên ngoài vào

kiếm chác.

Kẻ giương vuốt, đứ nhe nanh. Bọn đàn em hai bên chạy loanh quanh như đèn cù. Riêng có chú em dựa rờn nhưng người nhà lại cố vũ cho chim.

ĐỒNG MỘT THỂ

Làng nọ có nghề đúc đồng nổi tiếng xưa nay, tuần rồi truyền thông đến đưa tin và phỏng vấn các nghệ nhân. Bọn họ thấy những sản phẩm: Tượng Phật, vạc, mâm, thau... rất đẹp cứ mân mê mãi và hỏi:

- Những món đồ này giá trị sử dụng như thế nào?

Ông chủ lò trả lời đầy ý vị:

- Dĩ nhiên là giá trị sử dụng khác nhau vì tượng của nó khác, tuy nhiên tất cả đều từ một thể đồng mà ra!

Trong nhóm phỏng viên có kẻ biết chút ít Thiền bèn bảo:

- Hôm nay chúng ta có một bài học thực tế!

ĐÚNG QUY TRÌNH

Chủ quán đưa mấy mươi người trong họ vào làm khắp các dinh, quận. Kẻ ngoài họ thì dùng kim ngân, ngoại tệ lo

lót... Bấy giờ người ta không cần kêu tên hay chức vụ gì cả, chỉ hỏi: Chị Ba, chú Bảy, anh Bốn... là thiên hạ ai cũng biết!

Truyền thông moi móc đưa tin, triều đình bèn cử thanh tra về... Sau mấy ngày ăn

chơi mát trời ông địa ở tửu điểm sang nhất quận, quan thanh tra bố cáo:

- Bỏ nhiệm đúng quy trình.

Dư luận xôn xao không đồng tình bèn mĩa mai:

- Thanh tra cũng đúng quy trình nốt!

KHÔN NHÀ ĐẠI CHỢ

Sa-Bà có một quốc độ rất quái lạ, quan quyền xứ ấy cứ vỗ ngực xưng anh hùng, vỗ trán xưng đệ nhất trí tuệ. Ấy vậy mà cả xứ nghèo mạt rệp, dân tình đói khổ, oan ức thấu trời xanh. Dân kêu kiện thì đánh đập tàn nhẫn, dùng mọi phương tiện mạt ly dân chúng "bôi nhọ triều đình!"

Trong khi ấy kẻ thù truyền kiếp nay xà mai xẻo mảnh giang san tổ tiên để lại thì im thin thít, đã thế còn đội lên đầu xưng tụng là đại ca. Dân không làm gì được bèn chửi đồng:

- Khôn nhà đại chợ.

XEM MỘT ĐỨA BIẾT CẢ BỌN

Có xứ nọ khoắc lác rằng dân có quyền làm chủ nhất thiên hạ, truyền thông có bao nhiêu dài, báo chí vài trăm tờ... quanh năm đăng tin: tình, tiền, tù tội. Nhưng tuyệt nhiên không động gì đến dân tình - quốc sự. Bọn họ tự đặt ra ranh giới "chuyện nhạ cảm" vượt cả mong đợi của quan nha.

Sáng hôm nọ bà hàng thịt thấy anh sinh viên ghé quầy báo mua mấy tờ báo, bà bèn thốt lên:

- Ôi giờ ơi! Sao cậu đại thế? Mua làm chi những mấy tờ cho phí của; chỉ cần xem một đứa là biết cả bọn rồi!

STEVEN

Georgia, 6/2017



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

GỎI RONG BIỂN TỨ QUÝ

Nguyên liệu cho món chay:

- ♦ 200gr rong sụn
- ♦ 100gr rong nhỏ
- ♦ 100gr nấm tuyết
- ♦ 1 miếng đậu hũ chiên
- ♦ 1 củ cà rốt
- ♦ 1 cây cần tây
- ♦ 3 trái ớt sừng
- ♦ 2 trái chanh
- ♦ 2 muỗng đậu phộng rang, giã dập
- ♦ 1 nắm rau thơm
- ♦ Gia vị: Nước mắm chay, đường, dấm, dầu ăn,

Cách làm chi tiết:

- ♦ Rong sụn nếu mua được rong tươi, chỉ cần ngâm nước 20 phút, sau đó rửa sạch, cắt khúc chừng 5 cm. Nếu mua rong muối khô, giữ sạch muối, bóp nhiều lần cho rong khỏi mặn, sau đó ngâm nước chừng 60 phút hoặc đến khi rong nở hết rồi cắt khúc vừa ăn.
- ♦ Rong nhỏ rửa sạch, để ráo.
- ♦ Nấm tuyết rửa qua cho sạch bụi rồi ngâm 10 phút trong nước lọc, vắt ráo, cắt bỏ gốc, tẻ thành miếng nhỏ vừa ăn.



Cách làm món chay gỏi rong biển (1):

Đậu hũ cắt miếng mỏng, chiên vàng, sau đó vớt ra để trên đĩa có lót giấy thấm để hút hết dầu. Nếu miếng đậu hơi lớn, sau khi chiên xong, có thể dùng kéo cắt đôi.

Cách chế biến món chay (2):

- Đậu hũ chiên vàng giòn
- Cà rốt gọt vỏ, cắt sợi. Cần lấy phần thân non, bào mỏng. Lấy 2 trái ớt sừng, bổ dọc, lấy hạt, sau đó cắt sợi, để riêng. Cho cà rốt và cần vào ngâm trong nước có pha chút muối đường, dấm trong vòng 15 phút rồi vắt ráo.

Cách làm món chay gỏi rong biển tứ quý (3):

Pha nước trộn gỏi theo tỉ lệ 1-1-2, tức là 1 muỗng "mắm" – 1 muỗng đường – 2 muỗng nước cốt chanh + ớt băm tùy ý. Vì rong biển sẽ ra nước nên ta không pha thêm nước lọc trong nước trộn gỏi.



Cách pha chế nước trộn gỏi:

Cho tất cả nguyên liệu đã chuẩn bị vào tô to, tưới nước trộn gỏi lên trên, trộn đều rồi cho ra đĩa, bên trên rải thêm đậu phộng rang vàng, bóc vỏ, giã dập và rau thơm.

Gỏi rong biển có thể được dọn dùng kèm bánh tráng nướng làm món khai vị, hoặc món ăn chơi đều rất ngon, mát và bổ dưỡng.



Nguồn: bepgiadinh.com

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.



TAI HẠI CỦA THAM ÁI

Ngày xưa có chị vợ kia
Lẳng lơ, trác nết, thiết gì chồng đâu
Loạn luân phạm tội từ lâu
Tư tình lén lút: chị dẫu em chồng.
Lừa tình càng cháy càng nồng
Đưa người vào chốn tội cùng ác tâm.
Vợ kia chẳng chút ngại ngần
Xúi em tìm cách hại ngấm người anh,
Thoạt đầu em chẳng nỡ đành
Tỉ tở xúi mãi nghe thành êm tai
Giết anh ngay! Tội tày trời!
Cả hai thỏa thích sống đời tự do.

*

Chồng tuy chết vẫn âu lo
Vẫn thương vợ cũ, muốn cho cận kề
Thần lẩn hóa kiếp trở về
Roi trên mình vợ, phòng the nô đùa,
Vợ thời độc ác có thừa
Nhìn thần lẩn biết chồng xưa. Giết liền!
Tình yêu vợ mãi không quên
Chồng đầu thai lại về bên vợ nhà
Luôn nằm cạnh, chẳng rời xa
Làm thân con chó vào ra bên mình
Theo chân như bóng theo hình,
Trai làng đùa hỏi: "Cô thành thợ săn?"
Vợ nghe nổi máu dữ dằn
Cột ngay chó lại giết phăng nửa rồi!

*

Lần này chồng lại đầu thai
Làm con bò đực theo hoài vợ kia
Đi về quán quýt mỗi khi,
Trai làng chọc ghẹo: "Cô đi chăn bò?"
Thế là cô vợ then thò
Cột bò thật chặt. Giết cho khỏi phiền!
Chồng tuy bị giết ba phen
Vẫn còn vương vấn, chồng bèn đầu thai
Lần này thành cậu con trai
Vợ sinh ra cậu mừng hoài chẳng thôi.
Cậu trai góp mặt với đời
Kiếp xưa hằn dấu in nơi tâm hồn
Nhớ bao đau khổ dập dồn
Cậu làm khó mẹ, ẵm bồng chẳng cho,
Chỉ ưng ông nội chăm lo
Buồn vui khuya sớm, đôi no tháng ngày.

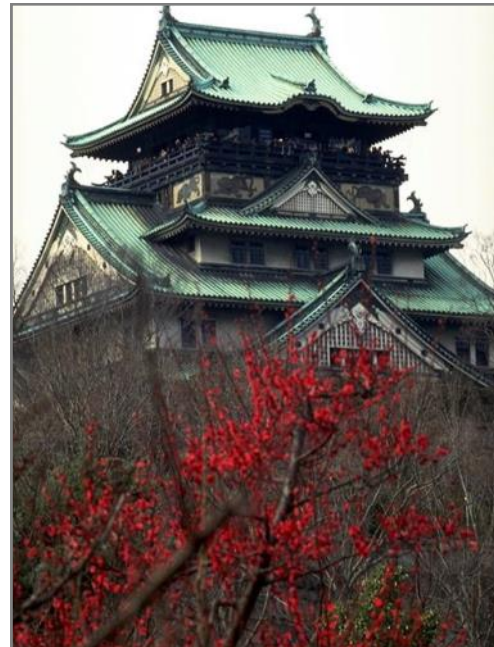
*

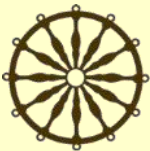
Bốn mùa lần lượt vắn xoay
Trẻ kia biết nói, giờ đây lớn rồi,
Một hôm thuật hết đầu đuôi
Bao nhiêu tiền kiếp từ thời xa xưa,
Nghen ngào nhìn nội khế thừa:
"Nó đâu là mẹ! Là thù đấy thôi!
Lòng gian ác, máu tanh hôi
Xúi người hiểm độc, sống đời loạn luân!"
Nội nghe kinh ngạc vô ngần
Gia đình địa ngục cõi trần chẳng sai!
Chuyện tình đẫm máu bi ai
Chao ơi tham ái hại người khổ thay!
Ông ôm cháu nói: "Từ đây
Chúng mình hãy bỏ chốn này ra đi
Cháu đừng buồn nữa làm chi
Ta tìm cửa Phật xin về nương thân!"

*

Thời gian trôi! Một mùa Xuân
Trong ngôi chùa nọ ở gần rừng hoa
Người ta thấy một tăng già
Sống cùng chủ tiểu thật là bình an!
Chuông chùa thánh thót ngân vang
Như xưa nổi khổ trần gian tràn trề
Vén màn tâm tôi u mê
Thênh thang tịnh độ đường về thơm hương.

(thi hóa phỏng theo Truyện Cổ Phật Giáo)





TỔNG KẾT VỀ VIỆC TÁI CƠ CẤU TỔNG VỤ NI BỘ VÀ CÁC DỰ ÁN

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính Bạch Chư Tôn Hoà Thượng, Thượng Toạ, Đại Đức Tăng Ni:

Hôm nay, Ni chúng chúng con hân hạnh được trình bày tâm tư nguyện vọng của chúng con trước đại Tăng, ấy cũng nhờ vào ân đức cao quý của chư tôn Hoà Thượng trong GHPGVNTNKH, đã khuyến khích và ủng hộ tinh thần cho chúng con. Từ đây, chúng con được ngồi lại với nhau trong tinh thần hoà hợp, cùng nhau tu học, làm việc, và xây dựng Ni đoàn với mục đích phụng sự Phật pháp, lợi lạc chúng sanh.

1. Các Ban Ngành Của Ni Chúng

Trong hai năm qua, chư Tôn Đức đã dạy con, tỳ kheo ni Giới Châu, làm việc cho Ni chúng, nhưng vì con muốn tĩnh tu, nên con không làm vui lòng Quý Hoà Thượng. Các đạo bạn của con ở Việt Nam cũng như ở Mỹ đã động viên và khích lệ con nên phát tâm làm việc, đãi lao cho Ni chúng. Các Ni sư bạn con đã hứa, sẽ luôn luôn đứng sau lưng con, giúp con làm việc tốt đẹp, làm lợi lạc cho Ni đoàn. Do đó, trong ngày Đại Hội lần I nhiệm kỳ III tại Niệm Phật Đường Freemont, California, HT. Tổng thư ký dạy con, con im lặng chấp nhận chức vụ Quyền Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ. Con xin phép thưa, đây chỉ là ngôn từ diễn tả bốn phận con phải làm gì cho Ni chúng, chứ con chỉ là Giới Châu bình thường thôi.

Sau khi con đã hứa nhận làm việc với chư Ni, dưới sự chứng minh của HT. Tổng thư ký, Ni chúng chúng con đã có một phiên họp với hai mục đích. Một, chị em chúng con cùng nhau phát triển sự tu học; hai, những Ni Sư đã sống ở Mỹ lâu năm, lắng nghe tâm tư nguyện vọng của các Ni trẻ hoặc chư Ni mới tới Hoa Kỳ và cảm thấy lạc lõng trong môi trường mới. HT. Tổng Thư Ký dạy chúng con nên cùng nhau hòa hợp làm việc. Chúng con đã đồng thuận phân chia công tác như sau:

- | | |
|--|-----------------------|
| 1. Quyền Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ: | Thích Nữ Giới Châu |
| 2. Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Ni Bộ kiêm Thư Ký: | Thích Nữ Tiến Liên |
| 3. Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Ni Bộ: | Thích Nữ Minh Phước |
| 4. Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Ni Bộ: | Thích Nữ Như Định |
| 5. Tổng Thủ Quỹ của Giáo Hội kiêm Thủ quỹ Ni Bộ: | Thích Nữ Diệu Tánh |
| 6. Phụ tá Thủ quỹ Ni Bộ: | Thích Nữ Phước Quang |
| 7. Thư ký cho Ni chúng: | Thích Nữ Linh Minh |
| 8. Phụ tá thư ký cho Ni chúng: | Thích Nữ Thiện Nghiêm |

2. Dự Án của Ni Chúng

Trong buổi họp, vài Sư cô lớn tuổi, xuất gia trẻ, đã đặt câu hỏi: Khi tuổi già đến, quý Sư cô biết nương vào đâu để được sống an lạc trong những ngày cuối đời? Sau khi bàn luận với nhau, Ni chúng đã bằng lòng tạo lập một trung tâm khiêm tốn, không quá lớn để chư Ni khỏi phải lo lắng, chỉ vừa đủ tiện nghi cho chư Ni sống thoải mái, an tâm niệm Phật khi tuổi xế chiều.

Sau khi Ni Bộ được thành lập và đã có dự án, quý Ni sư và Sư cô rất hoan hỷ phát tâm ủng hộ tinh tài cho công trình kiến lập trung tâm cho chư Ni.

Sư cô Ngọc Liên	\$10,000.00 (mười ngàn dollars)
Ni sư Giới Châu	\$ 1,000.00 (một ngàn dollars)
Sư cô Từ Đạo	\$ 5,000.00 (năm ngàn dollars)
(Sư cô xin cúng mỗi tháng \$200.00 cho đến ngày đủ \$5,000.00)	
Sư cô Linh Minh	\$ 2,000.00 (hai ngàn dollars)
Sư cô Thanh Diệu Ngọc	\$ 500.00 (năm trăm dollars)
Thức xoa ma na Viên An	\$ 1,000.00 (một ngàn dollars)



Con (Giới Châu) đã từng dự những khoá tu 10 ngày ở các chùa thuộc hệ thống Nam truyền của Việt Nam và Miến Điện, và đây là ước nguyện của con: Khi chúng con đã hoà hợp ngồi lại với nhau, con ước mong sẽ có những khoá tu 10 ngày thiền tập, hoặc luân tu tịnh độ, hoặc cùng nhau ôn lại giới luật và kinh điển cho chư Ni.

3. Tâm Tình của Chư Ni

Một Sư cô hỏi: "Ở chùa làm thức ăn chay để bán, làm thế nào chúng con có thì giờ đi học thêm các trường bên ngoài?"

Sư cô Thiện Nghiêm phát biểu: "Con qua Mỹ sớm, vừa đi học vừa đi làm. Con làm mỗi ngày 8 tiếng trong warehouse, và học đủ 4 lớp mỗi mùa vì con muốn học mau để ra trường và cũng muốn có tiền để sống. Do đó, vừa làm việc chùa vừa đi học, không khó khăn lắm đâu."

Các Sư cô lớn tuổi xuất gia trẻ nhưng rất hoan hỷ khi được ngồi chung tâm sự với các Sư cô trẻ đã nói: "Chúng con qua Mỹ với đàn con, vừa nuôi con vừa đi làm kiếm sống. Chúng con chỉ ngủ 3 giờ mỗi đêm, khi các con ngủ, chúng con nấu ăn lo ngày mai cho các con bởi cơm vô trường. Các Sư cô cố gắng sẽ thành công tốt đẹp. Xứ Mỹ là miền đất hứa, tương lai xán lạn đều do sự cố gắng thôi. Nếu chúng con không cố gắng nuôi các con ăn học, thì giờ này các con của chúng con làm sao trở thành bác sĩ, kỹ sư, hoặc thầy giáo trên đất Hoa kỳ?"

Sư cô Tánh Lạc phát biểu: "Con xin lập lại lời của Ni sư Như Thủy: Các em có phước báo lắm mới được qua Mỹ, và các em phải tốn một phước báo rất lớn để sống ở Mỹ. Nếu các em không tu tập để tạo thêm phước báo, và nếu các em không cố gắng tu học để làm hành trang cho ngày mai, khi tuổi lớn như chị, các em sẽ rất hối hận. Chị khuyên các em đừng ra lập chùa riêng. Một khi đã có chùa riêng, không cách nào học thêm được vài chữ ở học đường cũng như học thêm Phật Pháp."

Một sư cô mới đến Hoa Kỳ hỏi: "Con xin Ni Sư chỉ cách thế nào để học giỏi?"

Ni sư Giới Châu: "*Thiên tài chỉ là người miệt mài dưới ngọn đèn!*" Không có ai tự nhiên mà giỏi, chỉ trừ những bậc thần đồng. Ai ai cũng phải nỗ lực học hành mới giỏi được. Các em nên cố gắng tu tập và học thêm các môn học ở college, sau này các em sẽ có đủ khả năng hướng dẫn các em nhỏ, sinh ra và lớn lên tại Hoa kỳ."

HT Tổng Thư Ký dạy: Ni chúng cần hội họp trong tinh thần hoà hợp và giải tán trong hòa hợp. Ni chúng đã hoàn thành bốn phận như lời HT dạy, tất cả đều rất hoan hỷ khi được nói lên tâm tư nguyện vọng của chính mình.

Niệm Phật Đường Freemont
Khoá An Cư, ngày 15 tháng 6 năm 2017
Q.T.V.T.T.V.N.B
T.K.N. Thích Nữ Giới Châu



An Cư Kiết Hạ 2017 Tại NPD Fremont - Hoavouu.com

RỜI HOLLYWOOD ĐỂ TỚI NAM VANG

Nguyễn Giác



Từ bỏ vị trí của một người rất quyền lực trong làng phim ảnh Hoa Kỳ để tới Cam Bốt làm từ thiện giúp trẻ em nghèo... Ban đầu, chỉ vì đam mê muốn tìm hiểu về các đền đài Phật giáo... Câu chuyện đời thực đã xảy ra, thoát nghe như cổ tích. Phóng viên Lindsay Kyte kể lại trên tạp chí Phật giáo Lion's Roar qua bài viết ngày 16/3/2017 có tựa đề "How a Hollywood Mogul Found True Happiness" (Cách Nào Một Người Quyền Lực ở Hollywood Đã Tìm Thấy Hạnh Phúc Chân Thực)... Hy vọng tất cả mọi người Việt Nam, đặc biệt là các đại gia, đọc được chuyện cổ tích rất hiện thực này. Bản Việt dịch toàn văn như sau.

oOo

Scott Neeson đã tìm thấy trái tim của anh – và kho tàng chân thực của đời sống – trong một bãi rác ở Nam Vang. Phóng viên Lindsay Kyte kể về người sáng lập ra Cambodian Children's Fund (viết tắt CCF – Quỹ Trẻ Em Cam Bốt).

Một thời xa xưa, Scott Neeson đã sống một cuộc đời Hollywood. Anh nói, "Tôi lúc đó là Chủ tịch công ty Twentieth Century Fox International và đã ký nhận khởi đầu một việc làm mới ở công ty Sony Pictures International. Thế rồi tôi để ra 5 tuần nghỉ ngơi để làm dịu lòng mình vì đã quá nhiều thời gian trong làng phim ảnh."

Neeson có một đam mê về các đền đài Phật giáo, và đã từng đi một vòng Đông Nam Á và Ấn Độ. Tuy nhiên những gì anh trải qua lại không phải sự bình an anh đã hình dung trước đó – trong khi ở Cam Bốt, anh quyết định làm một yêu cầu bất thường.

Neeson kể, "Khi tôi ở Nam Vang, tôi yêu cầu xem cảnh nghèo nhất ở quốc gia này. Người ta dẫn tôi tới Stung Meanchey, một bãi rác sâu một trăm yards (91.4 mét) trên diện tích 25 acres (= 101,171.4 mét vuông= 10.1 hectares)."

Đứng nơi đó, Neeson thấy anh thay đổi mọi thứ. "Hơn 1,500 trẻ em moi, lượm từ bãi rác. Lúc đó độ nóng là 130 độ Fahrenheit (=54.4 độ Celsius), và ở nhiệt độ đó rác phân hủy và sinh ra khí methane, trong khi nền đất chủ yếu là nham thạch, tức là rác âm ỉ cháy. Khi tôi bắt cần bước đi, thấy ngay bàn chân

phồng, trong khi rác bốc lên mùi hôi kinh khủng."

Nhiều trẻ em lượm rác nơi đây khi bị ba mẹ bỏ rơi vì nuôi con không nổi, vì nợ, vì bệnh, vì nghiện rượu hay vì tái hôn. Neeson cảm thấy một thúc giục mạnh mẽ để giúp đỡ, nhưng nói rằng anh vẫn có thành kiến cổ điển với các hội từ thiện.

Anh giải thích, "Ba điều thường nhất bạn thấy là, một, bạn không biết tiền sẽ đi tới đâu. Bạn luôn luôn nghĩ rằng có ai đó [trong hội từ thiện] lãnh lương nhiều và chỉ vài xu thực tế ra tới mặt đất. Thứ nhì, trong cương vị cá nhân, bạn không thể làm nhiều ảnh hưởng. Ngay cả toàn bộ đồng lương của bạn cũng không làm nhúc nhích gì cho xã hội. Thứ ba, nghĩ rằng đây không phải chuyện của bạn. Ngồi tại Hoa Kỳ, bạn cảm thấy như ở một mặt bên kia thế giới. Bạn trả thuế, thế rồi tùy chính phủ Mỹ chi ra viện trợ quốc tế."

Nhưng Neeson không bình yên được. "Tôi biết không có cách nào các trẻ em này có thể rời bỏ bãi rác này. Các em sống nơi đó, và sẽ chết nơi đó. Các em sẽ bị buôn người. Các bà mẹ sẽ sinh con nơi đó. Đúng là tận thế. Đúng là kinh hoàng."

Một em bé 9 tuổi đi ngang qua Neeson trong tình trạng thể thảm, và hình ảnh này làm vỡ tim anh. Anh nói, "Thoạt tiên, tôi không thể nhận ra là bé trai hay bé gái, vì em này trum nhiều lớp vải – tất cả gì thấy được chỉ là đôi mắt của em. Một phần vì phải trum vải để che hơi nóng, nhưng cũng vì đó là tất cả áo quần mà em bé có được. Không có chỗ nào để em bé cất giữ bất cứ thứ gì."

Xuyên qua người thông ngôn, Neeson khám phá bé gái nơi đó cùng với em gái của bé và má của bé. "Qua một vài cuộc thảo luận và quyết định nhanh chóng, chúng tôi tìm ra một nơi để em bé sống và đưa vào trường. Tôi sắp xếp một hệ thống để tôi có thể gửi tiền từ Los Angeles tới mẹ em bé hàng tuần. Tôi đưa đứa con gái nhỏ nhất của bà, có bệnh sốt thương hàn vào bệnh viện."

Neeson thấy rằng những việc như thế chỉ làm anh mất 90 phút và làm anh tốn 35 USD/tháng. Anh nói, "Trong cương vị cá nhân đơn độc, tôi đã biến đổi sâu sắc số phận của em bé này. Tất cả những thành kiến của tôi về các hội

từ thiện tức khắc biến mất. Hoàn toàn không có hướng đi nào khác cho các trẻ em này. Đây là vấn đề của tôi. Là một người, là một người đang sống và đang thở, tôi có một ràng buộc. Tôi bị gắn liền với sự kiện đơn giản rằng sao dễ dàng tới thể khi biến đổi cuộc đời của em bé đó.”

Khi Scott Neeson về lại Hoa Kỳ để khởi sự việc làm mới. Anh nói, “Tôi tự hứa rằng tôi sẽ không để rơi vào một khủng hoảng cổ điển của một người Los Angeles trung niên. Tôi đã làm việc suốt 26 năm trong làng phim ảnh. Tôi đã làm việc tận lực để vươn cao từ cương vị người chiếu máy quay phim trong một rạp hát cho người ngồi trong xe hơi xem, và tôi sẽ không quăng bỏ hết mọi thứ.”

Nhưng nỗi thúc giục muốn giúp thêm trẻ em lại mạnh thêm. Neeson nói, “Tôi không thể ngưng suy nghĩ về ước muốn giúp đỡ. Năm kế tiếp đó, tôi mỗi tháng đều đi tới Cam Bốt để xem xét, đưa thêm trẻ em vào vòng giúp đỡ, thuê thêm nhân viên từ thiện. Tôi nghĩ là tôi sẽ sống ở 2 thế giới – để ra ba tuần lễ/tháng trong các dự án phim ở Hollywood, nơi tôi bay phi cơ vé hạng nhất, dự các lễ trao giải Oscar, tụ tập thân hữu với tất cả những người nổi tiếng, lãnh lương một triệu đô/năm hay nhiều hơn – và rồi gửi tiền sang giúp Cam Bốt. Điều tôi không tính được là cảm xúc đau đớn khi di chuyển giữa thế giới sang trọng này và rồi, trong vòng 24 giờ, đứng giữa một trong những nơi nghèo nhất, kém vệ sinh nhất thế giới, nơi trẻ em và các bà mẹ ngã chết trước mắt bạn vì thiếu chăm sóc y tế đơn giản. Có 2 thế giới hòa nhập như thế là điều tôi không thể sống nổi.”

Thế rồi, giây phút quyết định của Neeson cũng tới. Anh kể, “Có một nam tài tử nổi tiếng tôi đang thương lượng với lúc đó, và chúng tôi trên đường tới nơi sẽ công bố [phim mới]. Tôi đã bay tới Cam Bốt, và anh ta đang tới Tokyo (Nhật Bản). Một trong các bà cụ lúc đó đang hốt hoảng, dẫn tôi tới gặp 4 trẻ em dưới 10 tuổi. Các em đang hấp hối, và không ai có khả năng đưa các em vào bệnh viện. Các em bé này bụi đời mà. Tôi không biết làm gì hết. Thiệt kinh hoàng. Giây phút đó, điện thoại di động của tôi reng lên. Anh tài tử kia gọi cho biết anh và người quản lý của anh đã xuống sân bay ở Tokyo. Anh ta nổi giận vì chúng tôi đã đưa lên phi cơ riêng của anh một vài vật dụng không đúng ý anh. Rồi anh bình tĩnh lại và nói, ‘Đời tôi không phải để gặp khó khăn thế này.’”

“Đó là điều anh nói với tôi trong khi tôi đang đứng nơi đó với các trẻ em hấp hối. Đó là khoảnh khắc làm sáng tỏ nhất, bởi vì tất cả những lo lắng tôi đã có về việc rời bỏ việc làm để sang sống ở Cam Bốt, tất cả nỗi sợ đó, biến mất ngay. Nó biến hẳn. Không có dấu hiệu nào rõ ràng hơn cho tôi thấy rằng tôi đang đi đúng đường. Nó đã biến đổi toàn bộ cái nhìn của tôi. Tôi trở lại Los Angeles và Thứ Hai hôm sau, rời



bỏ công việc trong làng phim ảnh.”

Không phải ai cũng nghĩ rằng đó là lựa chọn đúng. Neeson kể, “Phần còn lại của thế giới nói với tôi rằng tôi khủng rồi, rằng tôi đã có công việc mà ai cũng mơ ước có. Nhưng tôi không muốn nữa.”

Neeson bay sang Cam Bốt, khởi sự lập Cambodian Children's Fund (CCF) vào năm 2004, và hội này làm việc với các cộng đồng nghèo, tập trung quanh bãi rác cũ ở Steung Meancheay, để cung cấp các chương trình về giáo dục, lãnh đạo, tiếp cận cộng đồng, chăm sóc y tế, chăm sóc trẻ em, và dạy nghề.

Neeson nói, “Tôi đã bán chiếc du thuyền của tôi, căn nhà và các xe của tôi. Tôi đã có một màn bán garage sales khổng lồ nhất trước giờ.” Lúc đầu, anh nghĩ là sẽ đưa 80 trẻ em tới trường. “Bây giờ chúng tôi có 2,200 trẻ em đang đi học.”

Khởi sự tu học Phật pháp không phải là một lựa chọn có tính toán của anh. Nó dần dần xảy ra trong khi Neeson sống giữa nền văn hóa Phật giáo của Cam Bốt. Anh nói, “Càng ở đây lâu, tôi một cách vô thức dần dần trở thành Phật tử nhiều hơn.” Điều Neeson biết rõ từ ban đầu là nhằm để tạo ra một biến đổi ý nghĩa cho những người chung quanh anh, anh phải khởi sự bằng cách tự xem xét chính mình.

“Tôi yêu thương các em em này rất mực, và yêu thương những em không bị bỏ rơi nhưng có ba mẹ đã từng bị bỏ rơi thời thơ ấu trong thời Khmer Đỏ.” Neeson giải thích, nhắc tới một chế độ thống trị từ 1975 tới 1979, trong đó ước tính có khoảng 1.5 triệu tới 3 triệu người Cam Bốt bị giết.

Anh nói, “Vâng, những người đó đã học kỹ năng làm ba mẹ, nhưng cũng có nhiều chuyện lạm dụng và nghiện rượu. Do vậy, tôi phải trở thành điều tôi muốn họ vươn tới, và như thế nghĩa là bảo đảm rằng tôi phải lương thiện trong những gì tôi làm và những gì tôi nói.”

Một phần lớn trong việc tu học Phật pháp của Neeson liên hệ tới việc vượt thắng tâm phán đoán của anh. Anh nói, “Bạn đang gặp những trường hợp nghiêm trọng như thế, và có một khuynh hướng bên thế giới Tây phương là phán đoán người ta qua hành động của họ. Tôi

nhận ra rằng tôi đang tự làm kiệt sức mình với những phán đoán. Nó xảy ra cho tôi một hôm rằng tôi chưa bao giờ ở vào hoàn cảnh của họ. Và rồi tôi thấy rằng cách duy nhất để tiếp tục một cách công bằng là phải ngưng tất cả phán đoán và phải giải quyết các chuyện theo từng ngày.”

Không dễ dàng gì. Neeson nói tiếp, “Tôi thấy một số chuyện lạm dụng kinh hoàng đối với trẻ em. Khi tôi đón nhận một trẻ em mới, và cậu bé này đã trải qua một số thời gian kinh hoàng, nó y hệt như là tôi đang nhìn thấy một bình nước xinh đẹp rạn vỡ, hay một chiếc ly như thế. Tôi không làm bể nó, và cũng không có gì để quan tâm rằng tại sao nó [chiếc bình, chiếc ly] này bể. Chỉ là vấn đề phải làm sao cho nó tốt trở lại, hoặc là làm cho nó mới ra, hay là đưa nó về trạng thái nguyên thủy.

“Chúng tôi cung cấp nền giáo dục để làm các em sẽ có những khả năng vươn cao hơn. Do vậy nếu các em học và qua được, các em sẽ học qua hết bậc đại học. Chúng tôi sẽ giúp các em và hỗ trợ các em suốt đường học vấn.”

Nhưng Neeson biết rằng để giúp trẻ em hiệu quả, thường là phải giúp cả gia đình các em. Anh giải thích, “Ngay cả các em 4 hay 5 tuổi cũng đang làm việc vì ba mẹ các em mang nợ, hay đang bệnh, và các em không có lựa chọn nào hết. Do vậy, chúng tôi làm một chương trình đặc biệt, để các gia đình thấy đời sống của họ cải thiện. Rồi thì trẻ em mới có tuổi thơ và không lo lắng gì ngoài chuyện học và làm việc cộng đồng.

“Chúng tôi giúp các gia đình các em với nhiều phúc lợi. Nếu một em đi học, ba mẹ sẽ được chăm sóc y tế miễn phí ở một y viện. Chúng tôi sẽ cung cấp nước sạch tới tận cửa những người bệnh.”

CCF cũng giúp tái tài trợ những người mang nợ.

“Một khoản nợ 200 USD sẽ làm họ phải trả khoảng 1 USD/ngày tới suốt đời họ. Không cách nào thoát nợ. Do vậy, nếu ba mẹ có thể đưa con họ tới trường, và nếu họ không có bạo lực hay lạm dụng chất nghiện, chúng tôi sẽ tái tài trợ món nợ cho họ. Và khi nợ trả dứt xong, chúng tôi giúp gia đình đó mở ra một cơ sở kinh doanh nhỏ, hay có lẽ, mua lại mảnh ruộng gia đình của họ.”

CCF làm việc để giúp hồi phục những phần trong văn hóa truyền thống Cam Bốt nguyên đã bị mất khi bị tàn phá bởi chế độ Khmer Đỏ. Trí tuệ văn hóa đó còn lưu giữ nơi những bậc trưởng lão trong xã hội.

Neeson nói, “Tôi đã để ra nhiều thời gian với các bà cụ, những người trưởng thành trước thời Kher Đỏ, những người vẫn còn nhớ về những ngày cũ. Họ là các Phật tử thuần thành. Tôi lắng nghe họ nói về cuộc đời. Họ đã sống trong những điều kiện gian nan – đi ẩn xin, tìm cách moi thực phẩm từ rác. Hầu hết họ đã mất con trong những ngày Khmer Đỏ.

“Tôi ngạc nhiên về sức chịu đựng của họ

và về khả năng của họ để vượt qua những gì đã xảy ra cho họ. Không cay đắng gì, không thù hận gì như bạn có thể đoán, khi biết những gì họ đã trải qua. Họ đã rất mực từ bi và bây giờ họ vẫn thế.”

Với tiền riêng, Neeson đã trao tặng các bà cụ tiền và gạo mỗi tuần. Rồi anh quyết định là phải bảo đảm trí tuệ của họ phải truyền xuống các thế hệ trẻ hơn. Anh lập ra chương trình lãnh đạo giới trẻ cộng đồng, nhằm cho các em tuổi từ 13 tới 17 một ý thức trách nhiệm, một khả năng nói trước đám đông, và một nhiệt tâm nói lên đòi quyền lợi của họ.

Neeson nói, “Chương trình cũng nhằm dạy cách biết thương xót người khác, một khả năng đáng buồn là đang thiếu vắng nơi đây. Nghèo quá đã làm biến mất lòng thương xót.”

Các trẻ em được dạy thương xót các bà cụ, phải tới chăm sóc các cụ, phải đưa các cụ cơm, thuốc men và các thứ các cụ bà cần tới. Điều này cũng khuyến khích tương tác giữa các thế hệ nhằm giúp giới trẻ học các giá trị truyền thống về Phật giáo, về gia đình và về văn hóa Cam Bốt.

Chăm sóc phụ sản cũng là một ưu tiên của CCF. Neeson nói, “Mới tuần trước, chúng tôi có trường hợp sanh nở thứ một ngàn, và chúng tôi giữ được không trường hợp nào tử vong vì thai sản. Trước kia, tử vong vì thai sản là 6% hay 7% nơi bãi rác này. Chúng tôi chưa mất bà mẹ nào cả.”

Chương trình chăm sóc phụ sản bao gồm thử máu, đưa các bà cụ tới dạy các bà mẹ về chăm sóc tiền sản và hậu sản, và cho giới trẻ cộng đồng trách nhiệm phải báo cáo về bạo lực gia đình. CCF chi trả tiền bệnh viện cho các thai phụ, và các bà mẹ nhận được một “Gói Quà Đón Mừng Em Bé Ra Đời” – gồm găng tay, nón, chiếu có thể giặt rửa, thuốc chống nhiễm trùng, thuốc chống viêm, một mùng chống muỗi và nhiều thứ khác.

Neeson nói, “Rất thực dụng, túi quà đó cho các bà mẹ một ý thức tự hào. Thường, một em bé bị xem là một gánh nặng, có thể làm cho gia đình đó mang nợ. Bây giờ, khi chúng tôi có các khóa huấn luyện hậu sản, họ đều khoe các em bé ra rất là hãnh diện. Tôi làm mọi thứ như





ồ và à, và rồi chụp hình. Tôi có 165,000 tấm hình trong máy vi tính của tôi."

Nhờ hội CCF, trong khu vực Steung Meanchey với 12,000 cư dân, hầu hết trẻ em bây giờ ban ngày được vào trường, với tỷ lệ vắng mặt thấp, nhờ phúc lợi ba mẹ nhận được khi đưa con vào trường. CCF đã xây 400 căn nhà cho các gia đình có cam kết dài hạn để buộc con đi học. Neeson nói, "Chúng tôi đã làm thành những cộng đồng cư dân tốt lành, và nó chiếu sáng ra ngoài. Khi bạn có một cộng đồng gồm 15 gia đình, nơi họ giữ chung các giá trị, những người bên ngoài cộng đồng thấy rằng đó là điều có thể làm được."

"Chúng tôi không áp đặt giá trị riêng của chúng tôi. Chúng tôi không buộc kiêng rượu. Chúng tôi chỉ không muốn họ say hàng đêm. Nếu trẻ em tới trường không nghỉ ngày nào, chúng tôi chỉ tiền mua gạo cho gia đình đó trong tháng. Đó được xem là phúc lợi, nhưng nó là nhân quyền căn bản. Người dân xứng đáng có nước sạch, có đủ thức ăn trên bàn, và có khả năng được chăm sóc y tế."

Neeson nói, "Tôi chưa bao giờ có quá ít và quá nhiều cùng một lúc. Tôi kể như không có gì khi tính về tài sản vật chất. Kỳ lạ là, tôi không cần gì hết. Đó là một cảm giác tuyệt vời. Nó cho bạn một sự tự do tuyệt đối. Bạn không bận tâm gì tới giấc mơ của những người khác, và cũng không thèm muốn gì thêm của cái vật chất."

Neeson có ước mơ sẽ mở rộng mô hình CCF sang các địa điểm khác, nhưng trái tim và năng lực của anh đã gắn chặt trong cộng đồng này. Anh nói, "Tôi không thể rời các trẻ em này, các gia đình này, và các bà cụ này." CCF như thế đã hoạt động được 12 năm.

Còn bé gái 9 tuổi đi ngang qua anh trong ngày đầu anh tới bãi rác này? Neeson nói, "Cô ta bắt đầu vào năm thứ ba đại học trong ngành tài chính và quản trị kinh doanh. Cô ta tự hào và hạnh phúc. Có tới 80% trẻ em nguyên thủy

nơi đây bây giờ đang học ở bậc đại học."

Neeson nói, anh thấy tình yêu chân thực nơi các bãi rác Cam Bốt. Anh nói, "Tôi chưa bao giờ có bất kỳ loại tình yêu sâu thẳm nào. Tôi đã có nhiều đàn dúi tình cảm ngắn hạn. Tôi đã từng có vị trí quyền rũ cấp cao trong làng phim ảnh Hollywood. Đó là một nếp sống tuyệt vời. Người ta hỏi tôi có tiếc bất cứ gì không. Một cách tuyệt đối. Rất là hấp dẫn kỳ lạ để không bao giờ thèm khát tiền, để có sự chăm sóc y tế tốt nhất, và một xe hơi hiệu Porsche và một thuyền buồm đậu ở bến Marina del Rey (ở quận Los Angeles, Calif.) và có một ty cảnh sát để nương tựa khi có gì bất trắc, hay có một bệnh viện gần đó. Thỉnh thoảng, tôi chợt có những nỗi đau khi tôi nhớ như thể và tôi chỉ muốn thư giãn và sống một đời sống tốt."

"Nhưng rồi, nhìn chung tôi sẽ không thay đổi bất cứ gì. Tôi vẫn còn tự hỏi, 'Chuyện gì nếu tôi không tới nơi này? Chuyện gì, nếu tôi không khám phá nơi này, và không có cơ hội biến đổi quá nhiều cuộc đời nơi đây?'"

Neeson đã nói hết mọi thứ trong quan điểm anh, trong buổi sáng tối [Lindsay Kyte] nói chuyện với anh.

Anh nói với tôi, "Tôi mới viết một tấm thiệp gửi một trong các trẻ em hôm nay, và tôi nói là tôi đã có thể rời bỏ Hollywood, rời bỏ tất cả, chỉ để tới riêng với em bé này thôi. Và tôi có ý nói như thế. Có quá nhiều trẻ em mà cuộc đời các em đã biến đổi quá nhiều. Các em đang học luật, tâm lý học, kỹ sư ngành giao thông, và đó là những người trẻ tuyệt vời nhất. Đó thiệt sự là ơn phước cho tôi."

"Tôi không thể nói với bạn về sự may mắn tôi đã có. Một số người sẽ sống trọn đời họ mà không gặp khoảnh khắc thức tỉnh đã xảy ra cho tôi, khi tôi thoát tiên thấy các trẻ em ngày đó ở bãi rác Stung Meanchey. Tôi may mắn."

Hình ảnh và bản văn gốc ở Lion's Roar: <https://goo.gl/as5cuY>

ĐỌC THƠ TRẦN NHÂN TÔNG QUA BẢN DỊCH VIỆT CỦA NGUYỄN LƯƠNG VY

Huỳnh Kim Quang

Dịch thơ vốn là chuyện khó. Dịch thơ chữ Hán của một đại thiền sư khai sáng dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử tại Việt Nam là Tổ Sư Trần Nhân Tông (1258-1308) lại còn vô vàn khó khăn hơn nữa, bởi vì thơ chữ Hán của Thiền Sư Trần Nhân Tông ngoài phẩm chất văn chương trác việt còn chứa đựng nội dung uyên áo của Thiền, của Phật Pháp.

Những nhà thơ Nguyễn Lương Vy đã làm được chuyện khó khăn này một cách rất tuyệt diệu trong tác phẩm “Thơ Trần Nhân Tông” vừa được nhà sách Amazon phát hành vào đầu tháng 5 năm 2017.

Không ngờ nhà thơ Nguyễn Lương Vy lại rành chữ Hán đến thế! Trước giờ chỉ biết anh làm thơ hay và dĩ nhiên rành từ Hán Việt, nhưng không biết anh giỏi chữ Hán. Nhân đọc tác phẩm “Thơ Trần Nhân Tông,” mới tò mò dò hỏi về duyên do vốn liếng chữ Hán mà anh có. Anh kể cho nghe thời thơ ấu sống với ông nội là một nhà Nho nên được ông cụ dạy chữ Hán từ nhỏ. Rồi khi lớn lên vào Đại Học Văn Khoa Sài Gòn trước năm 75 lại có dịp văn ôn võ luyện nên mới thành thạo.

Nhà thơ Nguyễn Lương Vy cho biết từ lâu anh rất hâm mộ nhân cách siêu việt và cũng rất mê thơ của Thiền Sư Trần Nhân Tông cho nên, không những dịch 36 bài thơ chữ Hán của ngài, anh còn viết một bài giới thiệu dài gần 60 trang sách về những bài thơ, phú của ngài.

Trong tác phẩm “Thơ Trần Nhân Tông,” nhà thơ Nguyễn Lương Vy làm việc rất công phu và khoa học. Mỗi bài thơ của Thiền Sư Trần Nhân Tông anh đều có phần nguyên văn chữ Hán, dịch âm sang Hán Việt, dịch nghĩa bài

thơ, phỏng dịch thơ theo thể loại từng bài thơ, và còn có phần ghi chú công phu về điển tích và thuật ngữ để giúp người đọc hiểu rõ hơn.

Khi dịch thơ của Thiền Sư Trần Nhân Tông sang tiếng Việt, nhà thơ Nguyễn Lương Vy đã làm được điều hiếm có là anh đã dịch sang chữ Việt hiện đại hoàn toàn chứ không còn giữ

nhiều từ Hán Việt, trừ vài trường hợp là những thuật ngữ Phật Học đã thông dụng, cho nên làm người đọc rất dễ hiểu nội dung của bài thơ. Điều này phù hợp với nhu cầu thực tế hiện nay khi mà ngày càng có ít người Việt có thể đọc và hiểu được chữ Hán để thẩm thấu được tinh hoa của nền văn hóa và văn học cổ nước nhà.

Nhờ vốn là nhà thơ đã xuất bản hàng chục thi phẩm, nhà thơ Nguyễn Lương Vy đã dịch thơ và lột tả được ý nghĩa trọn vẹn của nó từ bố cục, âm luật cho đến tứ thơ theo từng thể loại của nguyên tác, gồm những bài thơ “ngũ ngôn tứ tuyệt [năm chữ bốn câu],” “thất ngôn tứ tuyệt [bảy chữ bốn câu],” hay “thất ngôn bát cú [bảy chữ tám câu].”

Xin đọc vài bài thơ trong tác phẩm “Thơ Trần Nhân Tông” để cống hiến cho độc giả thưởng lãm văn chương

của Trần Nhân Tông và tài dịch thơ của nhà thơ Nguyễn Lương Vy.

Trước hết là bài “Lạng Châu Văn Cảnh”. Bài này được Vua Trần Nhân Tông cảm tác khi đến thăm một ngôi chùa cổ tại Lạng Châu ở tỉnh Lạng Sơn thuộc miền Bắc Việt Nam. Nguyên tác chữ Hán của bài thơ như thế này:

*Cổ tự thâm thu ái ngoại,
Ngư thuyền tiêu sắt mộ chung sơ.
Thủy minh sơn tỉnh bạch âu quá,
Phong định vân nhàn hồng thụ sơ.*



Thiền sư Trần Nhân Tông (1258-1308) là một trong những vị sư nổi bật nhất của Thiền Trúc Lâm Yên Tử. Ông đã sáng lập ra dòng Thiền này và có nhiều đóng góp cho văn hóa và nghệ thuật Việt Nam.

Nguyễn Lương Vỹ dịch nghĩa:

Cảnh Chiều Ở Châu Lạng

Ngôi chùa xưa sâu hiu hắt sau lớp mây
khói mùa thu,

Chiếc thuyền câu cá buồn bã hiu quạnh,
tiếng chuông chùa buổi chiều bắt đầu vang lên.

Nước trong veo, núi yên tĩnh, chim âu
trắng bay qua,

Gió lặng yên, mây nhàn nhã, cây lơ thơ sắc
lá đỏ.

Dịch thơ:

Chùa xưa sâu ngất, mây thu nhuốm,

Thuyền cá buồn tênh, chuông chiều rơi.

Núi tạnh nước trong, âu trắng lượn,

Gió lặng yên, lá đỏ phơi.

Thiền Sư Trần Nhân Tông đến thăm chùa
vào một buổi chiều vắng vẻ chỉ có tiếng chuông
chùa lên lên ngân vang trong
gió lặng, mặt nước sông yên
tĩnh và đàn chim trắng bay
lượn, với những chiếc lá thay
màu đỏ rực. Phong cảnh thật
là đẹp! Bản dịch Việt của
Nguyễn Lương Vỹ dùng chữ
rất giản dị nhưng trong đó có
màu sắc của họa, có âm giai
của nhạc, và có cả cõi lòng
sâu thẳm của khách viếng
chùa. Tuyệt diệu nhất là hai
câu đầu:

Chùa xưa sâu ngất, mây
thu nhuốm

Thuyền cá buồn tênh,
chuông chiều rơi.

Ở câu đầu, nhà thơ
Nguyễn Lương Vỹ dùng vần
trắc “ngất,” “nhuốm” để
miêu tả nỗi quạnh hiu cao
chất ngất của chốn sơn môn
tịch mịch. Rồi câu kế, khi
nghe tiếng chuông chùa
ngân lên thì dịch giả lại dùng
chữ vần bằng “tênh,” “rơi” để
diễn tả tâm trạng trầm buồn
theo tiếng chuông chùa rơi.

Bài thơ dài nhất trong cuốn “Thơ Trần
Nhân Tông” là bài “Hữu Cú Vô Cú” [Câu Có Câu
Không], với 9 đoạn và mỗi đoạn 4 câu, mỗi câu
4 chữ, tổng cộng 36 câu. Bài thơ, đúng ra là
bài kệ, vì chứa đựng lời dạy khai thị bản chất
duyên sinh vô tánh của ngôn ngữ và tất cả các
pháp để giúp người siêu việt đối đãi nhị nguyên
và vọng chấp có không.

Nhà thơ Nguyễn Lương Vỹ rất tâm đắc bài
kệ “Hữu Cú Vô Cú” này vì ông cho rằng đây là
bài kệ quan trọng trong các bài thơ của Trần
Nhân Tông. Bởi thế ông đã dành gần chục
trang trong bài giới thiệu về thơ của Thiền Sư
Trần Nhân Tông để nói về bài kệ này. Đặc biệt
là 2 đoạn kệ sau đây:

Hữu cú vô cú,

Tự cổ tự kim.

Chấp chỉ vong nguyệt,

Bình địa lục trầm.

Hữu cú vô cú,

Như thị như thị.

Bất tự đả khai,

Toàn vô ba tị.

Nguyễn Lương Vỹ đã dịch rằng:

Câu Có câu Không.

Xưa nay vậy đó.

Nhớ ngón quên trăng,

Vùi thầy đất nọ.

Câu Có câu Không,

Vậy đó vậy đó.

Tắm chữ mở tung,

Còn gì để nói?!

Bài kệ đầu đề cập đến tích nhà Phật ngón
tay chỉ mặt trăng. Ngón tay là phương tiện là
Phật Pháp. Mặt trăng là chân tâm, là niết bàn.

Nếu cứ dán mắt vào ngón tay
thì sẽ không thể nào thấy
được mặt trăng. Cũng vậy
nếu chấp vào có và không thì
sẽ không thể nào buông xả
mọi pháp để đắc đạo. Bài kệ
kế tiếp có nói đến tích tám
chữ mở tung [bất tự đả khai
– sanh diệt diệt dĩ, tịch diệt
vi lạc – sinh diệt hết rồi,
vắng lặng là vui] để nói đến
sự vượt thoát sinh diệt để
chứng nhập niết bàn tịch
diệt. Dùng chữ “mở tung” để
diễn tả trạng thái bùng vỡ và
siêu thoát lên mọi thứ sinh
diệt, thì thật là hay.

Bài thơ số 36 cũng là bài thơ
cuối cùng trong tập sách
“Thơ Trần Nhân Tông” mà
nhà thơ Nguyễn Lương Vỹ
trích dịch là một bài thi kệ
trích từ bài phú nổi tiếng “Cư
Trần Lạc Đạo” của Thiền Sư
Trần Nhân Tông. Bài thi kệ
này cũng là pháp ấn tâm yếu
của Thiền Phái Trúc Lâm Yên
Tử.

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,

Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.

Gia trung hữu bảo hựu tâm mịch,

Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.

Nhà thơ Nguyễn Lương Vỹ dịch rằng:

Ở đời vui đạo, cứ tùy duyên,

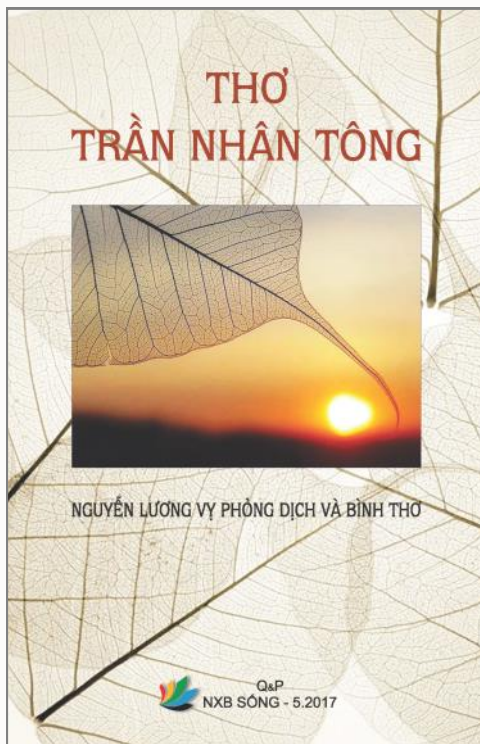
Đối phải ăn thôi, mệt ngủ liền.

Của quý trong nhà, tìm đâu nữa,

Vô tâm đối cảnh, hỏi chi thiền?!

Bản dịch Việt lời lẽ rất bình dân giản dị đọc
qua ai cũng hiểu, nhưng vẫn không đánh mất ý
chỉ cốt lõi của Thiền Sư Trần Nhân Tông muốn
dạy người tu. Cốt tủy ở đây chính là “đối cảnh
vô tâm.”

Chữ “vô tâm” rất khó dịch. Nên xưa nay
các nhà dịch đều để nguyên như vậy. Hơn nữa





chữ này cũng đã Việt hóa rồi. Đọc qua ai cũng hiểu được phần nào ý nghĩa của nó. Chữ này có thể dịch là "tâm không," tức là tâm rỗng lặng, không vướng mắc thứ gì, dù rất tỉnh giác, chứ không mơ hồ, mê muội. Vô tâm ở đây chính là tâm không dính mắc vào trần cảnh lúc tiếp xúc, giống như gió thổi qua nhà trống, mây bay thông dong trên bầu trời. Mọi trôi buộc đều bắt đầu từ chỗ dính mắc, chấp trước. Cho nên, đức Phật dạy trong Kinh Kim Cang Bát Nhã rằng, "*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*." Tức là tâm không trụ trước, không dính mắc đối với tất cả pháp. Có thể đạt được vậy bởi vì nhờ trí tuệ Bát Nhã quán chiếu tất cả pháp đều do duyên sinh, không có tự tánh, không có

ngã, không có chủ thể. Tâm cũng thế, cũng rỗng rang không tự tánh, không có ngã. Tu được như vậy thì sống ở đâu cũng an lạc, không khổ. Ở đâu cũng là niết bàn. Đó chính là của quý trong nhà rồi còn gì. Đi tìm đâu cho xa. Nhưng làm được thì không dễ!

Giữa thời đại mọi người đang chạy theo những tiện nghi của nền văn minh vật chất hiện đại, hầu như, ít có người còn nhớ tới di sản văn hóa, văn học vô giá của tiền nhân, nhà thơ Nguyễn Lương Vỹ đã tận tụy ngồi dịch từng bài thơ của Thiền Sư Trần Nhân Tông là một việc làm nhiều ý nghĩa, lợi lạc và đáng tán dương.

Một dân tộc mà di sản văn hóa, văn học và tư tưởng bị lãng quên thì dân tộc đó có thể đánh mất quá khứ, đánh mất ký ức, đánh mất truyền thống cao đẹp nghìn năm của mình! Nhất là di sản đó của một vị minh quân của dân tộc đã từng 2 lần đánh bại quân Nguyên Mông xâm lăng Nước Đại Việt thời Nhà Trần như Vua Trần Nhân Tông. Xin cùng nhau giữ gìn di sản vô giá của tiền nhân.

Tri ân Thiền Sư Trần Nhân Tông.

Cảm ơn nhà thơ Nguyễn Lương Vỹ.

Bài này chỉ giới thiệu sơ sài đôi nét độc đáo của bản dịch Việt thơ chữ Hán của Trần Nhân Tông. Độc giả muốn thưởng thức trọn vẹn bản dịch Việt thì nên đặt mua sách "Thơ Trần Nhân Tông" của nhà thơ Nguyễn Lương Vỹ ở địa chỉ nhà sách Amazon: www.amazon.com



Chiếc chìa khóa

nguyên tác "Kagi" của Hoshi Shinichi

QUỲNH CHI dịch



Cuộc đời của người đàn ông ấy không thể nói là sung sướng được. Từ trước đến nay vẫn là thế, và bây giờ cũng vậy thôi. Tuy nhiên cũng không hẳn là bi đát đến nỗi phải lúc đói lúc no.

Tình trạng ấy quả là dở dở ương ương nhất. Là vì, nếu mà sung sướng, thì như thế cũng có thể mãn nguyện rồi. Còn nếu là bi đát quá không tài nào ngoi lên được, thì có thể an phận, thôi thì đành chịu vậy. Nhưng tâm trạng của người ấy chẳng phải là bên nào cả, nên lúc nào cũng không ngớt chờ đợi một điều gì đó, như cây cỏ buổi ban trưa nắng hạn chờ mưa.

Cũng vì thế, mà có lẽ người đàn ông ấy thành ra hay chú ý đến mọi thứ. Một buổi tối, người ấy nhặt được một chiếc chìa khóa bên vệ đường, trên lối đi yên tĩnh đã vắng bóng người. Chiếc chìa khóa hơi sáng lên dưới ánh đèn đường mờ mờ tối.

Người đàn ông nhặt lên, thấy đó chỉ là chiếc chìa khóa thì hơi thất vọng. Chỉ có thể thôi, thì biết vậy đã lấy mũi giày đá văng đi, và bỏ đi thì hơn. Nhưng đã lỡ nhặt lên mà đem vút cũng mất công, nên bèn cho vào túi. Vì vậy, nói gì đến chuyện còn chịu khó cất công đem đến khai báo ở đồn cảnh sát.

Vài hôm sau, người đàn ông mới nhớ đến chiếc chìa khóa ấy bởi mấy đầu ngón tay cho vào túi quần. Để giết thì giờ, người ấy đặt chiếc chìa khóa lên lòng bàn tay và nhìn kỹ lại.

Nhìn vào lúc ban ngày, chiếc chìa khóa trông có vẻ gì

khác thường. Hình dáng khác hẳn với những chiếc chìa khóa thường thấy đây rầy ra đây. Hoa văn chạm trổ trên chiếc chìa khóa trông có vẻ như của nước ngoài. Nhưng tuy nói rằng có vẻ như của nước ngoài, xong cụ thể là ở đâu thì cũng chịu, chẳng đoán ra được là vùng nào. Quả là huyền bí. Hơn nữa chiếc chìa khóa vừa có vẻ như hãy còn mới, mà lại vừa tưởng chừng như một món đồ từ thời cổ đại xa xưa. Chiếc chìa khóa làm bằng một chất nặng nặng có màu bạc, nhưng đó là chất gì thì không biết. Một chất liệu cứng, khi gõ vào vang lên những thanh âm trong trẻo thật hay.

Người đàn ông mới nghĩ rằng có thể đó là một món đồ rất quý. Người ấy bèn đọc đi đọc lại thật kỹ những tờ báo trong mấy ngày qua. Nhưng chẳng có bài báo nào đăng tin có chiếc chìa khóa quý bị mất, cũng chẳng có yết thị tìm người nhặt được.

Không chừng đây là chìa khóa của một dinh thự của người nhà giàu ở đâu đó. Người đàn ông tưởng tượng thế. Hẳn là cũng có người muốn có chiếc chìa khóa khác với những chìa khóa thường thấy bán ở hiệu. Có lẽ đây là chiếc chìa khóa đặc biệt do một người như thế bỏ tiền ra đặt làm.

Dùng chiếc chìa khóa này lên vào lúc chủ nhà đi vắng, có thể lấy được những thứ đáng tiền không chừng. Ban đầu chỉ là chợt nghĩ đùa thế thôi, nhưng dần dần ý nghĩ ấy một rõ hơn trong đầu. Cho dù đang lên vào nhà mà bị

bắt gặp, cứ nói rằng mình đem chìa khóa nhặt được đến cho họ, thì cũng là có cơ để biện bạch. Là vì, để xác nhận xem ai là người chủ đã đánh rơi chiếc chìa khóa, thì không còn cách gì khác là dùng nó để mở khóa.

Nếu trót lọt thì thu được một món hời, còn lỡ thất bại cũng không nguy hiểm là mấy. Người đàn ông nghĩ thế rồi bèn bắt đầu hành động, thực hiện kế hoạch. Bắt đầu từ những nhà ở gần chỗ nhặt được chiếc chìa khóa, người ấy đã đến gần cửa một vài ngôi nhà sang trọng đường bệ và lên mở thử.

Đôi lần hành vi ấy bị bắt gặp và bị mắng mỏ. Xong chỉ thử mở xem có đúng là khóa của chiếc chìa khóa ấy không thôi, thì cũng không thể gọi là phạm pháp được, nên cũng chỉ bị mắng chứ không bị gì hơn.

Phạm vi hoạt động của người đàn ông ngày càng mở rộng hơn. Xong rốt cuộc, vẫn chưa gặp được cánh cửa nào mở được bằng chiếc chìa khóa ấy. Để có việc đến một tòa nhà cao tầng nào thì nhân thế, người đàn ông lại tra chiếc chìa khóa vào ổ khóa nơi cánh cửa của mọi căn phòng ở đấy.

Thế nhưng, hầu hết là không có ổ khóa nào mà chiếc chìa khóa ấy có thể tra vào được. Cho dù có tra vào được thì cũng không xoay được. Họa hoằn mà có xoay được, cũng chỉ là xoay không mà không có kết quả gì.

Người đàn ông hiểu ra rằng không dễ gì mà gặp được. Xong người ấy vẫn không nao núng, vì không thể không nghĩ rằng chiếc chìa

khóa sẽ đem đến cho mình một điều gì đó thật hạnh phúc tuyệt vời. Thình thoảng người ấy nói với chiếc chìa khóa trong lòng bàn tay.

- Có lẽ là chìa khóa mở cánh cửa hạnh phúc cho ta đấy nhỉ.

- Phải đấy.

Chiếc chìa khóa sáng lóe lên như thể đáp lại như vậy. Có thể đó chỉ là ảo giác của người đàn ông đang mãi mê tìm cách mở bằng chiếc chìa khóa. Xong người ấy thực sự tin vào câu trả lời này.

- Mở cái gì, ở đâu thì được nhỉ?

Người đàn ông hỏi tiếp, thì chiếc chìa khóa lại lóe sáng một cách khó hiểu, ra chiều muốn nói điều gì đó, nhưng phức tạp và mơ hồ, không thể nào đoán ra được. Tóm lại là vẫn không có được giải đáp nào cả.

Giữa hy vọng và tuyệt vọng, người đàn ông vẫn tiếp tục tái diễn hành vi ấy để tìm sự hiện hữu của cái ăn khớp với chiếc chìa khóa.

Người đàn ông ấy đã thử cắm chiếc chìa khóa vào không biết bao nhiêu ổ khóa, nhiều không kể xiết. Thế nhưng, tất cả đều chẳng được ổ khóa nào đón nhận, để chỉ hứng lấy sự cự tuyệt trong vô vọng. Đôi khi người ấy cũng đã toan bỏ cuộc. Nhưng lại có linh cảm rằng lần tới biết đâu sẽ gặp được một cái thật là ăn khớp, cho nên đã không đi đến quyết định dừng lại.

Cứ cắm đầu cắm cổ chạy quanh bạ đâu xâu đấy là hỏng. Phải nghĩ ra cách nào cho ra đầu vào đấy, ít tốn công vô ích mới được. Người đàn ông nghĩ lại phản tỉnh đôi chút, mới bèn đến hiệu khóa, làm bộ thản nhiên nói thế này:

- Có một cụ già đang trí người quen của tôi không tài nào nhớ ra được chìa khóa này là chìa khóa gì, nên cụ đang lúng túng không biết làm sao. Ông làm ơn cho biết cái chìa khóa này là để dùng cho cái gì.

Nhân viên ở hiệu ấy cầm chìa khóa lên ngắm nghía,



đoạn lắt đầu nói:

- Hiệu chúng tôi có đủ thứ chìa khóa, nhưng chưa bao giờ thấy có cái nào giống cái này. Có lẽ là vì sở thích hay chỉ để chơi cho vui, mà có người nào đó đã đặt làm riêng cho họ.

Người chủ hiệu đã có tuổi đang ở trong góc hiệu nghe chuyện thì liền đi ra xem, nhưng rồi cuộc cũng trả lời giống như thế.

Người đàn ông còn đến cả viện bảo tàng, nói riêng với họ xin cho thử tra chiếc chìa khóa vào ổ khóa của các thứ như những chiếc hộp từ thời cổ đại trưng bày ở đấy. Nhưng chẳng có cái nào vừa cả. Nhân viên của viện bảo tàng bảo:

- Chúng tôi không rõ từ đâu mà ông có được chiếc chìa khóa ấy, và tại sao mà ông lại tận tình điều tra như thế, nhưng ở đây không có cái nào hợp với chiếc chìa khóa ấy đâu ạ.

Rồi họ dẫn cho vào tận trong kho chứa tư liệu, cho xem những tuyển tập ảnh của những loại chìa khóa ở khắp đồng tây kim cổ. Trong đó có rất nhiều loại chìa khóa, khóa to, khóa nhỏ, khóa có ý nghĩa lịch sử, khóa đẹp, khóa kiểu mới nhất. Thế nhưng không tìm thấy trong đó cái nào giống như chiếc chìa khóa mà người đàn ông đã nhặt được. Người đàn ông

cảm ơn rồi ra khỏi viện bảo tàng.

Thế nhưng người đàn ông vẫn không ngừng nỗ lực đi tìm cho ra cái tượng ứng với chiếc chìa khóa. Ở đây đang hiện hữu một chiếc chìa khóa, thì ở đâu đó phải tồn tại một cái sẽ được mở ra bằng chiếc chìa khóa ấy. Ất là phải có. Mà nếu đã có, thì ắt là có thể tìm ra được. Và phải tìm cho ra.

Người đàn ông như đã bị chiếc chìa khóa mê hoặc, hớp hết cả hồn vía, cứ tiếp tục mãi miết đi tìm. Cứ tưởng tượng ra cảm giác hào hứng, mãn nguyện và niềm hạnh phúc khi tìm tới được đến đích, thì nề hà gì những điều như là mệt mỏi.

Tính cách dị thường trong hành vi của người đàn ông về chiếc chìa khóa khiến mọi người chung quanh phải chú ý. Nó đã qua khỏi giai đoạn lén lút, mà mặc nhiên trở thành công khai. Thế nhưng vẫn chẳng thấy có ai nghe tin đồn nên tìm đến nhận chiếc chìa khóa ấy, bảo là của mình, mà đòi trả lại. Cũng có kẻ nửa đùa nửa thật đến bảo thế, nhưng lại không chìa ra được cái ăn khớp với chiếc chìa khóa ấy, nên bị lộ tẩy ngay là bịa đặt.

Hết rảnh rồi là người đàn ông đi du lịch đó đây. Tuy là đi bằng tiền chắt bóp dành dụm được, nhưng đó là những chuyến đi đeo đuổi điều hằng mong đợi, nên không hề thấy

gian khổ. Và người ấy đã đến thăm đủ mọi công trình kiến trúc để thử chiếc chìa khóa, đi khắp đó đây hỏi thăm xem có chiếc hộp hay cánh cửa nào đang gặp rắc rối vì không mở được hay không.

Nhưng đến nước nào hay vùng nào, nỗ lực của người ấy cũng không được đền đáp. Mỗi lần như thế, người đàn ông lại để chiếc chìa khóa trên lòng bàn tay mà thở dài. Hơi thở phả ra làm cho chiếc chìa khóa hơi bị mờ đi, nhưng ngay sau đó lại sáng lấp lánh trở lại, như thể lóe lên thì thăm, nửa như gât đầu nửa như bồn cợt, rằng "Chưa đâu ạ."

Người đàn ông lại lấy lại nghị lực, tiếp tục những chuyến đi vô định nhưng tràn đầy hy vọng. Những chuyến đi không biết bao giờ mới kết thúc.

Người đàn ông đã thử đi thử lại không biết bao nhiêu lần, đã ném mùi thất bại không biết bao nhiêu lần. Nhưng càng lúc lại càng cố đeo đuổi hơn. Chỉ cần tìm ra cái có thể mở bằng chiếc chìa khóa này thôi là giải quyết được mọi sự. Chắc hẳn là từ đó sẽ mở ra một thế giới rực rỡ tưởng chừng không thể nào ngờ được, phong phú muôn màu, có tiếng nhạc du dương.

Có khi người đàn ông nằm mơ thấy chỗ muốn tìm đến. Có khi đó là chiếc hộp, là cánh cửa, hay là một cái được bố trí rất lạ lùng. Vừa cảm nhận được là ổ khóa vừa khít với chiếc chìa khóa, người ấy liền xoay chìa khóa một vòng. Nổi xúc động và niềm vui khiến người đàn ông bất giác đã reo lên thành tiếng. Nhưng liền tỉnh giấc bởi tiếng reo của chính mình, và thế là tàn một giấc mơ. Trong mơ nên cũng không biết là bên trong hộp hay trong cánh cửa ấy, ổ khóa đã chuyển động như thế nào.

Người đàn ông vẫn hăm hở sống chỉ vì thế. Đó là lẽ sống của người ấy. Người ấy tiếp tục sống với những gợn sóng lòng xao động, thắc thỏm, rạo rực, thất vọng, hay tự dằn vặt mình.



Năm tháng dần trôi, người đàn ông đã già đi. Cùng với tuổi già, một thứ tình cảm khác cũng nảy nở. Đó là cảm giác mệt mỏi. Vì đã gắng sức không ngừng đi đây đó luôn, nên cảm giác mệt mỏi bắt đầu ẩn náu trong tâm hồn người ấy. Hơn nữa, đó cũng là do sự suy yếu về thể xác.

Mỗi lần đi ra đường, thì quả là người đàn ông vẫn thử đi thử lại chiếc chìa khóa, nhưng số lần đi ra ngoài thưa dần, bước chân cũng chậm chạp hơn. Thế rồi cuối cùng, hầu như người ấy không còn bước ra khỏi cửa nữa.

Đồng thời, trong lòng người đàn ông dần dà cũng có sự thay đổi. Đó là ý tưởng muốn bỏ cuộc, điều mà trước đây người ấy không hề nghĩ tới, thì nay đã bắt đầu chớm nở, rồi lớn dần lên. Có lẽ là không được rồi. Mình đã cố gắng đến thế rồi mà vẫn không tìm thấy đâu cả. Có lẽ phải nói là số mình không may. Có lẽ đã đến lúc đành phải bỏ cuộc thật rồi cũng nên.

Mà cũng có thể là chiếc chìa khóa này chẳng có ý nghĩa gì cả, chỉ là một loại đồ vật để trang trí cũng không chừng. Tuy thế, thử xem kỹ lại, thì không thể không nhận ra rằng người ta đã cố làm cho nó có tính thực dụng. Thành ra cũng không hẳn là

chỉ vì lòng luyến tiếc của người đàn ông thôi đâu.

Tuy nói là đành bỏ cuộc, nhưng người đàn ông vẫn không thể dứt khoát mà vứt chiếc chìa khóa ấy đi được. Lâu nay chiếc chìa khóa là một vật bất ly thân, đã cùng sống, cùng đi đó đây, vui buồn có nhau, cùng trải qua một cuộc đời với người ấy.

Người đàn ông bèn nghĩ ra một cách, là tới hiệu khóa, đặt làm một cái như thế này.

- Làm ơn làm cho tôi một cái ổ khóa hợp với chiếc chìa khóa này, để gắn vào cánh cửa phòng trong nhà.

- Ông khách đặt hàng gì mà lạ thế. Thường thì người ta bị mất chìa khóa nên đặt làm chiếc chìa khác cho hợp với ổ khóa, đã có vài lần có người đến đặt làm như thế. Dĩ nhiên là chúng tôi có thể làm được thứ hàng mà ông đặt. Nhưng mà đắt lắm đấy ạ.

- Không sao, đắt cũng được ạ.

Người đàn ông thật lòng đáp. Đã gần đến cuối đời rồi. Sống quãng đời còn lại cùng với kỷ niệm. Đó là cách sống thích hợp nhất, không còn cách nào hơn.

Chẳng bao lâu ổ khóa đã làm xong, và được gắn vào cánh cửa phòng của người đàn ông. Người đàn ông lui về phòng, đóng cửa lại, tra chìa khóa vào ổ khóa và xoay chiếc chìa khóa. Cảm xúc khi chiếc

thìa ăn vào ổ khóa truyền đi khắp người qua hệ thần kinh trong cơ thể như thể là đang bị cù nhẹ. Âm thanh mơ hồ vang lên như tiếng nhạc thanh thoát rung đến tận hốc tai.

Một cảm xúc mà người đàn ông hằng khao khát. Dĩ nhiên thực tế thì không hẳn là theo cung cách mong muốn, thế nhưng bây giờ thế là đã có một cánh cửa thích hợp cho chiếc thìa khóa. Một cánh cửa thực sự chứ không còn là ảo ảnh.

Một cảm giác an bình, như thể là yên tâm, hay mãn nguyện hơn cả mong đợi, tràn ngập cõi lòng. Biết vậy đã làm như thế này sớm hơn. Thế nhưng, cũng là vì bây giờ nên mới có thể nói như thế, chứ khi còn khỏe thì chắc hẳn là đã không nghĩ thế đâu.

Đêm đến, lâu lắm rồi, quả là lâu lắm rồi, người đàn ông mới lặng lẽ chìm vào giấc ngủ. Có thể là do mệt mỏi từ lâu nay đã dồn cả lại. Giấc ngủ thật bình yên...

Thế nhưng, vào lúc nửa đêm. Người đàn ông nghe thấy tiếng xoay của chiếc khóa, và cảm thấy như là cánh cửa đang mở ra. Trong bóng đêm, người đàn ông chợt nhận ra điều đó và bị rơi vào một cảm giác không thể nào diễn tả hết được. Đó là nỗi kinh hoàng.

Một điều không thể nào tin được. Người đàn ông đã bỏ phí cả đời mình, đã mài miết ra sức tìm kiếm đến thế mà vẫn không tìm ra được ổ khóa thích hợp cho chiếc thìa khóa ấy. Cái tương thích với chiếc thìa khóa ấy không tồn tại trên đời này. Ngoài cánh cửa kia ra, không hề tồn tại một cái nào khác. Mãi cho đến khi người đàn ông hiểu ra được điều đó, và hơn nữa là ngay trong đêm đầu tiên, vậy mà có một kẻ không biết là ai đã mở được cửa đi vào phòng...

Có vẻ như là kẻ đó đang tiến lại gần. Người đàn ông trèm chân, cầu mong đó chỉ là một giấc mơ, cố tin rằng mình đang nằm mơ. Mà thực sự thì đó là chuyện trong mơ cũng không chừng.



- Ôi, không thể tin rằng đây là người thật ở trên đời này.

Người đàn ông vừa run lấy bấy vừa nói. Tức thì có một giọng nữ đáp lại:

- Vâng, đúng vậy.

Một giọng nữ nghe thật dịu dàng. Thế nhưng đó là kẻ đã mở cánh cửa kia mà đi vào, một nhân vật không thể lường tượng ra được là ai. Kẻ đó lại khẳng định rằng mình không phải là người ở trên đời này. Không biết là chuyện gì sẽ xảy ra, mình sẽ gặp phải chuyện gì đây. Hay đó là cái chết cũng không chừng. Nếu là cái chết thì mình sẽ chết thôi, âu cũng là chuyện đã đành. Thế nhưng, dù sao thì cũng phải hỏi cho ra điều bí ẩn này. Người đàn ông bèn lấy hết can đảm ra hỏi.

- Người là ai, vì sao mà lại tới đây vậy?

- Ta là nữ thần Hạnh Phúc. Chiếc thìa khóa ấy là do chính ta cố tình đánh rơi đấy. Vì ta định tạo ra một người mà ta muốn giúp sức. Nhà người đã nhặt chiếc thìa khóa ấy lên, nên thế là đã có được tư cách ấy. Cuối cùng nhà người đã làm cánh cửa ổ khóa cho ta. Vì thế mà ta đến thăm nhà người ngay đây.

Có lẽ đó là nữ thần Hạnh Phúc thật cũng không chừng. Giọng nói ấy không phải là của người bình thường, một giọng nói êm dịu vắng lại như từ trong mơ. Người đàn ông lại hỏi:

- Nếu thế, tại sao Người không đến sớm hơn, tại sao nếu không có cửa thì Người không tới?

- Ô, đó là vì nghi thức ban Hạnh Phúc phải được cử hành thật kín đáo. Chỗ nào mà người khác có thể lọt vào là không được. Cần phải có một chỗ cho riêng người đó và ta, ngoài ra không một ai được phép vào đó cả.

- Ra là thế...

- Nào, nhà người muốn được hạnh phúc như thế nào? Tiền tài hay danh vọng, một tình yêu tuyệt vời, hay vinh quang chói lọi, muốn gì cứ nói đi. Ngoại trừ trường sinh bất tử hay cải lão hoàn đồng, còn thì bất cứ điều gì cũng được cả.

Sau một lúc lặng thinh, từ trong bóng tối, có giọng nói khàn khàn của người đàn ông đáp lại:

- Tôi không cần gì cả. Cái mà tôi cần bây giờ chỉ là kỷ niệm, thì tôi đã có rồi.

Quỳnh Chi dịch từ nguyên tác "Kagi" của **Hoshi Shinichi**

HÌNH ẢNH ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ III TẠI NIỆM PHẬT ĐƯỜNG FREMONT, THÀNH PHỐ FREMONT, CALIFORNIA NGÀY 11.6.2017



Photos by Võ Văn Trường

TRỞ VỀ MỤC LỤC

HÌNH ẢNH AN CƯ KIẾT HẠ TẠI NIỆM PHẬT ĐƯỜNG FREMONT, THÀNH PHỐ FREMONT, CALIFORNIA TỪ NGÀY 12 ĐẾN NGÀY 22.6.2017



Photos by Võ Văn Tường

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

*Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ
Bụi đường dài gót mỗi đi quanh
Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ
Suối nguồn xa ngược nước xuôi ngàn.*

Tuệ Sỹ

Chương một

Từ tháng mười, ở Hội An thỉnh thoảng có những cơn mưa lớn, lạnh. Những ngày kế tiếp không mưa, sương mù giăng ngập mỗi sáng. Từ hiên nhìn ra vườn chỉ thấy một màu trắng xóa như bông. Lạnh cắt da. Chẳng ai muốn ra vườn sớm. Chỉ khi nắng lên cao mới thấy vài người xăn tay hái rau hay xăm đất cho những luống cải xanh còm đẫm sương trên bẹ lá. Chim chóc, côn trùng hình như cũng đợi chờ cho đến lúc con người làm việc mới chịu cất tiếng ríu rít, rì rả để chào đón một ngày mới. Có tiếng lóc cóc, lục cục của mấy chiếc xe bò lăn trên đường nhựa. Có con bò vui miệng kêu ọ lên một tiếng làm cho con chó nào đó đang ngon giấc, phải giật mình sủa rân.

Vụ lúa mùa này vừa cấy xong hai hôm trước. Chúng tôi được nghỉ ngơi vài ngày để chuẩn bị công việc khác: trồng rau, đậu, bắp... Cho nên sáng nay tôi mới rảnh rỗi đứng ở hàng hiên, nhìn ngắm nắng mai chan hòa trên khu nghĩa địa quanh vườn chùa.

Những mộ bia cái lớn cái nhỏ, chen chúc nhau như giành đất. Vài ngôi mộ được xây đồ sộ, có mái che, có hàng rào và cổng khóa tươm tất. Trong khi đó, nhiều ngôi mộ khác chỉ được vùi lấp sơ sài; có bia chẳng cũng chỉ là những miếng gỗ nhỏ mà mưa nắng bốn mùa đã biến chúng thành những thanh củi mục, chơ vơ, hoang lạnh. Từ xã hội chết là khu nghĩa địa, người ta vẫn có thể nhận dạng được vẻ phức tạp nhiều khê của xã hội sống bên ngoài. Vậy

mới biết, cái động của lòng người làm cho cái tĩnh của vạn vật cũng phải lung lay theo...

Tôi khoác thêm bên ngoài chiếc áo nhật bình nâu cho đỡ lạnh, đi lang thang trong vườn. Suy nghĩ vẫn vơ. Từ ngày Phật học viện giải tán và tăng sinh, học sinh như tôi trở thành "nông sinh," tôi không có dịp để suy nghĩ mông lung như vậy. Huống chi trong phương pháp tu tập của Thiền tông, sự vận dụng trí óc để chạy theo, đuổi bắt ngoại cảnh, đều bị coi là những tạp niệm, hay vọng niệm, làm trở ngại cho sự định tâm, kiến tánh. Tôi đã ý thức được điều đó ngay từ khi khởi lên những ý nghĩ chẳng dính nhập gì đến cộng phụ tu tập. Nhưng rồi dòng suy tưởng vẫn cứ tuôn chảy ồ ạt, lan man... như cơn nước lũ vội vàng cuốn qua những lũng thấp và đồng bằng: ngõ ngách sâu hay cạn, rộng hay hẹp trên đường đi của nó đều được khai phá, len lỏi và lấp đầy. Ban đầu tôi còn dùng các phương pháp nhiếp tâm để gạt phẳng những ý nghĩ đó đi, nhưng khi chúng quay trở lại với một vài hình ảnh, một vài kỷ niệm đẹp của quá khứ, tôi lại dễ dãi buông thả dây cương... Tâm ý tôi bấy giờ như con ngựa hoang, tung vó mịt mù trên đồng cỏ hoang sơ.

Năm ấy tôi tám tuổi, mới học lớp bốn. Chiều đi học về cất tập vở xong là ra sân, chơi đủ trò với mấy anh em nhỏ trong nhà. Chơi đánh đáo, tạt lon, giựt cờ v.v... Nhà tôi lúc ấy có khoảng sân lát gạch khá rộng, chơi đùa rất thích. Thỉnh thoảng cũng có chơi những trò chơi của con gái như lò cò, nhảy dây, đánh thẻ... Con nít mà, chơi thứ gì vui là thích rồi, có phân biệt được trai gái chi. Chơi xong vào tắm rửa ăn cơm. Buổi tối rủ nhau qua chùa sư nữ tụng kinh. Xong thời kinh, về ngủ một giấc thật ngon. Trong mơ chỉ thấy toàn mộng đẹp (thấy

được xem phim, đi chơi hay được ăn các món ngon...). Cuộc đời con nít của tôi trôi qua êm ả như vậy bỗng nhiên mùa hè năm đó lại dậy sóng.

Sát cạnh nhà tôi là nhà của anh Long, một giáo sư trung học. Chị Thanh vợ anh Long cũng dạy học ở một trường tiểu học nào đó tại Nha Trang. Hai vợ chồng có một đứa con trai tên Minh và một đứa con gái tên Hằng. Hai nhà sát nhau nên chúng tôi cũng thường qua lại để chơi chung với nhau nhiều trò chơi. Minh sáu tuổi rồi nên có thể tham dự những trò chơi của bọn anh em chúng tôi, còn bé Hằng thì quá nhỏ nên chỉ ngồi ngó. Buổi chiều đó như thường lệ, anh em chúng tôi bày trò chơi trong sân, nhưng chẳng thấy Minh qua. Đến khi chơi xong mới thấy nó xuất hiện ở cửa sổ (cái cửa sổ này mở ra phía sân trước nhà tôi), và bên cạnh Minh lại ló ra một khuôn mặt dễ thương của một cô gái nào đó không phải là bé Hằng. Cô gái ấy lớn hơn Minh, trạc tuổi tôi thì phải. Đôi mắt cô to tròn, đen lầy với hai hàng lông mi cong như... lông mi búp bê. Tôi chỉ kịp nhìn thấy được đôi mắt ấy là bủn rủn cả tay chân, chẳng chơi được trò trống gì nữa. Mà cô bé này cũng lạ, thấy tôi bủn rủn, luyến quỳnh thì cũng e lệ nép vào sau cái màn cửa sổ; một lúc sau mới thấy ló đầu ra lại với một phần tóc đen nhánh phủ một bên trán và con mắt bên trái long lanh như tìm kiếm tôi. Tôi không chịu đựng nổi cái nhìn e ấp đó. Tôi mắc cỡ, lảng vào trong nhà.

Sau giờ cơm tối mà trời hãy còn sáng. Tôi lại ra sân, với từng bước dè chừng. Tôi không chơi nhiều, chỉ đứng ở cửa ngõ dưới hàng bông giấy nhìn ngựa xe qua lại... và thỉnh thoảng tôi liếc mắt nhìn về hướng nhà của thằng Minh. Nhà bên ấy, lũ trẻ con ăn cơm xong cũng ra đứng đứng ngồi ngồi trước ngõ. Liếc qua liếc lại, tôi và "nàng" lại thấy nhau, rồi lại then thùng, mắc cỡ. Đứng chơi một chốc thì có một người anh của tôi bước ra. Anh ấy cao nhòng, được coi như là một trong những anh lớn của tôi, nhưng thực ra anh mới có mười hai tuổi. Anh đứng lặng lẽ chẳng nói gì, chỉ ngó bằng quơ ra đường (chắc là chờ đợi cô bạn gái nào đó đi ngang). Vậy mà anh cũng bắt được tia nhìn của "đôi trẻ." Có lẽ khởi nguyên từ đôi mắt tôi: đôi mắt tinh ranh tám tuổi đã biết "đứng gần trông với áo tiểu thơ" (1). Anh bước vài bước từ cửa ngõ ra sát mé đường rồi quay lại. Từ vị trí đó, anh tạo thành một hình tam giác giữa anh, tôi và cô bé hàng xóm ở nhà Minh. Anh cố ý làm vậy để có thể nhìn thấy "chúng tôi" và cũng để cho chúng tôi nhìn thấy anh rõ hơn. Anh tăng hằng mấy tiếng để gây sự chú ý, rồi anh gọi cô bé kia:

"Ê, ê!" (vì chẳng biết tên cô bé ấy).

Tôi chẳng hiểu anh muốn gì nên vừa ngó anh, vừa liếc sang bên kia. Bỗng thấy anh một tay chỉ vào tôi, một tay chỉ cô bé ấy, vừa cười vừa nói:

"Ê, ê! Thằng Khang nè!"

Cô bé vội vàng chạy trốn vào nhà. Tôi cũng đỏ mặt, nấp mình sau tường rào. Tim tôi đập rất mạnh. Anh chỉ chọc hai đứa tôi vậy thôi (cái trò đó người ta gọi là "cắp đôi"), rồi quên đi, không bao giờ để ý đến nữa. Nhưng hai đứa chúng tôi trở thành bạn. Vậy là, "một hôm trận gió tình yêu lại." (2)

Cô bé ấy tên là Trang, trong nhà thường gọi là Xù (một cái tên không thích hợp gì với nước da trắng mịn của cô cả). Tên Xù đọc nghe chẳng hay, nhưng tôi cứ gọi Trang bằng cái tên ấy một cách tự nhiên, như người nhà bên đó thường gọi. Ngày nào chúng tôi cũng qua lại chơi với nhau. Cũng hồn nhiên như ai vậy. Con nít mà. Tuy nhiên, trong những trò chơi, tôi và Trang thường tránh né chuyện chạm tay nhau. Lỡ có bị buộc phải nắm tay nhau như trong trò chơi kéo co (vì tôi và Trang là đầu tàu của hai phe) thì cũng ngại ngừng, mất tự nhiên. Thường thường, hễ tôi đứng về phe của Trang thì phe "chúng tôi" phải thắng; nhưng nếu tôi và Trang đứng về hai phe đối nghịch thì phe tôi lúc nào cũng chịu phần thua. Bởi vì, tôi không bao giờ có ý chí đấu tranh để thắng Trang, dù chỉ trong một trò chơi con nít. Tôi chỉ thích nhìn ngắm Trang cười sung sướng, hả hê trong thắng lợi. Trang ngang tuổi tôi mà đã ra vẻ đàn chị, chẳng chặc, ít cười nói; cho nên chọc được Trang cười là tôi thích thú rồi, đâu cần phải chiến thắng gì nữa.

Cười đùa suốt ngày chưa đủ. Buổi tối, chúng tôi còn rủ nhau đi tụng kinh ở chùa sư nữ gần nhà. Chẳng ai bắt buộc hay kêu gọi khuyến khích gì cả mà chúng tôi cứ đi tụng kinh siêng năng, chẳng bỏ một tối nào. Đám con nít đi tụng kinh tối lúc đó gồm có năm đứa. Phía nhà tôi bốn, phía bên đó chỉ có mình Trang. Minh và bé Hằng thỉnh thoảng mới đi một lần nhưng rồi cũng về sớm trước khi khóa lễ kết thúc. Trong "trò chơi" tụng kinh này, tôi mới thực sự thắng được Trang dù không cố ý, vì tôi thuộc rất nhiều bài kinh ngắn, mà lại có giọng to, đọc nghe sang sảng. Trang chỉ đọc lí nhí trong họng như con chim con bị lạnh. Hễ thấy tôi ngưng đọc và có ý lắng nghe thì Trang cũng ngưng, làm bộ vén tóc, sửa thế ngồi. Trang tụng kinh không hay, nhưng về phần nghiêm trang thì Trang vượt hơn tôi nhiều. Nét mặt Trang rất thành khẩn lúc đứng trước điện Phật. Và càng thành khẩn, Trang càng đẹp, càng dễ thương hơn. Đôi khi, ở những lúc mà chỉ có sư cô chủ lễ xướng đọc một mình bài phục nguyện dài, tôi ngồi phía đối diện chỉ biết ngắm nhìn Trang say sưa. Không những Trang có đôi mắt đen lầy thật đẹp mà còn có sống mũi cao, cái miệng nhỏ với đôi môi đỏ chót như thoa son. Ít có cô bé nào có nét mặt trang nghiêm mà đậm thắm như Trang. Về trang nghiêm trầm lặng ấy cuốn hút tôi kinh khủng.

Có lần, tôi và bảy em theo xe jeep của người anh rể đi dạo mát chơi dọc bờ biển sau giờ cơm tối. Khi trở về thì bên chùa đã tụng kinh (nhà tôi cách chùa hai căn; nhà Trang

cách chùa một căn). Rủ bọn em qua chùa nhưng không đứa nào chịu đi, tôi đi một mình. Bước vội ở hàng hiên bên hông chánh điện (trên lầu), tôi nhìn vào cửa sổ thấy Trang đang quỳ lạy. Phía trên bực cao gần bàn thờ Phật có bốn sư cô, nhưng phía dưới thì chỉ có hai cụ già và một mình Trang. Hai cụ già đứng ở hàng trước, Trang lui ở hàng sau. Tôi đứng lại bên cửa sổ, trong bóng tối, nhìn lên Trang lạy Phật. Mỗi lần lạy xong Trang cứ quay đầu nhìn ra cửa chính như mong đợi ai. Với sự bén nhạy tình cảm của con nít, tôi biết là Trang mong đợi tôi. Trang không ngờ tôi đi cửa hông chứ không phải là cửa chính như lệ thường. Rồi bất chợt khi ngồi xuống trở lại để tụng nốt đoạn kinh chót, Trang quay nhìn về hướng cửa sổ và bắt gặp tôi. Trang cười, tôi cũng cười. Rồi Trang đưa tay ngoắc tôi vào tụng kinh, điệu bộ giống như ra lệnh, như thể Trang có thẩm quyền nào đó đối với tôi vậy. Tôi ngoan ngoãn bước vào, đứng bên Trang.

"Sao đi trễ vậy?"

"Ơ... tại đi chơi mới về."

"Suyt, nói nhỏ nhỏ á. Ham đi chơi lắm."

Rồi hai đứa chúng tôi ngồi kế bên nhau, tụng kinh. Đó là lần đầu tiên chúng tôi tụng chung một cuốn kinh. Kinh Pháp Hoa của chùa có đóng bìa dày, đẹp, cất trong tủ khóa; mỗi người đến tụng chỉ được các sư cô đưa cho một cuốn, không đưa dư. Tôi đến trễ không có kinh, phải tụng chung với Trang. Tôi là kẻ đọc ké nên chỉ ngồi im, thụ động để Trang lật kinh khi qua trang. Bàn tay Trang có những ngón búp măng trắng, nhỏ. Tôi tụng kinh không được chú tâm. Chẳng thấy, chẳng biết kinh là gì nữa, chỉ để tâm đến bàn tay lật kinh mà thôi (giống như kẻ mê chấp chỉ chăm chăm ngó vào ngón tay chỉ mặt trăng chứ không chịu nhìn chính mặt trăng ấy).

Xong thời kinh, hai đứa chúng tôi cùng về. Tự dưng hai đứa đi rất chậm, không giống như mọi đêm trước. Mà lại chẳng biết nói gì với nhau. Đến ngang cổng nhà của Trang, tôi ngập ngừng một lúc rồi nói:

"Thôi Xù vô nhà đi, mai qua chơi nha."

"Ờ..."

"Về nha, Xù," tôi lại nói trước khi quay đi.

"Khoan đã. Người ta biểu đừng kêu như vậy nữa mà cứ kêu hoài. Người ta tên Trang chứ bộ."

"Ờ... không kêu vậy nữa, xin lỗi Xù. Ủa, xin lỗi Trang..."

Trang làm mặt giận, đẩy cánh cổng gỗ, bước vào trong. Nhưng rồi cũng cười với tôi trước khi vào nhà. Tôi về tắm rửa, lên giường ngủ mà con mắt cứ thao láo. Tôi nhớ cảm giác ấm cúng khi ngồi bên Trang. Tôi nhớ điệu bộ vừa giận lẫy vừa trách yêu của Trang.



Hôm sau tôi dậy sớm, cứ ra sân trông ngóng Trang qua chơi. Bắt đầu từ ngày đó, chúng tôi không còn chơi đùa hồn nhiên như trước kia nữa. Trang bây giờ chỉ ngồi nhìn, ít khi tham dự trò chơi. Tôi và Trang trở thành những "người lớn" trong bầy trẻ ham vui. Và thích nhất vẫn là mỗi tối qua chùa tụng kinh. Đi sớm trước khóa lễ, chúng tôi đứng ở lan can trên lầu hóng gió mát từ phía sông thổi vào. Thực ra từ chỗ chúng tôi đứng, cũng chỉ thấy được con sông chỗ khuất chỗ hiện phía sau những căn nhà mái tôn lụp xụp. Trong bóng đêm, cứ chỗ nào thấy ánh đèn lấp lóa lung linh

thì biết chỗ đó là nước sông. Người lớn chỉ gọi nó là cái *đầm* (đầm Xương Huân), nhưng bọn nhỏ chúng tôi cứ gọi sông cho tiện. Chẳng có đề tài gì để nói với nhau, thỉnh thoảng chúng tôi lại đem chuyện sông ra mà nói vu vơ. Nào là con sông này dơ quá. Nào là sông gì mà chẳng thấy ghe thuyền đâu cả. Nào là hôm nay ngồi sao Hôm mọc sớm quá không thấy bóng nó in dưới nước... Hết chuyện nói thì làm thỉnh nhìn trời, nhìn đất. vén tóc mai. Sửa lại kẹp tóc. Bẻ ngón tay. Gỡ lớp sơn ri sét trên lan can. Yên lặng, nhưng vẫn cứ thấy thích thú trong lòng.

Những ngày mùa hè êm đẹp ấy rồi cũng trôi qua. Khi học sinh các trường lục tục sửa soạn cặp táp và bút mực để vào niên khóa mới, tôi có nhiều đề tài để nói với Trang hơn.

"Sắp sửa đi học lại rồi. Mua tập vở chưa?"

"Chưa," Trang đáp nhỏ.

"Học trường nào vậy?"

Trang làm thỉnh một lúc rồi nói, chẳng nhìn tôi:

"Đâu có học ở Nha Trang đâu."

"Vậy hả?"

Tôi ngạc nhiên nói vậy mà thực chẳng hiểu nổi không học ở Nha Trang có nghĩa là sao, và vì Trang không giải thích gì thêm, tôi cũng chẳng dám mở miệng hỏi.

Vài hôm sau, các anh chị lớn của tôi có tổ chức một chuyến đi tắm ở đảo Bích Đầm, ngoài khơi biển Nha Trang. Bầy trẻ chúng tôi được ba mẹ cho phép đi theo. Chúng tôi sợ bị bỏ lại nên nhắc mẹ đánh thức dậy từ sáng sớm để ngồi chờ các anh chị dẫn đi. Con tàu sắt nhỏ do mấy anh lính hải quân lái, chạy đâu chừng non một giờ đồng hồ trên biển là tới. Đến đảo, tôi mãi mê hụp lặn, bơi lội, chẳng biết mệt mỏi, nhàm chán. Xế chiều, trên đường về nhà, tôi mới nhớ đến cô bạn nhỏ hàng xóm. Tôi ước ao có thể chia sẻ được những vui thú của mình với Trang. Căn nhà của Trang, không khí sinh hoạt bên nhà Trang sao lúc nào cũng thấy tẻ lạnh, buồn hiu. Nếu không ở sát bên nhà tôi, bầy trẻ bên ấy chắc còn chịu cảnh tiêu điều ảm đạm hơn. Tôi nghĩ, giá như chuyển ra đảo này có Trang đi

cùng. Nhưng ao ước đó chắc chắn là chẳng bao giờ có thể xảy ra. Số người đi có giới hạn. Các anh chị lớn của tôi còn không dám rủ bạn bè theo hưởng chi bấy trẻ chúng tôi.

Về nhà tắm lại nước lạnh, thay áo quần xong là tôi chạy qua nhà Trang ngay. Nhưng tôi chỉ vào được trong cái sân nhỏ. Cửa sắt đã đóng kín mít, có ổ khóa thật lớn bên ngoài: cả nhà đi vắng. Tôi buồn bã quay về. Chốc chốc lại chạy qua, nhìn cái ổ khóa xem có còn đó không. Chiều tối, bên trong nhà Trang vẫn chưa lên đèn. Cái ổ khóa màu trắng bạc ánh lên trong bóng đêm, nhìn là biết ngay nó còn sờ sờ ra đó. Tôi đến chùa tụng kinh một mình. Ngồi tụng cho có lệ vậy thôi chứ trong lòng thấy buồn vắng vô hạn. Tụng kinh xong, tôi về ngang nhà Trang vẫn thấy trong nhà tối thui. Vậy là hồi sáng sớm, khi bên nhà tôi lo đi tắm đấm thì bên này, gia đình Trang cũng lên đường đi xa ở đâu rồi.

Suốt buổi sáng kế tiếp, tôi thẩn thờ ngồi trước sân nhà, chờ đợi cánh cửa sổ phía nhà Trang mở ra—cánh cửa sổ mà khi nào muốn trò chuyện hoặc rủ tôi qua chơi là Trang mở toang nó ra, giả vờ ngồi xem truyện tranh hay ngó bằng quơ đầu đồ trên trời. Mấy đứa bạn trai học chung lớp tôi đến rủ đi tắm biển, tôi không buồn đi. Cứ ngồi đó, chờ đợi.

Đến chiều, trước giờ cơm, tôi mới thấy cánh cửa sổ ấy mở ra, nhưng bức màn màu xanh da trời bên trong hầy còn thả xuống, chẳng thấy ai ngồi nơi ấy. Tôi nghe rộn rã trong lòng, hớn hở chạy qua nhà Trang. Tôi gặp ngay Minh đứng chơi ở cửa sắt. Thấy tôi là Minh nói ngay:

“Đi rồi. Không có ở đây nữa đâu.”

Cái thằng Minh này mới có sáu tuổi mà lém lỉnh quá. Nó làm như trong nhà nó, tôi chỉ quen có một mình Trang thôi vậy. Nhưng lúc ấy, tôi cũng đâu có chấp nhất gì (mà còn thấy hãnh diện nữa là khác, vì điều đó không phải là một sự công nhận bất thành văn rằng tôi và Trang là đôi bạn thiết, là bạn của nhau hay sao!). Tôi hỏi lại:

“Đi đâu?”

“Đi Phan Rang chơi đi đâu.”

Ngập ngừng một lúc, tôi hỏi tiếp:

“Phan Rang là ở đâu?”

“Phan Rang xa lắm. Hồi hôm qua Minh với bé Hằng theo ba má đi Phan Rang với con Xù để đưa nó về lại với ba má nó ở đó. Xa lắm. Đi xe đò mà thấy lâu lắc à!”

“Chùng nào mới trở lại đây?”

“Không biết nữa. Nếu ba má nó cho nó đi thì nó đi. Nghe má Minh nói khi nào nghỉ hè thì cho nó đi Nha Trang chơi.”

“Vậy hả?”

Thất thểu quay về nhà, tôi đứng dưới giàn bông giấy trước ngõ một lúc, rồi vụt chạy vào trong, chui xuống một góc tối của bàn thờ. Khóc.

Chúng tôi chưa đủ lớn để biết trước những gì sắp xảy ra. Có lẽ Trang đã không biết rõ

ĐÔI GUỐC ĐỨT QUAI

Bên em đôi guốc đứ đứ quai

Đưa anh cầm hộ guốc coi còn lạnh

Dù em ghé quán bên đường

Cuối đường cửa tiệm khách hàng vắng hoe

Guốc đôi đã hỏng chân què

Tàn cây cỏ thụ thân che trời găm

Guốc yêu thương guốc ngập ngừng

Bao lần muốn tỏ vạ lần chưa yên

Cha em đeo gọt chân êm

Quai da mẹ bọc vải mềm lo xa

Quảng nam xứ Huế nhớ ra

Hải Vân lội ngược tình ta quẩn gì

Em lắt đầu lẹ vành mi

Vui buồn thương giận hòa vì khơi trong

Chùa Non Nước động Huyền không

Âm thanh tuyệt diệu bỗng dừng cũi đầu

Lạy Phật lạy Pháp khăn cầu

Sờn vai áo rách vá khâu mọi bề

Guốc nay nhẹ bước trắng thề

Khoan thai bước dặng ngõ về tà bay

Chuyện tình đôi guốc còn đây

Vàng trắng đầy nước đổi thay cõi lòng.

thơ

ẤN KIÊN

ngày nào sẽ trở về Phan Rang, hoặc có biết ngày đó nhưng không biết rằng khi hai người bạn thân chia tay nhau, họ cần nói với nhau những lời từ biệt. Cũng có thể vì nhớ nhà quá nên khi biết là sắp sửa về quê, Trang đã vô tình quên luôn người bạn trai cạnh nhà.

Tôi chỉ khóc có một lần thôi. Những ngày kế tiếp tôi không khóc nữa, có thể đi học bình thường, vui chơi với chúng bạn, nhưng mỗi lúc đi ngang nhà Trang là tôi thấy một nỗi buồn rừng rậm, bóp nhẹ từng hồi trái tim bé xíu của mình.

(còn tiếp)

(1) Từ bài Học Sinh, thơ Huy Cận (1919 – 2005)

(2) Cùng tác giả Huy Cận trong bài thơ Học Sinh.